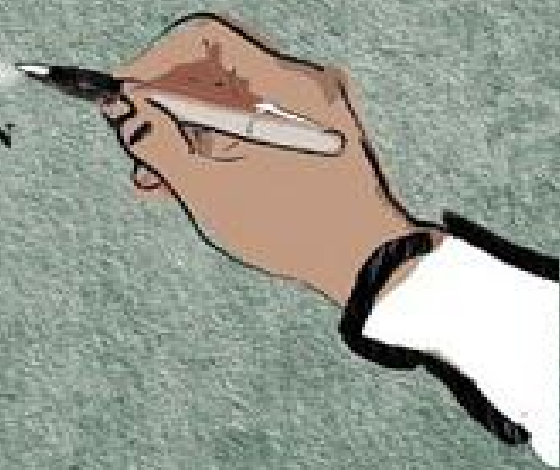


nguyễn nhật ánh

SƯƠNG  
KHÔI

QUÊ  
NHÀ

TẬP VĂN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

## **Thông tin sách**

**SƯƠNG KHÓI QUÊ NHÀ**

**Nhà xuất bản Trẻ 2012**

*Tác giả:* Nguyễn Nhật Ánh

*Thể loại:* Tạp văn

*Minh họa:* Đỗ Hoàng Tường

## **Thông tin ebook**

*Nguồn:* file PDF scan của Sadec1

*ORC, sửa chính tả và tạo ebook:* Nomizuha

*Diễn đàn:* <http://tve-4u.org>

*Hoàn thành:* 12/2019

Nguyễn Nhật Ánh dẫn dụ người đọc bởi kiến thức đời sống sâu rộng, óc quan sát tinh tế, sự liên tưởng độc đáo và một văn phong giàu cảm xúc, sáng sủa đỉnh đặc.

Những bài báo - những tạp văn - của Nguyễn Nhật Ánh, mặc dù được viết vào những thời điểm khác nhau và bao gồm những sự việc, những vấn đề rất khác nhau, khi tập hợp lại, đã có được sự gắn kết và đã tạo nên được vóc dáng mới, một sức lôi cuốn mới.

Có lẽ không có nhiều những bài báo, sau nhiều năm tháng, khi đọc lại, không những còn giữ được niềm yêu mến cũ mà còn có thể tìm thêm được một tầng nghĩa mới, như những bài báo của Nguyễn Nhật Ánh.

Đọc tạp văn Nguyễn Nhật Ánh, người ta nhớ đến thơ của anh. Ẩn giấu sau những trang văn, là tâm hồn của nhà thơ tài hoa.

Nhà thơ Ý NHI  
(*Thể Thao & Văn Hóa 3.6.2005*)

“Đến bây giờ, bản lĩnh nghề nghiệp của Nguyễn Nhật Ánh đã thể hiện sự tự tin rất cao. Anh viết cái gì người ta cũng rất thích, không phải nhà văn nào cũng có thể làm được như vậy”

Nhà văn TRẦN QUỐC TOÀN  
(*Người Lao Động, 11.12.2010*)

“Tôi nghĩ là giờ Nguyễn Nhật Ánh có viết gì thì độc giả vẫn sẽ đọc, vì anh đã tạo dựng được một thương hiệu riêng, trở thành thần tượng của nhiều độc giả”

Nhà văn PHONG ĐIỆP  
(*Thể Thao & Văn Hóa, 8.6.2012*)

1



# cây trái tuổi thơ

**1** Chiều hôm qua, lúc chạy xe ngang một ngôi chợ nhỏ ven đường, tôi bỗng bắt gặp một cảm giác là lạ. Dường như ánh mắt tôi vừa trông thấy một *cái gì đó*. *Cái gì đó là cái gì*, ngay lúc đó tôi không nhận thức được, cũng không thể gọi tên ra, nhưng rõ ràng cái mà *cái gì đó* vừa gieo vào lòng tôi là một cảm giác rất đối thân thuộc, ấm áp và gần gũi.

Dù đang có công việc gấp, nhưng tôi biết tôi không thể chạy luôn: cái cảm giác đó đã níu chân tôi. Tôi quay xe lại, giảm ga và chạy chậm chậm dọc ngôi chợ nhỏ. Những thúng mủng ven đường đựng những món chúng ta vẫn bắt gặp ở một ngôi chợ nửa tỉnh nửa quê: dưa leo, những bó rau muống, các loại cà, những rổ trứng, những rổ cá hấp, cần tây, hành ngò, cà rốt và bắp cải... Tôi lướt mắt một vòng, vẫn chưa nhận ra cái cảm giác kia bắt nguồn từ đâu. Những thứ vừa kể, tôi vẫn trông thấy hằng ngày, chắc chắn không làm tôi xao xuyến đến vậy.

Chạy tiếp một quãng nữa, ngán thôi, tôi chợt hiểu ra. *Cái gì đó* kia rồi! Nó đang nằm giữa một thúng thanh long và một thúng măng cụt.

**2** Đó là một rổ thị chín. Lâu lắm, cơ hồ đã gần hai chục năm, tôi mới lại nhìn thấy một rổ thị chín giữa một ngôi chợ ở Sài Gòn. Thanh long màu đỏ, măng cụt màu tím, những quả thị màu vàng - chúng nằm cạnh nhau trông thật đẹp mắt. Chỉ đẹp mắt thôi, vì dù sao những quả thị vàng - thứ trái cây miền Trung quen thuộc với tuổi thơ tôi - nằm kế hai loại trái cây nổi tiếng của miền Nam trông giống như người đi lạc.

Ở các ngôi chợ làng Quảng Nam vào mùa thị chín vẫn có thị bày bán ngoài chợ. Nhưng những quả thị vàng ươm, tròn tròn, xinh xinh và thơm nức mũi chỉ hấp dẫn trẻ con và các cô gái trẻ. Bọn trẻ mua thị bỏ vào cặp sách, ngăn bàn hoặc túi áo cho thơm, hít hà chán (có

khi đến ba, bốn ngày) đến khi quả thị mềm đi mới bóc ra ăn, rồi tách vỏ thị thành nhiều cánh xếp lên tường dán thành những bông hoa. Trong truyện *Mắt biếc*, tôi từng bồi hồi nhớ lại “Những mảnh vỏ thị được bóc khéo khi dán lên bàn hoặc lên tường trông giống hết một bông hoa, có khi là hoa quì, có khi là cúc đại đóa, có khi là một loài hoa không tên nào đó màu vàng. Người lớn lẫn trẻ con làng tôi đều thích trò này. Mỗi năm, đến mùa thị chín, trên những bức vách và những cánh cửa của các ngôi nhà trong làng lại bỗng nhiên xuất hiện vô số những bông hoa vàng. Những bông hoa này hẳn nhiên do những tay nghịch ngợm nào đó lén dán lên vào tối hôm trước nhưng rồi người ta cứ để mãi, chẳng ai buồn gỡ xuống, kể cả chủ nhà, chỉ có thời gian và mưa gió mới làm chúng tróc đi. Trong thời gian đó, khách đến làng tôi có cảm giác như đi giữa một rừng hoa mênh mông và vàng rực. Ngay cả lũ bướm cũng bị làm. Chúng cứ lượn quanh trước các ngôi nhà từ sáng đến chiều, mãi đến khi trời sụp tối, chợ Đo Đo đã lên đèn, bấy giờ đôi meo và thất vọng, chúng mới buồn rầu đập cánh bay đi”. Bà Kato Sakae, người dịch tác phẩm *Mắt biếc* sang Nhật ngữ, rất thích hình ảnh này. Lần nào qua Việt Nam, bà cũng hỏi tôi về quả thị. Rốt cuộc tôi phải nhờ bạn bè tìm cho bà vài quả, hướng dẫn bà cách bóc vỏ thị làm hoa trên tường, lúc đó bà mới thôi nản nì.

**3** Thị không phải là loại trái cây để ăn no bụng như mít, xoài, măng cầu hay đu đủ, trừ khi quá đói. Bởi thực ra, nó không phải là loại trái cây ngon. So với hương thơm ngào ngạt thỏa mãn khứu giác, những cánh hoa vàng làm từ vỏ thị thỏa mãn thị giác thì cái vị giòn ngọt, chan chát của quả thị rõ ràng không đáp ứng đòi hỏi nghiêm túc của vị giác. Đó là loại trái cây để *ngửi*, để *ngắm*, để *chơi*, chứ không phải để *ăn*. Ngay cả cách “thu hoạch” thị cũng khác: Hồi bé, cạnh ngôi trường làng tôi học có một cây thị già, nhưng tôi nhớ hầu như không đứa học trò nào trèo cây hái quả. Trẻ con hái ổi, hái mận, hái xoài, nhưng không hái thị. Chúng tôi chờ thị rụng để thi nhau nhặt, có khi đánh nhau đến bươu đầu sứt trán để giành giật những quả thị đôi khi dập nát. Nhặt thị rụng là một trong những trò chơi thú vị của chúng tôi hồi đó. Và vật nhau đến rách áo, chỉ để nhặt thị về chơi, để xuyết xoa mùi thơm chứ không phải để ăn. Tất nhiên, cuối cùng rồi cũng ăn, nhưng ăn không phải là mục đích đầu

tiên, càng không phải là mục đích duy nhất. So với cách ứng xử với các loại trái cây khác, thái độ của trẻ thơ (và có lẽ cả người lớn nữa) đối với quả thị rõ ràng rất khác.

Bà hàng nước trong truyện *Tấm Cám* khi nhìn thấy quả thị do cô Tấm hóa thân, đã cất giọng ngọt ngào: “Thị ơi thị rụng bị bà/ Bà để bà ngửi chứ bà không ăn”. Bà già đôn hậu đó cẩn thận quá, chứ nếu bà không nói thế tôi tin cô Tấm vẫn biết thừa bà sẽ không ăn quả thị đó. Trẻ con không xem chuyện ăn thị là tiên quyết - với người già, chuyện “bà để bà ngửi chứ bà không ăn” lại càng đáng tin.



**4** Rõ ràng, quả thị được lưu giữ trong ký ức con người không phải với tư cách một *món ăn* mà với tư cách một *món chơi*. Chính điều đó khiến quả thị trở thành một phần kỷ niệm của những ai từng lớn lên ở làng quê miền Trung. Những trưa đứng bóng, vừa tới lớp, quẳng vội cặp sách lên bàn rồi ba chân bốn cẳng chạy lại xúm



xít quanh gốc thị để giành quả rụng là một trong những ngọn nến lung linh trong ký ức tuổi thơ tôi. Lớn lên chút nữa, hình ảnh những nữ sinh áo trắng thướt tha bỏ thị trong cặp sách để hương đượm quanh tà áo là một câu chuyện thơ mộng khó quên khác.

Sau này tôi đi lập nghiệp phương Nam, mùa thị chín chỉ theo về trong những giấc mơ sầu xứ. Cho nên chiều hôm qua, rỏ thị bày bắt chợt bên chợ ven đường đã buộc tôi dừng chân, “ngoái đầu thương dĩ vắng”. Dĩ nhiên tôi đã mua hết rỏ thị đó, không ngập ngừng, không trả giá. Bởi tôi không mua một món hàng. Tôi mua kỷ niệm. Từ một bà già đến từ ngoại ô và hắt trong khu vườn của chủ nhân có một cây thị hiếm hoi ở đất Sài Gòn.

Tôi đã đem những quả thị về nhà, đặt trên bàn viết để bồi hồi nghe hương thơm tuổi thơ quẩn quít và nghe quá khứ thao thức vọng về. Tôi đã không ăn, cũng không bóc ra để xếp thành những bông hoa tuổi nhỏ. Ừ, xếp làm gì khi những cánh hoa vàng vẫn không nguôi lấp lánh trên bức tường kỷ niệm của tuổi thơ tôi...

*Tạp chí Duyên Dáng Việt Nam, tháng 11-2011*

# bà ơi, bán cho con lon nén!

**1** Sài Gòn là thành phố chợ. Không tính những siêu thị hiện đại mọc lên nhan nhản gần đây, Sài Gòn có xấp xỉ hai trăm chợ lớn nhỏ, có những ngôi chợ tồn tại rất lâu, thậm chí trên hai trăm năm như chợ Kim Biên. Chợ nổi tiếng thì nhiều, ngoài Kim Biên còn có các ngôi chợ lừng danh khác: chợ Bến Thành, chợ Bình Tây, chợ Cầu Ông Lãnh, chợ Bà Chiểu... Nhưng với tôi, ngôi chợ độc đáo nhất là chợ Bà Hoa ở Tân Bình.

Chợ Bà Hoa được xem như ngôi chợ Quảng Nam giữa lòng Sài Gòn. Ở đó, có thể tìm thấy hầu như không thiếu một thứ gì của xứ Quảng: đường bát, khoai lang khô, bánh tổ, bánh nỏ, dưa gang... Mì Quảng là món ăn đặc trưng và nổi tiếng nhất của Quảng Nam, nhưng người ta có thể tìm thấy quán mì Quảng ở nhiều nơi trong thành phố, ngay cả sợi mì Quảng các bà nội trợ vẫn có thể mua ở chợ Bến Thành quận 1 hay chợ Nguyễn Tri Phương quận 5. Nhưng với các món tôi vừa kể trên, chỉ có thể tìm thấy ở chợ Bà Hoa.

**2** Nhưng đường bát, khoai lang khô hay dưa gang chưa hẳn chưa phải là “hàng độc”. Dĩ nhiên chỉ chợ Bà Hoa mới có mấy thứ đó, nhưng người Sài Gòn nhìn vô biết ngay đường bát tức là đường, khoai lang khô tức là khoai lang, cũng như dưa gang tức là... dưa. Chỉ có củ nén, người miền Nam chẳng biết nó là thứ gì: “Củ này là củ gì vậy bà?”, “Củ này dùng để làm gì vậy bác?”... Thấy củ nén, trăm người như một mắt đều trở lên như nhau và miệng đều hỏi những câu giống nhau. Chưa kể, trong chợ Bà Hoa chỗ này bày đường bát thì chỗ kia bày dưa gang, thức nào chỗ đó. Riêng nén, gặp mùa, cứ đi vài ba bước dọc chợ lại thấy một thùng nén nằm phơi mình trong nắng. Cả chợ trắng xóa, ấn tượng vô cùng!

**3** Ở thôn quê Quảng Nam, hầu như nhà nào cũng trồng vài vạt nén. So với hành, nén dễ trồng, dễ chăm sóc hơn nhiều. Trồng

nén cũng không cần lên vòng cao như trồng khoai lang, chỉ cần vạt đất cao chừng nửa gang tay để phòng ngập nước lúc trời mưa. Nén để làm gì? Trước tiên là để khử dầu. Người Sài Gòn hay khử dầu bằng tỏi. Người Quảng khử bằng nén. Đặc biệt, nén mà dùng để khử dầu phộng thì hết ý. Dầu phộng khử nén dùng nấu mì Quảng hay các món chiên xào, hương vị thơm ngon khó tả. Có người mê nén đến mức thứ gì cũng ướp nén, kể cả... bánh tét. Nén còn dùng để nấu chè, gọi là chè nén, có tác dụng giải cảm. Nén nấu cháo hay ngâm rượu cũng có tác dụng tương tự.

**4** Củ nén thuộc họ hành, còn gọi là hành tằm hay hành hoa. Nói về công dụng và cách thức chế biến củ nén (cả lá nén) để trị bệnh thì nhiều, nói không khéo lại sa đà vô lãnh vực của các nhà y học. Thực sự tôi chỉ nhớ nhất món cá chuồn chiên giòn củ nén. Hồi bé những lúc đói bụng tôi hay lẩn quẩn trong bếp xem mẹ tôi làm thức ăn, càng xem bụng càng đói thế mà vẫn cứ khoanh tay ngang bụng ngồi thu lu xem. Tôi nhớ mồn một cảnh mẹ tôi cắt vi cá chuồn, làm sạch bụng cá rồi cho củ nén, tỏi, hành, ớt, củ nghệ vào cối giã cho nát, xong nhét vào bụng cá. Sau đó, gập con cá làm đôi, bắc chảo lên chiên vàng cả hai mặt. Cá chuồn chiên giòn củ nén mà ăn với nước mắm Nam Ô giã ớt tỏi, chỉ nghĩ tới thôi đã thấy nước bọt ứa đầy khe răng!

**5** Củ nén còn gọi tôi nhớ đến những ngôi chợ quê, vào cái thời mà người ta còn bán bằng đơn vị lon. Gạo, ốc ruốc, quả sim, nhộng, nén... thứ gì cũng bán lon. Hồi nhỏ mỗi lần được mẹ cho tiền, tôi sung sướng nắm chặt tờ giấy bạc trong tay, chạy ù xuống chợ, hồn hên trước các mủng mẹt: “Bán cho con một lon sim”, “Bán cho con một lon ốc ruốc”... Bây giờ, hầu hết các mặt hàng đã chuyển qua bán bằng đơn vị kilogram, riêng củ nén vẫn thấy bán bằng lon.

Bán theo lon có khác với bán theo kilogram? Có, nhưng điểm khác biệt rất khó nhận ra, lại không liên quan gì đến lãnh vực thương mại. Bán theo kilogram, lúc bắt lên cân, cây kim trở hơi ló một chút, người bán lập tức bớt lại cho đúng số lượng, không nghĩ ngợi - như một phản xạ. Sòng phẳng, chính xác, rạch ròi, xét về mặt kinh doanh thì không có gì đáng phàn nàn, nhưng xét về tình cảm có

chút gì đó hơi lạnh lùng. Bán theo lon lại khác: khách mua một lon ốc ruốc, một lon nhộng, một lon tiêu, một lon nén, bà hàng thấy người mua lịch sự hoặc có giọng nói nhỏ nhẹ ngọt ngào hoặc có nét mặt hiền lành, dễ ưa (như tôi hồi nhỏ?) bao giờ cũng tự động bỏ thêm một nắm, cho lon vun cao lên một chút, mắt hấp háy còn miệng thì cười móm mém: “Bà thêm cho con nè”.

Câu nói đó, ánh mắt đó, miệng cười đó, đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in và hiện nay bạn vẫn có thể tìm thấy nếu một ngày đẹp trời nào đó bạn ghé chợ Bà Hoa, lần bước tới sạp hàng bày các thúng chứa thứ củ gì tròn tròn, nho nhỏ, trắng trắng và nói với bà hàng trông giống hệt bà nội bạn ở nhà: “Bà ơi, bán cho con lon nén” mặc dù cho đến lúc đó có thể bạn chưa từng nhìn thấy củ nén bao giờ!

*Sài Gòn Giải Phóng 13-2-2011*

# trường cũ

**1** Ngày Tết, những con người phiêu bạt tha hương thường có thói quen tụ họp với nhau để vui đi nỗi sầu cố quận. Ngoài họp đồng hương, một cuộc họp mặt khá phổ biến khác là họp đồng môn, nói nôm na là “họp lớp”. Đó là dịp bạn bè cũ thời trung học ngồi lại với nhau, nói đủ thứ chuyện - chuyện xưa chuyện nay, nhưng chủ yếu vẫn là ôn lại chuyện xưa. “Chà, thằng này hồi đó nó nghịch phải biết! Ngồi trong lớp nó chuyên cột vạt áo dài của mấy đứa con gái vô chân bàn” - “Bà này bả vô tâm ghê! Hồi đó tui thương bà mà bà đâu có biết!” - “Thằng A hồi đó suốt ngày bị con B sai vặt nè!” - “Ờ, thằng A tới nhà con B chơi, bị con B sai hốt cút chó mà thằng A cũng hốt! Gớm!” - “Xạo đi mấy cha! Làm chi có chuyện động trời đó!”. Những kỷ niệm tưởng đã ngủ vùi trong ký ức, chợt thức giấc một sớm mai họp lớp, hóa thành một cơn mưa đầu xuân tắm mát các gương mặt đã hằn dấu vết thời gian và giúp cho giàn thiên lý đã xa một phút giây chợt về gần trong tầm tay với. Đám bạn cũ nhìn nhau, chép miệng: Ngày nào như thể mới hôm qua!

**2** Nói bạn bè thời trung học mà không nói bạn bè thời đại học (dù các cựu sinh viên đại học cũng thường họp bạn đồng môn) bởi bạn bè thời trung học, ngoài chuyện chung trường, chung thầy chung bạn, còn cùng chung cội nguồn quê xứ. Sinh viên đến từ mọi vùng miền, còn học sinh trung học thường cùng tỉnh cùng huyện, có khi cùng xã cùng thôn, nên ngoài kỷ niệm dưới mái trường còn biết bao nhiêu ngọt bùi khác nữa - cho nên kỷ niệm phong phú và đậm đà hơn. “Hồi học lớp bảy, ngày nào tao cũng ghé nhà thằng X ăn chực nè” - “Thằng K hồi đó lớn tòng ngồng rồi mà còn đái dầm. Tối nó ngủ nhà tao, sáng dậy mẹ tao la trời vì phải vừa bịt mũi vừa ôm chiếu đi giặt”. Những kỷ niệm ngộ nghĩnh đó chỉ có ở thời trung học.

**3** Tôi từng dự nhiều cuộc họp lớp như thế này. Không chỉ bạn cũ, mà các thầy cô cũ cũng được mời tham dự. Sài Gòn là vùng đất lành chim đậu nên bạn bè và thầy cô thời trung học của tôi lập nghiệp ở đây khá đông. “Hồi đó, thầy hay đánh em nè!”, tôi nói với

thầy hiệu trưởng cũ trong một dịp họp lớp. Một đứa bạn vọt miệng “Hồi đó thằng này nó nghịch không ai chịu nổi, thầy đánh nó là đúng rồi. Chứ chẳng lẽ thầy đánh đứa hiền lành như em”. Thầy hiệu trưởng cười hiền “Làm gì có! Mấy em đừng có nói oan cho thầy! Thầy nhớ thầy đâu có đánh ai!”. Thầy trò nhìn nhau cười đùa mà mắt rưng rưng. Tóc thầy tóc trò đều đã muối tiêu, có vài người ngả trắng. Do làm ăn lam lũ, có khi tóc trò còn trắng hơn tóc thầy. Sương thời gian đấy!

**4** Bao nhiêu năm nước chảy qua cầu, bạn cũ thầy cũ còn có dịp ngồi bên nhau, dù hạnh phúc xen lẫn ngậm ngùi, vẫn là may mắn. Chỉ thiếu mái trường năm nào. Trường cũ giờ đã xa lắm rồi. Hồi còn đi học, tôi nghe câu hát *“Hôm nay tôi trở về thăm trường cũ/ Thầy đó trường đây bạn hữu đâu rồi”*, tự dưng thấy lòng băng khuâng vô hạn. Nhưng học sinh cũ trở về trường xưa mà vẫn còn gặp lại thầy cũ, tức là cũng chưa xa lắm về mặt thời gian. Bây giờ, thế hệ tôi mà quay lại trường cũ, không những không gặp bạn cũ, mà thầy cô cũ cũng không còn - người về hưu người đã qua đời người lưu lạc chân trời góc bể.

Không gặp người cũ, chỉ thấy cảnh xưa. Mà cảnh xưa giờ cũng khác lắm. Lúc tôi về lại Thăng Bình, đi ngang trường huyện, thấy trường Tiểu La đã không còn “những hàng dương liễu đứng ngủ mê trong nắng” như tôi từng mô tả trong truyện. Ngôi trường tôi học những năm cấp hai bây giờ không còn giống ngôi trường trong tâm tưởng: nó thay đổi đến mức tôi không nhận ra. Tôi cũng không nhận ra trường Phan Chu Trinh ở Đà Nẵng, nơi tôi học lớp 12 ban C năm nào, lúc về giao lưu với sinh viên học sinh Đà Nẵng mới đây. Tất nhiên, tâm trạng tôi khác với tâm trạng người học trò trở về trường cũ trong bản nhạc ảo não kia. Tôi không thấy *“nhiều nét đổi thay trường mái rêu mờ”*. Các ngôi trường cũ tôi từng theo học bây giờ cũng đổi thay, nhưng do xây dựng khang trang hơn, tường mái đẹp đẽ hơn, hiện đại hơn. Nhìn trường cũ lên tầng, cơ ngơi bề thế, lòng vui thì có vui vẫn không ngăn được cảm giác bùi ngùi. Y hệt anh học trò trong thơ Nguyễn Bính *“Em đi phố huyện tiêu điều lắm/ Trường huyện giờ xây kiểu khác rồi”*.

Tôi ngậm ngùi rút ra kết luận: về thăm trường cũ thì không gặp thầy cũ, bạn cũ. Muốn gặp thầy cũ, bạn cũ chỉ có thể gặp ở những nơi chốn xa vắng: tụ họp với nhau, mượn nhau dăm mẩu chuyện xưa làm chiếc chìa khóa vàng để mở ngăn kéo của ký ức, để mừng tượng lại tiếng lao xao của các dãy bàn hay ngửi lại mùi vị của một cơn mưa chiều bên hàng hiên lớp học. Đó phải chăng là nghịch cảnh của những ai muốn lên chuyến tàu thời gian để quay về thời hoa mộng trong mỗi độ xuân về?

*Sài Gòn Giải Phóng 30-1-2011*

# sương khói quê nhà

**1** Đo Đo là một ngôi làng nhỏ ở xã Bình Quế, huyện Thăng Bình, Quảng Nam. Đó là nơi tôi sinh ra và lớn lên trong quãng thời gian đầu đời vô tư lự. Năm tôi lên tám, gia đình tôi dời về Cẩm Lũ, sau đó dọn ra huyện lỵ Hà Lam. Như vậy, tôi gắn bó thực sự với làng Đo Đo chỉ khoảng tám năm. Tám năm, một thời gian không dài, tôi lại ở độ tuổi còn quá nhỏ, nhưng không hiểu sao rất lâu về sau này tôi vẫn nhớ như in những kỷ niệm ở ngôi làng đơn sơ đó. Tôi nhớ ngôi chợ đêm lấp lánh ánh đèn, nhớ những đoàn xiếc lưu diễn thỉnh thoảng vẫn đến làng tôi và làm bọn trẻ con chúng tôi khiếp vía với những con trăn lớn quấn quanh cổ bọn người bán dạo. Tôi nhớ những cái giếng trên con đường cuối chợ ba tôi vẫn dẫn tôi đi tắm vào những đêm trăng sáng trên đường làng. Những hình ảnh thơ mộng ấy sau này đã đi vào trang sách của tôi như những phản quang tuyệt vời của kỷ niệm.

Tác phẩm *Mắt biếc* có lẽ là tác phẩm tái hiện nhiều nhất những kỷ niệm của tôi về Đo Đo. Bao giờ đọc lại tác phẩm này tôi cũng rưng rưng nhớ đến hình ảnh dịu dàng và hiền hậu của bà tôi, những trò chơi tuổi thơ giữa tôi, cô tôi và các anh chị con bác tôi. Ngoài Đo Đo, rất nhiều chi tiết trong truyện được lấy từ những nơi chốn khác tôi từng sống qua. Ngôi trường huyện hai nhân vật Ngạn và Hà Lan theo học dĩ nhiên là trường Tiểu La bây giờ. Tôi nhớ thời tôi đi học, trường Tiểu La nom rất đồ sộ, sân chơi rộng mênh mông với những hàng dương liễu tha thướt dọc bờ rào. Gần đây về lại, đi ngang qua trường cũ, tôi ngạc nhiên thấy ngôi trường bé hơn nhiều so với trí nhớ của tôi. Khu rừng sim trĩu tình trong truyện là rừng sim ở Hà-Lam-trong, mà theo bạn bè tôi kể lại thì bây giờ khu rừng nhiều kỷ niệm học trò ấy đã không còn nữa.

Thành phố Tam Kỳ cũng xuất hiện trong truyện, như không thể khác, khi Ngạn và Hà Lan học xong cấp hai ở trường huyện và khăn gói vào thành phố. Trường Nữ tôi mô tả trong truyện đúng như những gì tôi còn nhớ về ngôi trường thơ mộng này, đã khiến nhiều



độc giả lứa tuổi tôi bây giờ đọc lại vẫn còn băng khuâng tiếc nhớ. Ngôi trường này bây giờ đã đổi tên thành trường Trần Cao Vân và không còn dành riêng cho nữ sinh như trước đây.

**2** Từ xưa, Quảng Nam đã là một trong những địa phương có con dân đi lưu lạc nhiều nhất nước. Vì vậy nỗi hoài nhớ quê hương trong lòng người Quảng Nam xa xứ dằng dặc và rất sâu đậm. Vào Sài Gòn, đa số người Quảng tha hương sống quần tụ tại làng dệt Bảy Hiền. Để gần gũi nương tựa và giúp đỡ nhau là một lẽ. Lễ khác, để thỏa mãn cái nhu cầu sâu xa về mặt tinh thần: được sinh hoạt, chung đụng giữa một cộng đồng thân thuộc. Làng dệt Bảy Hiền tồn tại như một “đặc khu”: chỉ ở đó mới có bán cái bánh đúc, bánh ú, bánh tráng đó, mới có trái dưa gang đó, củ nén đó, cục đường bát to đùng đó, mới ngoảnh tới ngoảnh lui đều nghe được cái giọng Quảng đặc sệt đó. Lạc vào khu Bảy Hiền, có cảm giác người Quảng xa xứ đã tìm cách bê nguyên cái làng ruột thịt của mình theo. Để thỏa nỗi hoài cố quận.

Tôi là nhà văn. Nên tôi thỏa nỗi nhớ quê của mình theo cách của người hành nghề bằng con chữ. Những kỷ niệm, những vùng đất, những gương mặt bạn bè ấu thơ thi nhau hiện lên trong hết cuốn sách này đến cuốn sách khác. Đến bây giờ, tôi vẫn băn khoăn tự hỏi: có phải đó là nguyên nhân sâu xa khiến tôi trở thành nhà văn chuyên viết cho tuổi thơ - một thế giới lung linh mà một kẻ tha hương không nguôi nhớ đến và tìm mọi cách tái tạo trong những trang viết của mình?



**3** Bà Kato Sakae, dịch giả người Nhật đã dịch tác phẩm *Mắt biếc* ra tiếng Nhật cách đây mấy năm, mỗi lần sang Việt Nam gặp tôi bao giờ cũng xuýt xoa hỏi về quả thị vàng, về quả sim, quả trám, về món canh hoa thiên lý mà tôi mô tả trong truyện. Bà đòi ăn cho bằng được các món đó, bà đòi tôi dẫn bà về Quảng Nam để bà

“tham quan” rừng sim, chợ Đo Đo và ngôi trường Nữ mà bà rất yêu thích khi đọc truyện. Cho đến nay, qua nhiều lần khát tới khát lui, cuối cùng tôi cũng đãi bà được món canh hoa thiên lý, đã mua được cho bà một rổ thị to tướng và bóc vỏ dán lên tường thành những bông hoa nhiều cánh cho bà xem, còn tặng bà cả chục quả đem về Nhật để “biểu diễn” cho bạn bè lác mắt chơi. Nhưng dẫn bà về Quảng Nam thì tôi không dám. Rừng sim ở Hà-Lam-trong đâu còn nữa. Trường Nữ cũng thế, đã thành một ngôi trường hoàn toàn khác, làm gì còn có cảnh “trường Nữ giờ tan học là một kỳ quan đối với bọn con trai chúng tôi/ mãi về sau này, tôi vẫn không thể nào quên hình ảnh thơ mộng của những tà áo trắng lững lờ trôi ra khỏi cổng trường như một dòng sông nghi ngút sương mù/ dòng sông ảo ảnh đó đã một thời cuốn theo nó bao nhiêu mắt nhìn ngây ngất, những mối tình vẩn vơ và thắm lặng, đã sản sinh ra bao nhiêu thi sĩ và những kẻ viết tình ca nổi tiếng và vô danh của cuộc đời” (*Mất biếc*). Cả ngôi chợ Đo Đo với những túp lều ọp ẹp trong truyện nữa, bây giờ cũng không còn. Chợ Đo Đo mới được xây cách đó một quãng. Đó là ngôi chợ lồng với những cây cột xi măng, đâu có giống như những gì tôi tả. Cho nên tôi cứ hẹn lần hẹn lữa với bà Kato Sakae. Đã nhiều lần tôi định nói với bà những trang sách của tôi là những gì thuộc về kỷ niệm, là ký ức mà tôi lần mò trở về khi lòng tôi dậy lên nỗi niềm sâu xứ. Mà tôi thì không có cách gì dẫn bà đi “tham quan” kỷ niệm trong lòng tôi được.

Tôi định nói như thế nhưng tôi cứ dùng dằng. Tôi sợ bà thất vọng. Tôi sợ bà buồn. Tôi đành hy vọng là đến một lúc nào đó mãi bận bịu công việc bà sẽ quên những gì tôi đã hứa. Ờ, lúc đó chắc nỗi mơ ước của bà cũng sẽ hóa thành... kỷ niệm. Cầu trời!

*Tuổi Trẻ 1-8-2008*

# tuổi thơ tôi có thằng Lợi sút

Hôm rày ngồi ở quán Đo Đo nghe tiếng dế văng ra từ chậu cây um tùm cạnh chỗ ngồi vào những chiều mưa, tự nhiên thấy lòng buồn man mác. Tiếng dế, tiếng chim, tiếng đập cánh của bọ rày là những âm thanh vọng về từ tuổi thơ. Những ai đã rời quê lên thành phố, hằng ngày tai quen nghe tiếng máy, tiếng xe, tiếng huyền náo phố thị, một hôm bất chợt nghe tiếng dế cất lên từ đâu đó thật gần, hẳn lòng cũng nao nao giống như tôi.

Tuổi thơ tôi lem luốc ngoài đồng, mùa hè nào cũng đội nắng lui cui khắp bờ bụi để bắt dế, tìm tổ chim, đào khoai, nhổ đậu, bẻ mía trộm hoặc chui vô vườn nhà hàng xóm để hái ổi, hái mận rồi ù té chạy khi chủ nhà suýt chó xồ ra sủa ầm ỹ.

Đá dế là trò chơi gắn liền với thời thơ ấu của bất cứ đứa trẻ thôn quê nào. Bọn tôi thường nhốt dế trong hộp diêm, thức ăn cho dế là những nhánh cỏ non tơ nhất. Trước khi cho dế ra trận, bọn tôi bứt tóc buộc chân dế rồi quay tít. Dế quay mòng mòng, chóng mặt nên nổi khùng, vào trận là xông lên “liều mình như chẳng có”. Trong những cuốn sách về tuổi mới lớn của tôi, khi đặt bút viết những câu “thảm thiết” kiểu như “có phải em đang quay tôi như quay dế” ấy là lúc tôi đang mường tượng lại cảnh này.

Bạn bè tuổi thơ tôi có thằng Lợi sút. Tôi đã viết về Lợi sút trong tác phẩm *Cô gái đến từ hôm qua*: “Lợi sút là thằng ‘trùm sò’ nổi tiếng trong lớp tôi. Lúc nào nó cũng nghĩ đến chuyện ‘thu vén cá nhân’. Đứa nào nhờ chuyện gì nó cũng làm nhưng phải trả công nó đàng hoàng. Nó ra giá nghiêm chỉnh. Chép bài giùm là hai viên bi. Giữ dép trong giờ chơi thì một viên. Lợi sút làm giàu bằng cách đó”.

Vậy mà một hôm tình cờ bắt được con dế lửa, Lợi sút quý lắm, ai đổi gì cũng không đổi. Tụi bạn gạ đổi mười viên bi, hai chục viên bi,

Lợi sút vẫn từ chối. Tôi nhin ăn sáng một tuần, đem năm đồng bạc năn nỉ nó bán con đế lửa cho tôi, nó vẫn nghênh nghênh lắc đầu thấy ghét.

Đế lửa có màu đỏ, nhỏ con hơn đế than nhưng đánh nhau không ai bì. Trong chiến trận, đế lửa nổi tiếng lì đòn. Đế lửa có hàm răng rất khỏe, có thể cắn đứt chân những con đế than to gấp đôi nó. Nhiều chú đế than chỉ mới thấy đế lửa phồng cánh gáy một tràng “rét re re”, chưa đánh đấm gì đã quay đầu bỏ chạy, lầy cọng cỏ cứng lùa thế nào cũng không chịu quay lại “võ đài”.

Tụi bạn trong lớp không gạ đòi được con đế lửa của Lợi sút, đâm ra ghét nó. Đứa nào cũng muốn làm Lợi sút bẽ mặt, ít nhất một lần. Nhưng không con đế nào thắng được con đế lửa của Lợi sút. Muốn thắng được Lợi sút, phải kiếm được một con đế lửa thứ hai, chiến hơn, lì hơn, ngon hơn. Nhưng không thể đào đâu ra. Đế lửa là thứ “cao thủ” quý hiếm, lâu lâu mới thấy “ra giang hồ” một con. Bờ thửa, đụn cát toàn đế than, đế nhũi, đế mọi, đế còm.

Thằng Bảo móm bèn nghĩ mẹo. Đang ngồi trong lớp, nó thỉnh linh thò tay tóm lấy túi quần Lợi sút. Nó cầm hộp diêm nhốt đế qua lớp vải, lắc qua lắc lại thật mạnh. Nó xóc vài lần, con đế lửa nổi quạu, gáy inh ỏi.

Thầy Phu đang chép bài trên bảng, nghe đế gáy ầm ĩ trong lớp, giận dữ quay xuống. Nhìn bộ mặt xanh lè xanh lét của Lợi sút, thầy đoán ra ngay thủ phạm. Một phút sau, hộp đế của Lợi sút đã nằm trên bàn thầy trước ánh mắt hả hê của tụi bạn.

Tai họa của Lợi sút chưa dừng lại ở đó. Lợi sút chắc mẫm sau buổi học, thế nào thầy Phu cũng trả lại hộp đế cho nó. Nhưng đến khi tiếng trống tan trường vang lên, thầy tìm hoài không thấy hộp đế đâu. Đến khi thầy sực nhớ ra, nhắc chiếc cặp to dùng lên, hộp diêm của Lợi sút đã bị đè xẹp lép từ đời nào.

Lợi sút khóc rung rức khi đón cái hộp diêm méo mó từ tay thầy. Tôi nhớ gương mặt thầy Phu lúc đó trông áy náy ghê lắm, thầy áp

úng xin lỗi đứa học trò nhưng Lợi sút không nghe thấy. Nó mãi khóc, cặp mắt đỏ hoe, nước mắt nước mũi chảy thành dòng.

Tất cả bọn tôi đều thấy lòng chùng xuống. Chẳng đứa nào sung sướng vì “trả thù” được Lợi sút nữa. Chẳng ai muốn thấy một “cao thủ đế” qua đời bằng cách đó. Bọn tôi chỉ ghét Lợi sút thôi chứ không ghét con đế lửa của nó. Mà ngay cả Lợi sút, khi nhìn thấy nó khóc như mưa bắc, bọn tôi cũng tan nát cõi lòng, chẳng còn tâm trạng nào mà ghét nó nữa.

Lợi sút chôn chú đế lửa dưới gốc cây bời lờ sau vườn nhà nó. Nó đặt chú đế thân yêu vào hộp các-tông rồi kiếm một tờ báo có in màu bọc lại, buộc quanh bằng những sợi lá chuối tước mảnh. Đám tang chú đế, bọn tôi đều có mặt, im lìm, buồn bã, trang nghiêm.

Không biết nghe đứa nào báo mà thầy Phu cũng đến. Thầy chấp hai tay sau lưng, lặng lẽ đứng nhìn Lợi sút cử hành tang lễ cho chú đế.

Tôi cầm cuốc phụ Lợi sút đào đất. Tôi cố đào cho thật sâu và vuông vức.

Khi Lợi sút đặt chiếc hộp các-tông vào hố, cặm cùi sừa sang cho chiếc hộp nằm ngay ngắn, cả bọn xúm vào ném từng hòn sỏi nhặt được chung quanh lên quan tài của chú đế rồi thi nhau lấp đất cho thật đầy.

Khi ngôi mộ của chú đế đã vun cao, Lợi sút cặm lên đó những nhánh cỏ tươi rồi như không kèm được, nó bật khóc nức nở.

Tới lúc đó, thầy Phu không đứng bất động chấp tay sau lưng nữa. Thầy bước tới một bước và đưa tay ra, bấy giờ bọn tôi mới biết này giờ thầy vẫn giấu sau lưng một vòng hoa kết bằng những bông hoa tím tím.

Thầy búi ngùi đặt vòng hoa lên mộ chú đế, rồi xoa tay lên mái tóc bù xù như tổ quạ của Lợi sút, thầy buồn buồn nói: “Đừng giận thầy nghe con”.

Thầy Phu bây giờ đã qua đời, Lợi sút đã rất lâu tôi chưa gặp lại dù lần nào về quê tôi cũng đi tìm nó. Nghe nói nó đã đi lập nghiệp phương xa. Cuộc sống bao nhiêu chuyện chất chồng, bẽ bộn, tôi tưởng đã quên bẵng nó, cũng như quên bẵng câu chuyện này.

Nhưng tối nay có tiếng dế gáy vang bên cạnh chỗ tôi ngồi...

*Sài Gòn Giải Phóng 24-5-2009*

# ký ức làm thầy

**1** Nhân hoạt động của tiệm sách Kính Vạn Hoa trong ngày Sách và Bản quyền thế giới 23-4 vừa rồi, tôi có dịp trao tặng sách cho thư viện của ba trường cấp hai và một thư viện địa phương. Trừ thư viện khu phố 6 phường Phạm Ngũ Lão thuộc quận 1, nơi tiệm sách Kính Vạn Hoa tọa lạc, các trường cấp hai Bình Quới Tây (quận Bình Thạnh), Tân Nhựt (huyện Bình Chánh) thuộc vùng ven, điều kiện mua sách đọc sách chắc chắn không thuận lợi như các quận trung tâm. Trường Bình Tây ở quận 6, gần hơn so với hai trường kia. Quận 6 tuy thuộc nội thành nhưng là quận ngoại vi, tập trung nhiều thành phần lao động, cơ hội đến với sách cũng không nhiều. Hơn nữa, đây là ngôi trường tôi từng dạy học nên cũng có ý “thiên vị” chút đỉnh.

**2** Tôi dạy học hai năm 1984-1986 ở trường Bình Tây, sau đó chuyển về báo *Sài Gòn Giải Phóng* đến tận hôm nay, tính ra đã hai mươi sáu năm, một quãng thời gian đủ để một em bé sơ sinh trở thành một ông bố hay bà mẹ. Hôm tặng sách, gặp lại các thầy cô giáo, tôi chợt nhận ra tôi đã cách xa các thầy cô nhiều lắm, không chỉ về không gian, thời gian mà cả phong cách xử sự đến lời ăn tiếng nói cũng khác. Gần ba mươi năm lăn lộn trong nghề báo, quen kiểu ăn nói tự do phóng khoáng, đôi khi thân mật bồ bã, bây giờ ngồi trò chuyện với các thầy cô giáo điềm đạm, nói năng mực thước, từ tốn, tôi thấy chất mô phạm trong tôi đã phai nhạt đi nhiều.

**3** Ngành giáo dục gần đây bị than vãn không ít, từ chương trình học quá tải đến nạn bằng cấp giả, từ chuyện thu các loại phí đến sự thoái hóa của vài gương mặt đen trong ngành, những thông tin đó khiến một người từng đứng trên bục giảng như tôi không khỏi nhức đầu và cảm thấy bất an. Nhưng khi tiếp xúc trực tiếp với thầy cô giáo của các trường Tân Nhựt, Bình Quới Tây, Bình Tây, nhìn tác phong sư phạm mẫu mực, nghe những tâm sự tha thiết về nghề cũng như mối quan tâm các thầy cô dành cho học trò, cho ngôi trường của mình, tôi bắt gặp trong lòng một cảm giác yên tâm, tin



cây. Đại bộ phận các thầy cô giáo hiện nay trên cả nước có lẽ cũng giống như các thầy cô đang ngồi trước mặt tôi trong buổi sáng tháng tư đầy nắng đó. Chính họ là những tấm gương sáng để học sinh soi vào, là những người âm thầm gìn giữ sự cao quý của nghề dạy học vốn đã bị sứt mẻ không ít bởi những chuyện ngoài tầm tay của những người đứng trên bục giảng.

**4** Tốt nghiệp ngành Sư phạm nhưng do thời thế đưa đẩy, tôi chỉ dạy học được có hai năm. Nhưng đó là hai năm có quá nhiều điều để nhớ và một trong những tác phẩm tái hiện một cách sinh động và đầy đủ những tháng ngày dạy học của tôi là truyện dài *Bàn có năm chỗ ngồi*. Tác phẩm này được Nhà xuất bản Kim Đồng ấn hành năm 1987, nhưng tôi viết nó vào năm 1985, lúc tôi vẫn còn là một thầy giáo. Chính vì vậy, so với các tác phẩm sau này vẫn viết về lứa tuổi học trò, ở *Bàn có năm chỗ ngồi* không khí học đường đậm đặc hơn hẳn, từ khung cảnh trường lớp đến các sinh hoạt dưới mái trường. Có lẽ nhờ điều này mà ở Hội sách thành phố Hồ Chí Minh tháng ba mới đây, một cô bé trạc 14, 15 tuổi trong lúc chờ tôi ký tên vào sách, đã hớn hởi hỏi: “Hồi trước thầy dạy học ở trường Bình Tây phải không thầy? Con là học trò trường Bình Tây nè thầy!”. Tôi nhìn cô bé, hết sức ngạc nhiên, vì lứa học trò của tôi năm nay hẳn vào cỡ... ba mẹ của cô bé. “Sao con biết? Con nghe ba mẹ con kể lại phải không?”. Cô bé lém lỉnh: “Cần gì nghe ai kể hả thầy. Con học ở trường Bình Tây, đọc cuốn truyện *Bàn có năm chỗ ngồi* của thầy, biết ngay là thầy tả trường con rồi!”.

**5** Đã hai mươi sáu năm trôi qua, cuộc sống nhiều thay đổi, nhìn cô bé sáng sủa trước mặt, tôi tin đời sống của các em bây giờ tươi tắn hơn so với lứa học trò nhếch nhác của tôi. Hồi tôi còn dạy học, thấy nhiều em trả bài không lần nào thuộc, dù tôi hết khuyến bảo đến răn đe, tôi chán nản vô cùng. Một lần, tôi tìm đến nhà học trò, định trao đổi với phụ huynh về việc học của con em. Tôi đang đạp xe trên con đường ngoằn ngoèo dẫn vào khu phố lao động, vừa đạp vừa nhìn dáo dác, bỗng nghe vang lên bên tai tiếng reo: “Chào thầy!”. Tôi quay lại, gặp đúng đứa học trò tôi đang định ghé nhà “méc” phụ huynh. Em mặc quần đùi, áo cộc phong phanh, đang đẩy chiếc xe chở củi. Tôi leo xuống xe, đến gần em tò mò hỏi: “Em đẩy

củi về nhà à?”. “Dạ, không ạ. Em đẩy thuê cho người ta”. Hỏi chuyện một hồi, tôi mới biết em nhà nghèo, đi học về vừa cất tập vô ngăn bàn là ba chân bốn cẳng chạy ra chợ đẩy xe mướn kiếm tiền phụ ba mẹ. Hèn gì mà em không có thì giờ học bài! Hôm đó, sau một hồi ngẩn ngơ, tôi vuốt tóc em, động viên vài câu rồi tặc lưỡi quay xe về, bỏ luôn ý định vào gặp phụ huynh để... trách cứ.

**6** Những gương mặt học trò sạm đen vì nắng gió đó bây giờ đã trưởng thành, đã làm cha làm mẹ, nhưng hình ảnh các em đã in sâu vào ký ức tôi và đã đi vào trong từng trang sách của tôi như những kỷ niệm đẹp đẽ. Hôm gặp các thầy cô giáo, ngoài các thùng sách tặng cho thư viện, tôi đã sung sướng trao cho thầy Diệp Vĩ Cường, hiệu trưởng đương nhiệm của trường Bình Tây, tác phẩm *Bàn có năm chỗ ngồi* như một tỏ bày tình cảm với ngôi trường duy nhất trong đời dạy học ngắn ngủi của tôi, ngôi trường mà nếu không có nó một trong những tác phẩm đầu tay của tôi đã không có mặt trên cõi đời này...

*Sài Gòn Giải Phóng 27-5-2012*

**vui buồn  
nhà văn ký sách**



**A**nh ngồi đó, bút trên tay, mồ hôi lấm tấm trên trán, giữa vòng người đang xếp hàng hoặc vây quanh, đầu cúi xuống trang sách hí hoáy hết chữ ký này đến chữ ký khác. Có những buổi ký tặng kéo dài ba tiếng đồng hồ giữa nắng nóng làm anh mệt mỏi, nhưng anh vẫn tự động viên mình cố gắng. Nhìn những gương mặt trẻ thơ thấp

thởm chờ đợi, những đôi mắt sáng ngời hy vọng khi nhích tới thêm một chút gần chỗ anh ngồi, anh đã định đứng lên vì hết giờ, lại kiên nhẫn ngồi yên. Lại ký lên trang sách bằng bàn tay đã mỏi, nét chữ đã bắt đầu không còn đều đặn. Làm sao anh có thể để bạn đọc thất vọng vì mình. Họ đã yêu quý anh, đã đến với anh khi đọc thông báo trên truyền thông với bao khắp khởi. Một nhọc trước tình cảm nồng nhiệt của bạn đọc, đó là hạnh phúc của nhà văn, là phần thưởng tinh thần cho những trang sách anh đã viết ra.

Đã có lần thời gian quy định sắp hết mà đoàn người xếp hàng vẫn còn dài, ban tổ chức quyết định mỗi độc giả chỉ được xin ký vào một cuốn sách thôi, để những người xếp sau không bị thiệt thòi, tránh tình trạng có người có được mười chữ ký trong khi những người khác không có được chữ ký nào. Tất cả, kể cả anh, đều thấy đó là một đề nghị hợp lý và vui vẻ làm theo. Một bạn đọc hoặc do đến trễ hoặc lơ đãng không nghe thông báo trên loa phóng thanh, khi không xin được chữ ký thứ hai, hôm sau viết trên mạng đả kích anh tội bời, rằng không ngờ nhà văn mà... không có nhân văn, tiếc bạn đọc đến một chữ ký còn con. Đọc lời phê phán kia, anh dở cười dở khóc.

Lần khác, có bạn đọc nhỏ đề nghị anh ghi lên sách câu “Thân tặng Long hùng”. Anh giải thích đến khô cả miệng người bạn nhỏ ấy mới hiểu rằng cậu đề tặng người bạn thân câu đùa nghịch đó thì được, nếu anh ghi như thế thì đó là sự bất nhã, vì anh không chơi thân với “Long hùng”, thậm chí không biết “Long hùng” là ai. Tương tự, một bé gái 7 tuổi tha thiết muốn anh ghi câu “Thương tặng chị Hai” và anh lại phải mất rất nhiều thì giờ để nói cho cháu bé hiểu đó là chị Hai của cháu chứ không phải chị Hai của người ký tên bên dưới.

Nói chung, càng ngày anh càng ngại viết thêm những lời đề tặng bên cạnh chữ ký của mình. Ngoài những tình huống oái ăm như kể trên, có một sự thực là anh không hề tặng cuốn sách đó cho bạn đọc, bạn của bạn đọc hay “chị Hai” của bạn đọc. Đó là sách của bạn đọc đem tới; là một nhà văn, anh chỉ có quyền ký tên lên trang đầu cuốn sách như một kỷ niệm. Ghi lời đề tặng lên một món quà mà

mình không bỏ tiền ra mua tặng, đó là điều khiến anh vô cùng áy náy.

Tất nhiên cũng có những ngoại lệ: Anh đã gặp những độc giả xin chữ ký vào sách để tặng cho bạn bè hoặc người thân đang bị những chứng bệnh nan y. Những bệnh nhân ấy cũng là độc giả của anh, những lời đề tặng và chúc sức khỏe của anh trong hoàn cảnh đó có thể là những liều thuốc tinh thần giúp các bạn có thêm niềm vui và nghị lực để vượt qua cơn hiểm nghèo.

Trong trường hợp này, sứ mệnh của nhà văn không chỉ nằm trong những thông điệp trên trang sách mà đôi khi trong những lời giản dị như “Chúc cháu mau chóng bình phục” với chữ ký và tên tác giả phía dưới. Chính độc giả đã dạy cho anh hiểu được ý nghĩa sâu xa đó trong những buổi ký tặng mướt mồ hôi.

*Tuổi Trẻ 26-3-2012*

# sách của con đâu?

**1** Tục lệ lì xì ngày Tết để mừng tuổi chẳng biết có từ bao giờ mà ngay khi còn bé, tôi đã biết rồi. Hồi đó (và ngay cả bây giờ), trẻ con đứa nào cũng mong chờ Tết để được nhận tiền lì xì. Ba ngày xuân, được ba mẹ dắt đi viếng nhà này nhà nọ là một niềm vui to lớn của trẻ con, chỉ vì thế nào cũng được chủ nhà lì xì. Có đứa ba ngày Tết ai rủ đi chơi đâu cũng không đi, sợ “mất thu nhập”, cứ “cố thủ” ở nhà để chờ cô, dì, chú, bác, cậu, mợ và khách của ba mẹ đến thăm. Trong bài *Thương nhớ Tết xưa*, nhà văn Nguyễn Quang Lập nhớ lại: “Sáng mùng một háo hức chờ khách đến nhà cho tiền mừng tuổi, hồi đó tiền mừng tuổi chỉ năm xu một hào, khách sộp mới cho đến hai hào. Khách đến thì cứ giả đồ chạy vô chạy ra, đến khi khách cho tiền thì giả đồ ươn ẹo không lấy, mồm thì cháu không cháu không, mắt thì liếc nhìn mạ đợi lệnh, mạ cười nói thôi xin bác đi con, mới cầm lấy tiền chạy ù đi. Lúc lúc lại sờ vào túi lăm nhăm đếm tiền, thỉnh thoảng lại xỏ cả ra ngồi đếm đi đếm lại, sung sướng vô cùng”.

**2** Trẻ con sung sướng vì tiền lì xì, không biết người lớn khổ sở vì tiền lì xì. Những người kinh tế eo hẹp, con cháu đông, cứ đến Tết là chạy tiền lì xì toát mồ hôi như chạy gạo. Ai đổi không được tiền lẻ càng lo sốt vó. Lì xì vài chục con cháu mà dùng tiền chẵn thì không khéo khánh kiệt tới nơi. Bên cạnh đó, người lớn còn nỗi khổ khác: Lì xì ít sợ trẻ con (có khi cả ba mẹ trẻ con) so sánh, bình phẩm. “Bác này bủn xỉn!” - tuy là lời trẻ nhưng người lớn nghe được cũng không khỏi chạnh lòng. Chưa kể, khách lì xì con mình 50 ngàn, khi qua nhà khách trả lễ mình không thể lì xì ít hơn. Tự nhiên, vì cái chuyện lì xì mà không ít người phải cân nhắc, tính toán chuyện viếng thăm nhau ba ngày Tết. Chuyện vui, chuyện tốt lành bỗng dưng trở thành một gánh nặng vô hình!

**3** Tục lệ lì xì thoát đầu có ý nghĩa tinh thần, gọi là “mừng tuổi”, thể hiện sự quan tâm, nhằm chúc phúc chúc lộc. Theo giáo sư Nghiêm Toản, “lì xì” là âm Quảng Đông của từ Trung Quốc “lợi thị”, có nghĩa là “tốt lành”, “vận may”. Tiền lì xì thường bỏ trong bao

giấy màu đỏ, gọi là “hồng bao”. Nhưng rồi theo thời gian, nó biến tướng, nhiễm tinh thần thực dụng lúc nào không hay. “Lì xì 20 ngàn thì mua được gì!”: người ta bắt đầu đánh giá tiền mừng tuổi dưới khía cạnh sử dụng, cả người tặng lẫn người được tặng! Từ nhiều năm trước, cứ gần Tết là các ngân hàng rộ lên dịch vụ đổi tiền để người dân có tiền mới lì xì. Tờ bạc thông dụng lúc đó là tờ 1 ngàn, 2 ngàn. Bây giờ tiền lì xì có mệnh giá thấp nhất là tờ 10 ngàn, sau đó là tờ 20 ngàn, 50 ngàn, 100 ngàn. Nhưng trong suy nghĩ của nhiều người, Tết nhứt mà lì xì 50 ngàn vẫn là ít, đành bấm bụng nhét tờ 100 ngàn vô hồng bao. Lì xì 50 người, ví chi mất đứt 5 triệu - rõ ràng không phải là số tiền nhỏ!

**4** Gần đây nổi lên tờ 2 USD, nhiều người gọi là tờ “lucky money” (tờ bạc may mắn). Đồng 2 USD có in hình tổng thống Jefferson ở mặt trước và bức tranh tuyên bố độc lập của họa sĩ John Trumbull ở mặt sau. Tờ bạc này ít xuất hiện trên thị trường vì ngân khố Mỹ cho in loại tiền này với số lượng hạn chế. Trong khi tờ 5 USD và 1 USD chiếm gần 50% tổng số bạc giấy do ngân hàng quốc gia Mỹ phát hành thì tờ 2 USD chỉ chiếm khoảng 1%. Vì đồng 2 USD hiếm khi lưu thông trên thị trường nên khi có phải tờ bạc này, người ta không xài mà giữ lại, thoát tiên là “để làm kỷ niệm”, sau này khoác thêm ý nghĩa... “để cho may mắn”. Từ ngày “sự tích” này lan qua Việt Nam, nhiều người chuyển qua lì xì bằng tờ 2 USD. Lì xì bằng tờ ngoại tệ này vừa được tiếng “sang”, vừa đạt được ý nghĩa ban đầu là “chúc may mắn”; người nhận thấy vui vui và tự nhiên giữ bỏ được tâm lý “quy ra thóc”. Người tặng thì đỡ tốn (hiện nay tỉ giá tờ 2 USD so với tiền đồng khoảng 40 ngàn, nếu mua từ các dịch vụ đổi tiền thì vào khoảng 50 ngàn), rẻ phân nửa so với tờ 100 ngàn đồng.

**5** Nhưng suy cho cùng, tiền bạc. được in ra là để làm công cụ thanh toán, đúng như tâm sự cay đắng của nhân vật nam trong bài *Tiền và lá* của nhà thơ Kiên Giang. Hồi bé cùng bạn gái chơi trò bán hàng lấy lá làm tiền: *“Anh moi đất nắn tượng người/ Em thơ thần nhặt lá rơi... làm tiền/ Mỗi ngày chợ họp mười phiên/ Anh đem người đất đổi tiền lá rơi”*, lớn lên chàng thi sĩ nghèo mới đau khổ phát hiện ra một chân lý... xưa như trái đất: *“Tiền không là lá em ơi/ Tiền là giấy bạc của đời in ra/ Người ta giấy bạc đầy nhà/ Cho nên*



*mới được gọi là chồng em*”. Chính vì “chân lý” đó: “tiền là giấy bạc của đời in ra”, nên dù tờ 2 USD có là “tờ bạc may mắn” đi nữa, vẫn không tránh khỏi có người tỉ mỉ tính nhẩm: “Vây là vào khoảng 40-50 ngàn”, thậm chí sau đó đem ra xài để hiểu “may mắn” ở đây theo cái nghĩa có thể dùng để thanh toán được(!).

**6** Vây cách hay nhất là không lì xì bằng tiền, mặc dù điều đó có thể bị coi là đi chệch khỏi hình thức ban đầu của nó. Nói có sách mách có chứng: Vài năm trở lại đây, tôi thấy có nhiều người dùng sách làm quà tặng đầu năm thay cho “hồng bao”. Trẻ con ngày nay được tặng sách nhiều em mặt mày rạng rỡ chứ không xịu xuống như bánh mì gặp nước. Có lẽ đời sống kinh tế, đặc biệt ở khu vực thành thị, gần đây đã được cải thiện đáng kể nên trẻ em thành phố không quá mong đợi tiền lì xì (như một khoản “thu nhập thường niên”) như trước đây. Dĩ nhiên mỗi dịp Tết nhứt, các em vẫn đau đáu chờ được nhận “quà mừng tuổi” từ tay người lớn như một thói quen, nhưng không nhất thiết phải là tiền, dù là nội tệ hay ngoại tệ.

Mừng tuổi đầu năm bằng sách, tôi hoàn toàn ủng hộ sáng kiến đó, không phải vì tôi là người viết sách mà vì bản thân điều đó là một nét đẹp văn hóa cần được phổ biến. Sách cũng là sản phẩm “của đời in ra” nhưng khác với tiền, sách in ra để đọc, để bồi dưỡng tâm hồn và khám phá tri thức chứ không phải dùng làm công cụ thanh toán. Và khi được tặng một cuốn sách, chắc chắn không đứa trẻ nào bắt gặp trong đầu mình ý nghĩ lật xem giá bìa để bình phẩm “bác này rộng rãi, dì kia keo kiệt” như lúc nôn nóng mở “hồng bao”.

**7** Thật là tuyệt vời nếu ngày đầu năm mới, vừa nhìn thấy cô chú cậu mợ hay bạn của ba mẹ đến nhà, trẻ con ùa ra, nhao nhao “Sách của con đâu?” thay vì “Tiền lì xì của con đâu?”. Chỉ riêng sự thay đổi đó thôi đã đủ để các bậc phụ huynh mỉm cười, để các nhà văn hóa bớt băn khoăn than thở “văn hóa đọc đang xuống cấp” và để chàng thi sĩ trong thơ Kiên Giang không còn rầu rĩ: “*Kiếp tôi là kiếp làm thơ/ Vốn riêng chỉ có muôn mùa lá rơi*”. Vì trong những cuốn sách được lì xì đầu năm đó, chắc chắn thế nào cũng có... vài tập thơ!

Sài Gòn Giải Phóng 6-2-2011

# làm quen với sách

*Cuối năm tôi ghé nhà sách Kim Đồng trên đường Hồ Văn Huê mua sách. Đứng giữa các dãy kệ xinh xắn, rực rỡ, ngắm từng cái bìa, lật vào bên trong xem tranh minh họa, nâng lên đặt xuống từng cuốn, tự dưng tôi bắt gặp cảm giác thích thú bồi hồi của lần đầu tiên trong đời đặt chân vào hiệu sách.*

**1** Lúc tôi còn bé, thôn quê miền Trung tivi chưa có, radiô cũng rất hiếm, trẻ con ngoài nghịch đất, câu cá, bắn chim, chỉ có sách là bạn.

Học lớp ba, lớp bốn, tôi “luyện” gần hết các bộ truyện Tàu của Tín Đức Thư Xã trong rương sách của ông thợ hớt tóc trong làng. Dường như cả làng cũng chỉ mỗi nhà ông có sách. Thấy tôi còn bé mà ham đọc, ông tỏ ra rộng rãi. Nhưng ông không cho tôi mượn sách đem về, sợ mất. Ngoài lúc đến trường và hai bữa cơm nhà, thời gian còn lại tôi đều ngồi lì ở nhà ông, hôm nào cũng chúi mũi vào những trang sách đến tối mịt. Truyện Tàu của nhà Tín Đức Thư Xã chữ nhỏ li ti, nét rất mảnh, giấy lại vàng khè, thế mà trong một mùa hè tôi đã “ngốn” sạch *Phong Thần diễn nghĩa*, *Phi Long diễn nghĩa*, *Tiết Nhơn Quý chinh Đông*, *Tiết Đinh San chinh Tây*, *Chung Vô Diệm*, *Tây Du*, *Vạn Huê Lầu*... Lên lớp năm, tôi đọc *Hán Sở tranh hùng*, *Tam Quốc chí*, *Đông Châu liệt quốc*, *Lửa cháy thành Tây Đô*, *Kỳ nữ gò Ôn Khâu*, *Người đao phủ thành Đại La*, các truyện thơ Nôm có tác giả và khuyết danh, những cuốn sách mỏng teng trong tủ Sách Hồng, và truyện tranh *Phong Thần*, *Tề Thiên Đại Thánh*, *Tế Diên hòa thượng*...

**2** Khoảng những năm lớp sáu, lớp bảy (hồi đó gọi là đệ thất, đệ lục), tôi mê mẩn với *Vô gia đình* (Hector Malot), *Những kẻ khốn nạn* (Victor Hugo), *Tâm hồn cao thượng* (Edmond de Amicis), *Con nai tơ* (M.K. Rawlings), *Tiêu Sơn tráng sĩ* (Khái Hưng), *Thằng Còm* (Lê Văn Trương), *Dế mèn phiêu lưu ký* (Tô Hoài). Lúc này tôi đã lên trung học, đã ra trường huyện, nhưng huyện lỵ quê tôi cũng

không có nhà sách nào. Tôi và những đứa bạn cùng lớp đọc bất cứ thứ gì lọt vào tay mình, sau đó đem đổi cho nhau... Không có sách để đổi thì phải tới nhà bạn ngồi đọc, không được mượn về, như vậy cũng rưng rưng thích thú lắm rồi.

Năm lớp chín, tôi được ba tôi chở đi thành phố Tam Kỳ, dắt vô hiệu sách. Cho đến lúc đó tôi mới biết, đúng ra là mới tận mắt chứng kiến trên đời có một nơi tập trung nhiều sách đến vậy. Hiệu sách lúc đó đối với tôi giống như một ngôi đền thờ thiêng liêng, một thế giới hoa lệ, sang trọng và kỳ thú tuyệt vời. Lần đầu tiên đặt chân vô hiệu sách Nam Ngãi ở ngã ba Phan Chu Trinh - Trần Cao Vân, tôi hồi hộp đến gần như nín thở, chân bước rón rén, tim đập thành thịch trong lồng ngực. Đặt chân lên thiên đường, tôi nghĩ cũng sung sướng đến thế là cùng.

**3** Những tác phẩm đến bây giờ khiến tôi nhớ nhất vẫn là những tác phẩm làm tôi cảm động nhất. Cảm xúc của tuổi thơ là thứ gì đó rất khó nhạt phai theo năm tháng. Tôi thực khó thể nào quên những ấn tượng mà các tác phẩm *Vô gia đình* (Hector Malot), *Những kẻ khốn nạn* (Victor Hugo), *Con nai tơ* (M.K. Rawlings), *Chim hót trong lồng* (Nhật Tiến), *Con sáo của em tôi* (Duyên Anh) từng in dấu vào trí óc non nớt của tôi.

Những tác phẩm đó sau này tôi đều có dịp đọc lại, kể cả truyện *Thằng Còm* mà tôi tưởng sẽ không bao giờ nhìn thấy nữa. Lúc tôi đọc *Thằng Còm*, đó là cuốn sách mất bìa, mất cả mấy trang đầu, tôi không biết tên tác giả, chỉ nhớ tên nhân vật và cốt truyện. Lên đại học, đọc tiểu sử Lê Văn Trương tôi mới biết đó là tác phẩm của ông, nhưng ngay cả khi tác phẩm Lê Văn Trương được in lại hàng loạt vào thập niên 80, cũng không thấy ai tái bản truyện này. Mãi đến gần đây, một lần vào nhà sách FAHASA, tôi ngạc nhiên một cách sung sướng khi nhìn thấy cuốn *Thằng Còm* bày trên giá sách, do Nhà xuất bản Văn Nghệ in lại theo khổ vuông vức. Dĩ nhiên tôi mua ngay, tâm trạng của tôi lúc đó không phải là mua một cuốn sách, mà mua lại mảnh kỷ niệm lấp lánh của tuổi thơ tưởng đã chìm khuất sau màn khói sương dày đặc của thời gian và những biến động đời người.

**4** Bây giờ, trẻ em - đặc biệt ở thành phố lớn - có cơ hội đi nhà sách bất cứ lúc nào. Thời buổi thông tin, sách không còn chiếm vị trí độc tôn trong việc giúp trẻ em khám phá thế giới nhưng để mở ra bầu trời bao la cho trí tưởng tượng, sách vẫn là cánh cửa tuyệt vời nhất. Có lẽ vì vậy mà các ông bố bà mẹ vẫn thích dắt con đến nhà sách và mỗi khi chứng kiến hình ảnh đó tôi luôn bắt gặp trong lòng mình một niềm vui khó tả.

Làm quen với sách ngay từ thuở ấu thơ hiển nhiên sẽ giúp trẻ em lớn lên cùng với sách, xem đọc sách là một nhu cầu tự nhiên như ăn và ngủ, thậm chí có thể đánh thức khát vọng sáng tạo của những nhà văn tài năng trong tương lai.

Cu Bin, 7 tuổi, con một người cháu, được mẹ dẫn vào nhà sách mua tập, nhìn thấy sách của tôi bày trên kệ, liền reo lên “Tập của ông Ánh nè mẹ!”. - “Không phải tập! Sách đó, con!” - “À, là sách! Thích quá! Mẹ ơi, lớn lên con cũng sẽ chế tạo sách như ông Ánh!”.

Có thể cu Bin sau này sẽ “chế tạo” được những cuốn sách như tôi, có thể không. Nhưng một nhà văn ra đời thường bắt đầu từ những tiếng reo hồn nhiên kia! Chắc vậy!

*Sài Gòn Giải Phóng 8-1-2012*

# tản mạn trong mưa

Tôi rất thích mưa. Bao giờ tôi cũng thích mưa. Vì mưa luôn gọi lại những hoài niệm. Có lẽ không riêng tôi, tôi tin những kỷ niệm đáng nhớ nhất của mỗi người đều gắn với một cơn mưa nào đó.

Tôi luôn tìm cách đưa những cơn mưa vào trang sách. Viết tác phẩm *Đi qua hoa cúc*, tôi sung sướng tả mưa:

“Những đóa hoa cúc vẫn tiếp tục khoe sắc trong mưa, mặc dù sáng ra tôi nhìn thấy nhiều cánh hoa bị dập, một số rụng lả tả trên mặt đất ướt. Những cánh hoa rơi vãi đó, chị Ngà không cho ai quét. Chị nhón lấy từng cánh, gom vào dưới gốc và nhặt lá tre khô đắp lên. Chị bảo làm như thế, những cánh hoa dù rơi rụng vẫn được ngủ ấm áp trong nhà mình.

Đó là buổi sáng. Bây giờ, mỗi buổi chiều chị ngồi trong nhà ngắm dãy cúc qua màn mưa lướt thướt, trắng tựa sương mù. Những lúc đó, nếu không đi dạo với anh em thằng Chửng, tôi thường ngồi co ro bên cạnh chị, thu tay vào bụng và lơ đãng nhìn ra sân.

Hai chị em ngồi với nhau như vậy trong nhiều ngày trước khi những cơn mưa lê thê chấm dứt. Thường thì chẳng ai nói gì. Tôi lặng lẽ nhai đậu phộng rang thủ sẵn trong túi hoặc gặm những trái ngô nướng thơm lừng. Chị Ngà ngồi trên ngạch cửa, chân duỗi thẳng, tay vòng trước ngực, bất động và mơ màng. Có vẻ như chị đang ngóng đợi một điều gì từ những cơn mưa muộn”.

Tiếc là khả năng của tôi chỉ đến đó, nếu không tôi sẵn sàng dành hai, ba chục trang nữa để tả mưa.

Trong những cuốn sách sắp tới, các bạn hãy tin đi, thế nào tôi cũng dành thật nhiều trang cho những cơn mưa. Đơn giản là, tôi rất yêu mưa.

Sở dĩ tôi viết bài tản mạn này chẳng qua do chiều nay ngồi ở quán Đo Đo với hai người bạn, tự nhiên trời đổ mưa sầm sập. Gió thổi u u luồn qua con hẻm, làm lắt lay những cành huỳnh anh ở tầng thượng.

Ngồi dưới chiếc dù to nhìn nước chảy róc rách giữa con hẻm xi măng, tự dưng tôi thấy nhớ tuổi thơ khắc khoải.



Thời thơ ấu của tôi, bọn trẻ con chỉ mong trời mưa để nhong nhong tắm mưa và xếp thuyền thả lượn lờ theo dòng nước rồi say sưa nhìn ngắm.

Những con thuyền giấy con con đó đã chở theo chúng bao nhiêu là kỷ niệm. Những ký ức lung linh đó, bây giờ đi đâu về đâu, sao trẻ con thành phố bây giờ không còn tha thiết nữa?

Trẻ con hôm nay gặp trời mưa, thu lu trong nhà chơi game, xem tivi, lướt web hoặc nhốt mình trong lớp học thêm, lớn hơn chút nữa thì chui vào rạp xem phim hoặc ngồi quán cà phê tán gẫu.

Tuổi thơ các em không có những con thuyền giấy trôi lững lờ theo dòng nước những buổi trời mưa, các em lấy gì để chuyên chở kỷ niệm?

Tôi viết những dòng này nhưng vẫn e điều đang bộc bạch là tâm thế của người không còn trẻ - những người lúc nào cũng e sợ thời gian đi qua còn mình thì ngẩn ngơ đứng lại.

Hay xưa nay những nhà văn viết cho trẻ con là những người không chịu lớn, cõi lòng kia chỉ chực chờ xao động khi ngoài trời bất chợt một chiều mưa?

*Sài Gòn Giải Phóng 6-9-2009*



# dẫn tình yêu đi xem bóng đá

**N**ếu bạn yêu nàng và không biết làm sao để mở lời thì tốt nhất là bạn nên rủ nàng đi xem một trận bóng đá. Chọn trận đội tuyển Việt Nam gặp đội tuyển Thái Lan là tốt nhất. Việt Nam - Thái Lan có thể xem là trận derby khu vực, giống như các trận derby kinh điển Brazil - Argentina hay Hà Lan - Đức. Trong những trận derby máu lửa kiểu này, tâm lý của cả cầu thủ dưới sân lẫn người xem trên khán đài đã vượt ra khỏi ranh giới của bóng đá. Nó không chỉ là một trận cầu cần phải thắng mà là một món nợ cần phải đòi, thậm chí một mối thù cần phải trả. Trong bầu không khí được đốt cháy hừng hực như vậy, mọi trái tim sẽ bị kích động đến mức người ta không nhớ ra người ngồi bên cạnh là ai, nam hay nữ, trẻ hay già, xấu hay đẹp.

Tóm lại, bạn chỉ việc dắt nàng đến sân bóng, mua cho nàng một ổ bánh mì và một bịch Coca Cola, rồi ngồi xuống bên cạnh nàng, chờ đợi. Bạn hãy nhớ, khi tiếng còi trọng tài cất lên, không chỉ trận đấu giữa Việt Nam và Thái Lan bắt đầu mà trận đấu giữa bạn và nàng cũng khai cuộc, mặc dù tính chất hai bên khác nhau rất rõ: cuộc kịch chiến dưới sân là trận đấu của sự nôn nóng, chiến trường của bạn là trận đấu của lòng nhẫn nại, nói khác đi đó là một mặt trận không tiếng súng. Nếu bạn học được sự kiên nhẫn, bạn sẽ được đền đáp. Vận may sẽ đến với bạn khi đội Việt Nam sút tung lưới đối phương. Lúc đó, chắc chắn cả rừng người sẽ gào thét và nhảy tung tung như một bầy bò điên. Nàng cũng thế thôi, cũng sẽ gào thét, nhảy lên và quay sang... ôm chầm lấy bạn, thậm chí còn nhắc nhở bạn lên nếu nàng nặng hơn bạn hai chục ký. Nếu Việt Nam thắng quả thứ hai, nàng sẽ ôm lấy bạn lần thứ hai, điều đó không thể khác. Nếu đội ta thắng đội bạn mười quả thì thật không có gì tốt hơn cho mối tình cảm của bạn.

Dĩ nhiên, trong cơn phấn khích giữa đám đông, nàng sẽ không nhớ ra nàng đang làm gì, nhưng khi trận đấu kết thúc, trên đường về nàng sẽ bình tĩnh và bền lễn nhớ ra nàng đã vừa ôm bạn, thậm chí còn lặp đi lặp lại cái động tác “trên mức tình cảm” đó nhiều lần.

Khi một người con gái ôm một người con trai hơn một lần thì có nghĩa cô ta có thể ôm người con trai đó thêm nhiều lần nữa trong suốt cuộc đời còn lại của mình và bạn hãy tìm cách làm cho điều đó xảy ra càng sớm càng tốt. Tôi nghĩ sau trận derby đầy máu lửa và đầy những vòng tay đó, bạn sẽ dễ dàng thúc ép vận may của mình mà không cần phải nhờ cậy bất cứ một chuyên gia tư vấn tâm lý nào.

Bạn cũng đừng sợ Thái Lan sẽ sút tung lưới tuyển Việt Nam. Trong trường hợp đó, sự thân mật sẽ diễn ra theo kiểu khác, còn mùi mẫn hơn: nàng sẽ gục đầu lên vai bạn mà khóc rưng rức, khóc như chưa bao giờ được khóc. Lúc đó, bạn có thể vuốt tóc nàng, cả lau mắt cho nàng mà không bị phản ứng gì. Nếu chẳng may chung cuộc đội Việt Nam không lật ngược được thế trận mà tiếp tục thua như trước nay vẫn thua người Thái thì trên đường về nàng sẽ tiếp tục gục đầu lên vai bạn, nàng sẽ thổn thức hoài như thế và bờ vai bạn một lần nữa trở thành chỗ dựa tin cậy để nàng tắm nước mắt như một cô gái ngồi khóc tuổi thơ qua. Trong hoàn cảnh này, đội tuyển thua nhưng bạn vẫn thắng. Vì sau trận cầu đầm nước mắt, nàng sẽ nhận ra bờ vai của bạn là thứ mà nàng đã tìm kiếm lâu nay để có thể nghiêng xuống nỗi buồn con gái. Bờ vai đó, nếu bạn khéo léo hơn, sẽ là một bếp than mà nàng nguyện sẽ dùng để sưởi ấm suốt đời.

Nói chung, bóng đá sẽ đem lại cho bạn nhiều thứ. Bởi ngoài những tình huống đã kể ở trên, bạn có thể tìm thấy ở bóng đá những chiến thuật phù hợp để chinh phục một trái tim. Nếu cần thực dụng, bạn hãy học Chelsea. Cần bay bướm, đã có Barcelona và Arsenal làm mẫu. Khi cần tấn công tổng lực, bạn hãy bắt chước Hà Lan. Cần phòng thủ, hãy nhìn người Ý. Còn khi muốn tấn công một cách khoa học, hãy bắt chước bóng đá lập trình của người Đức.

Thông thường thì đàn ông khoái chiến thuật tấn công, còn phụ nữ chuộng hệ thống phòng thủ. Nhưng bạn đừng lo, nếu nàng đã trót ôm lấy bạn khi tuyển Việt Nam thắng hoặc đã lờ khóc vui trên vai bạn khi tuyển Việt Nam thua, chắc chắn nàng sẽ xem xét và điều chỉnh lại hệ thống chiến thuật cho phù hợp với sự đột biến của tình

hình. Vì thể diện, có thể nàng vẫn tiếp tục rêu rao về chiến thuật phòng thủ nhưng bên trong nàng đã bắt chước Chelsea cố tình giấu đi Terry và Carvalho rồi la toáng lên rằng hai trung vệ hay nhất của mình đã bị chấn thương và treo giò. “Lực lượng mỏng, đội hình chấp vá, bây giờ ai cũng có thể chọc thủng lưới tôi được”. Nàng sẽ lặp lại lời than vãn đó của huấn luyện viên Mourinho, nhưng vì nàng là con gái chắc chắn nàng sẽ biên tập lại cụm từ “chọc thủng lưới”. Nhưng dù nàng thay thế bằng những từ ngữ khác tế nhị và mỹ miều hơn thì ý tứ của nàng cũng không có gì khác hơn là khuyến khích bạn đồng cao đội hình để tìm kiếm cơ hội.

Ở chỗ này, tình yêu vẫn có điểm khác bóng đá: khi bạn hạ gục được nàng thì cả “hai đội” đều thắng, ở đây không có người thua. Bạn có thấy như vậy không? Bạn đang chuẩn bị dẫn nàng đi xem trận Việt Nam - Thái Lan đó chứ?

*Tạp chí Người làm báo số Xuân 2009*

# chờ vợ đi shopping

*Đọc tập bút ký Nghiêng tai dưới gió của nhà thơ Lê Giang, mới biết giai điệu điệp khúc “A, ai gọi đời ta!” trong bài hát Hầy yên lòng mẹ ời được nhạc sĩ Lư Nhất Vũ tìm ra ngay trước... cổng chợ. Lê Giang mô tả cảnh chồng mình đang khoái trá sáng tác: “Cho tới một hôm, trong nhà lòng chợ bước ra, đứng mấy bà bán trái cây đang bụm miệng cười khọt khẹt, mấy bà hỏi tôi ông làm gì vậy bà? Tôi dòm qua đường thấy ông ngửa mặt lên trời, miệng chu chu hút gió”. Hình ảnh ấy thật ngộ nghĩnh. Ủa, nhưng chẳng lẽ nhạc sĩ họ Lư hết chỗ ngồi viết nhạc rồi sao mà lò dò ra trước cổng chợ đứng... “hút gió”?*

**1** Trong một trăm ông chồng chờ vợ đi chợ thiết tưởng hết chín mươi chín ông chọn cách thả vợ xuống trước cổng, kiếm cái quán nước - không có quán nước thì kiếm tảng đá, bờ tường hay gốc cây - ngồi đợi chứ hổng có ông nào có gan theo vợ loanh quanh trong chợ.

Trong quãng thời gian dằng dặc đó, những ông chồng giàu kinh nghiệm thường cẩn thận thủ sẵn theo người tờ báo hay quyển sách, những ông chồng hơi hột, “non nớt” thì đành giết thì giờ bằng cách đếm số người qua lại trước mặt hoặc ngắm phin cà phê đang tí tách kia để đếm thử một ly cà phê trung bình chứa... tổng cộng bao nhiêu giọt(!).

Hiển nhiên, trong trường hợp này lợi thế thuộc về các ông chồng nghệ sĩ. Nhạc sĩ chờ vợ thì tha hồ “miệng chu chu hút gió”, hy vọng sẽ tìm ra ca khúc hay, giai điệu đẹp. Thi sĩ chờ vợ, có cơ may nảy ra lăm câu thơ tuyệt tác trong đầu. Văn sĩ thì tranh thủ thời gian vẽ ra cốt truyện, hình dung ra nhân vật hoặc tưởng tượng ra tình tiết. Vợ đi chợ càng lâu, tình tiết càng phong phú, dồi dào, phần “thu hoạch” có khi còn nhiều hơn lúc thả hồn nơi yên tĩnh. Mới biết, cái chợ (hay cái cổng chợ) cũng có thể kiêm luôn chức năng của “trại sáng tác”!

**2** Ủa, mà tại sao mấy ông chồng ngán vô chợ lắm vậy? Mấy ông sợ dơ tay dơ chân, dơ quần dơ áo chẳng? Hay sợ phải chen chúc với đủ hạng người, sợ ngửi mùi cá mùi tôm tanh tưởi, sợ nghe tiếng bấc tiếng chì nhức óc?

Chắc là không phải. Từ khi thành phố mọc ra vô số siêu thị mát mẻ, sáng bóng, các ông cũng có thích thú cái chuyện lẻo đẹo theo vợ la cà bên các quầy hàng đâu. Chờ vợ đi shopping, tiễn vợ bước qua tấm cửa kính sang trọng của siêu thị kia, ngay lập tức các ông lại làm cái chuyện mà các ông từng làm với chợ: kiếm một quán nước ngồi đốt thời gian.

Hóa ra đây là chuyện khác nhau giữa đàn ông và phụ nữ chứ không phải giữa chợ và siêu thị. Mua sắm là sở thích của các bà, các cô. Đàn ông cũng mua sắm, nhưng thường chỉ mua cái mình cần. Phụ nữ đã đành cũng cần cái mình mua, nhưng cũng cần cả... cái sự mua sắm.

Với đàn ông, mua sắm thuần túy là hành vi, là phương tiện để sở hữu cái mình muốn có. Với phụ nữ, hành vi mua sắm bản thân nó đã là mục đích, trước khi được xem như một phương tiện. Giống như đi câu cá, một người câu là để chăm chăm chờ cá cắn câu, một người không coi chuyện câu được cá là quan trọng, mục đích chính là thưởng thức cái thú thanh thoi buông cần dưới bóng cây râm mát, giống như Nguyễn Khuyến ngày xưa nhắm nháp cảnh nhàn.

Do vậy, mua sắm với phụ nữ không đơn giản chỉ là sự trao đổi tiền-hàng nhằm thúc đẩy nền thương mại của nhân loại như định nghĩa của các nhà kinh tế học, mà đã nâng lên thành một thói quen, một thú vui, một lẽ sống ở đời.

**3** Từ đó suy ra: đàn ông biết mình cần mua gì mới vô siêu thị, còn phụ nữ vô siêu thị nhẩn nha cả buổi rồi mới biết những gì mình cần mua. Cho nên cái sự rề rà, nắn nà của người phụ nữ bên các quầy hàng, các tủ kính; cái cách thử hết cái áo này đến cái áo khác (chọn được kích cỡ thì không thích kiểu dáng, chấp nhận kiểu dáng lại không chuộng màu sắc, cứ thế mà ướm tới ướm lui, cầm lên đặt xuống) là cái cách mà người đàn ông không hiểu nổi, người

đàn ông thấy chóng mặt, thấy đầu váng mắt hoa, thấy việc ngồi hàng giờ đồng hồ trong quán cà phê bên kia đường để chờ dài cổ dù sao cũng đáng gọi là cuộc sống thần tiên nếu đem so với “cực hình” lệch théch theo chân các bà.

Từ đó suy ra thêm một “chân lý” nữa: Những người vợ thông minh nếu muốn trừng phạt đức ông chồng về tội trăng hoa chẳng hạn, chẳng cần gây gỗ hay cầu xé làm gì cho hao hơi tốn sức, cứ tỏ vẻ nhờ ông chồng xách giỏ theo mình vô chợ hay vô siêu thị là đủ để hằn nhớ đời.

Đòn trừng phạt này nhẹ nhàng, văn minh-lich sự-tế nhị, mà sức tàn phá âm thầm của nó chẳng có phép động khẩu hay phép động thủ nào sánh bằng.

Áp dụng “độc chiêu” này tức là khai thác sự khác nhau giữa các ông và các bà trước chợ và siêu thị. Hay nói cách khác, chính là khai thác sự giống nhau giữa chợ và siêu thị trước các bà và các ông.

Bởi, chợ hay siêu thị gì cũng vậy, hạnh phúc lớn nhất của các ông là được các bà cho “ngồi chơi xơi nước” trước cổng, dù có sốt ruột đến mấy cũng sẵn sàng tươi cười, đợi lâu quá thì đem thơ Hồ Dzếnh ra ngâm ngợi để tưởng tượng mình đang sống trong những giờ hoa mộng:

*Ngó trên tay thuốc lá cháy lụi dần*

*Anh khẽ nói: gớm sao mà nhớ thế!*

*Sài Gòn Giải Phóng 20-9-2009*

# câu chuyện thời trang

*Phụ nữ thích mua sắm, chuyện đó tưởng đã rõ. Nhưng phụ nữ thường mua sắm những gì? Đó lại là một câu chuyện không phải là không thú vị nếu chúng ta thử tìm cách chiếu rọi nó.*

**1** Hồi nhỏ đọc truyện Tàu, tôi cứ nhớ mãi câu “Sự liễu phát y khứ/ Thâm tàng thân dữ danh” (Việc xong rũ áo ra đi/ Xoá nhòa thân thể, kể gì tiếng tăm - Trần Trọng San dịch). Đây là hai câu thơ trong bài Hiệp khách hành của Lý Bạch ca ngợi nghĩa khí của đám bằng hữu Tín Lăng Quân, Hào Doanh, Chu Hối. Khi gặp trong sách những nhân vật chọn cách ứng xử “công thành - thân thoái” như Phạm Lãi, Trương Lương, tôi mừng tượng hình ảnh “phát y khứ” của họ chắc là rất hào sảng. Tôi thích dịch cụm từ “phát y khứ” thành “phát tay áo ra đi” hơn, vì thấy nó “đã” hơn, nó khinh bạc hơn là “rũ áo ra đi”. “Rũ áo” (hay “giũ áo”), tôi hình dung là hai tay áo đánh mạnh sang hai bên hoặc xuống đất. Còn “phát áo”, chắc chắn là tay phải vung lên khỏi đầu. (Từ “phát” trong tiếng Nôm có ý nghĩa ngang tàng hiên lộng - như “phát cờ khởi nghĩa”). “Rũ áo ra đi” gọi đến thái độ xuất xử, đến cách chọn lựa, đó là thái độ của một triết gia, một bậc đạo hạnh. Còn “phát tay áo ra đi” nhấn mạnh về hành động, ẩn tàng khí phách hiên ngang của một hiệp sĩ. Thấy “đã”!

Nhưng muốn “rũ” hay “phát” gì thì tay áo bắt buộc phải rộng. Đó là tay áo mà chú bé Lục Tích trong Nhị thập tứ hiếu giấu quýt đem về cho mẹ, ngó ngẩn để chủ nhà bắt quả tang.

**2** Cái tay áo rộng thùng thình đó bây giờ không còn nữa. Thời hiện đại, tay áo có thể dùng để “phát y khứ” chỉ còn trên sân khấu tuồng, chèo, cải lương hoặc trong các phim cổ trang. Quan sát nam phụ lão ấu đi đứng ngoài đường, bên ta cũng vậy mà bên Tàu cũng vậy, thấy tay áo người nào cũng vừa vắn với cổ tay, không thể dùng để “rũ” hay “phát” được. Lý Bạch nếu sống thời nay, chắc chắn không dùng hình ảnh “phát tay áo ra đi” để tỏ thái độ của kẻ sĩ

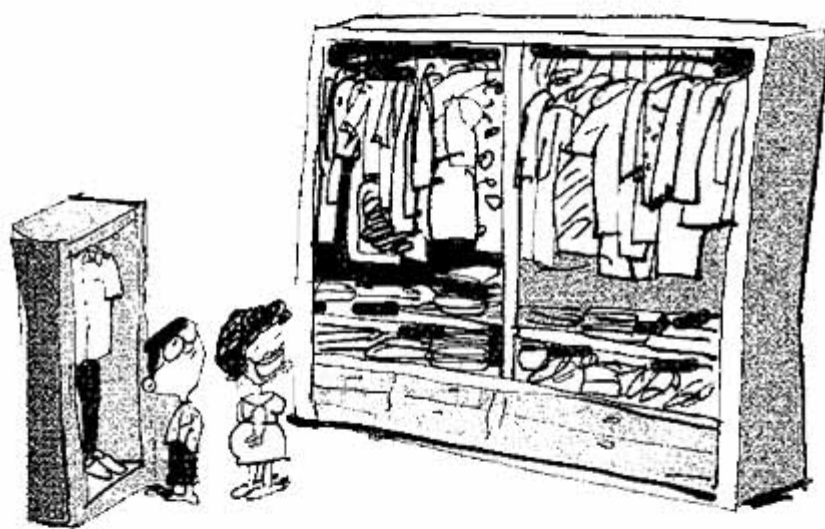
không màng danh lợi. Có khi thi bá họ Lý buộc phải dùng tới ngôn từ thô lậu “phủi đít ra đi” cũng nên!

Nói lan man nãy giờ, cũng chỉ cốt để kết luận rằng trang phục ngày nay khác xưa nhiều quá. Có lẽ trên đời không có gì biến đổi nhanh hơn trang phục. Thay đổi một cách nghĩ chẳng dễ, thay đổi một cách cảm càng vô cùng khó, nhưng thay đổi một cách ăn mặc lại quá sức tự nhiên. Xuất xứ của cụm từ “à la mode” vì vậy hẳn có nguồn gốc từ chuyện ăn mặc. Tất nhiên “thời trang” không phải là lãnh địa dành riêng cho phụ nữ. Nhưng trong thực tế, chúng ta có thể kết luận mà không cần phải uốn lười quá nhiều rằng ngành thời trang được sinh ra chủ yếu vì quý bà và cho quý bà.

**3** Trên đại thể, phụ nữ nào cũng bận tâm đến trang phục. Sắm sửa quần áo, mũ nón, giày dép có lẽ là nhu cầu thiết thân và thường trực của mọi phụ nữ. (Từ ngày xưa ta bắt buộc đi xe máy phải đội nón bảo hiểm thì mối quan tâm của phụ nữ đến mũ nón sụt giảm đáng kể). Vào siêu thị hoặc một khu mua sắm nào đó, không cần giới quan sát ta cũng dễ dàng nhận ra chốn thu hút phụ nữ nhiều nhất là các gian hàng quần áo.

Làm đẹp. là bản tính của phụ nữ. Chúng ta vẫn thường gọi phụ nữ là “phái đẹp” đấy thôi. Cách gọi đó bao hàm thái độ chấp nhận ước muốn làm đẹp của phụ nữ là nhu cầu tự nhiên, ít ra là để chứng tỏ họ xứng đáng với mỹ từ mà cánh mày râu gọi họ.





Các nhà kinh doanh khai thác nhu cầu này của phụ nữ đến tận rằng: các loại nước hoa, keo xịt tóc, son phấn, kem dưỡng da, kem chống nắng, các loại son dành cho móng tay và móng chân được sản xuất và cung cấp từng giờ. Hiển nhiên không thể thiếu trang phục.

**4** Trang phục dành cho phụ nữ phong phú về kiểu dáng, đa dạng về chủng loại, lại thay đổi liên tục. Trong khi đó, trang phục của đàn ông về cơ bản không biến đổi nhiều qua thời gian. Từ khi Âu phục xuất hiện ở Việt Nam, gần một thế kỷ qua cách ăn vận của các đấng mày râu về cơ bản vẫn không có gì khác: quần tây dài, áo sơ mi; có biến tấu gì đi nữa vẫn không thoát khỏi kiểu dáng đã được “cổ điển hóa” đó. Quần gin áo pull chỉ là biến tướng về mặt chất liệu, chứ không đột phá về mặt quy cách. Đi các nước, thấy đàn ông nhiều nơi trên thế giới hầu hết cũng đều ăn mặc giống nhau, nghĩa là giống y chang đàn ông xứ ta.

Phụ nữ thì khác, về sự đổi mới trong ăn mặc, phụ nữ “nổi loạn” hơn nhiều. Và nếu bạn tin có một cuộc cách mạng trong ăn mặc, điều đó chỉ có thể xảy ra trong thế giới quý bà. Bikini ở thập niên 40 là một ví dụ. Chỉ phụ nữ Việt Nam thôi đã có thể liệt kê: áo dài, áo tứ thân, áo bà ba, quần tây áo sơ mi, các loại váy, yếm... Riêng áo dài và váy thôi, đã nhiều khế qua từng biến thiên: cổ cao, cổ thấp, xẻ nách, xẻ sườn, váy túm, váy quét, váy cộc, váy dài. Ngay chiếc áo sơ mi của phụ nữ cũng “biến động” hơn áo cùng loại của đàn ông: hở ngực, hở rốn, ôm hông, giả bầu... Thậm chí chiếc quần là vật che thân nhạy cảm nhất, tưởng không có lý do gì để co dãn, cũng đã bắt đầu trễ xuống...

Mẫu mã, kiểu dáng ngày một đa dạng, đổi thay liên tục, làm sao một phụ nữ không bồn chồn mua sắm khi chị hàng xóm, cô đồng nghiệp lờ trước mặt với những kiểu áo kiểu quần mới lạ từng ngày.

**5** Như vậy, trong khi đòi hỏi quan trọng nhất trong ăn mặc của các ông là lịch sự, gọn gàng thì tiêu chí về trang phục phụ nữ còn đi xa hơn (và cao hơn): còn phải đẹp, thậm chí hơn cả đẹp: phải mới lạ. Chỗ này, đàn ông không nên so bì với các bà các cô. “Trai tài gái sắc”, ông bà đã tổng kết rồi, nhan sắc với phụ nữ là một giá trị, mặc dù sau đó ông bà cẩn thận dặn thêm “Cái nét đánh chết cái đẹp”. Nhưng khi cái đẹp chưa chết thì nó vẫn có quyền làm cho mình đẹp hơn.

Cho nên mới nói: mua sắm quần áo là sở thích mà mọi phụ nữ đều gặp nhau, đặc biệt là các cô gái trẻ. Bên cạnh đó, dĩ nhiên cũng có phụ nữ thích sắm nữ trang, phụ nữ có chồng có con thì thích sắm dụng cụ gia đình, thích la cà bên các quầy thực phẩm. Sự phân hóa (hay bổ sung?) về mặt sở thích này cũng là một khía cạnh đáng để chúng ta tò mò, nhưng có lẽ nên dành nó cho một bài viết khác.

*Sài Gòn Giải Phóng 4-10-2009*

2



# chuyện ông Vu

**T**ôi gặp ông Nguyễn Thắng Vu lần đầu vào khoảng 1993.

Trước đó tôi chưa hề biết ông, mặc dù tôi in cuốn sách đầu tiên ở Nhà xuất bản Kim Đồng vào năm 1985 (tập truyện ngắn Cú phạt đền) và hai năm sau, tôi lại in tác phẩm thứ hai, cuốn Bàn có năm chỗ ngồi. Người trực tiếp nhận bản thảo lúc bấy giờ là nhà văn Thy Ngọc và biên tập viên là chị Lê Hồng Phấn. Giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng trong thời kỳ đó là ông Nguyễn Ân và Tổng biên tập là nhà văn Văn Hồng.

Năm 1988 và những năm tiếp theo, tôi bận viết loạt sách về lứa tuổi mới lớn theo lời kêu gọi của Nhà xuất bản Trẻ nhằm đối phó với hiện tượng “sách đen chuyên tay trong nhà trường” đang gây xôn xao dư luận trong thời điểm đó nên tôi gần như không còn thời gian để viết cho Kim Đồng. Phần khác, sau này tôi được biết Nhà xuất bản Kim Đồng những năm cuối thập niên 80 gặp khó khăn trầm bệ, kể cả trong khoản chi trả nhuận bút nên cũng e dè trong việc kêu gọi các nhà văn phía Nam cộng tác.

Chỉ khi ông Nguyễn Thắng Vu lên làm giám đốc, tạo nên “hiện tượng Doraemon” vào năm 1992 thì Nhà xuất bản Kim Đồng mới vượt qua những ngày tháng lao đao để bước vào thời hoàng kim rực rỡ.

Tôi gặp ông trong thời điểm đó.

Đó là một con người tầm thước, dong dỏng, đôi mắt tinh anh, giọng Quảng Bình nặng nhưng dễ nghe, đặc biệt giọng ông khỏe và rất trầm. Lần tiếp xúc đầu tiên, tôi nghĩ bụng ông này mà đi theo con đường ca sĩ thì có khi thành của hiếm cũng nên.

Ông là người thân tình nhưng có cái uy ngầm, có lẽ do cách nói chuyện của ông có tính thuyết phục cao, tầm nhìn xa, đặc biệt là

năng động, táo bạo và quyết đoán.

Nhưng điều khiến tôi quý ông nhất là thái độ của ông đối với sách.

Tôi còn nhớ một buổi trưa cách đây 15 năm, khoảng 11 giờ tôi ghé qua Chi nhánh Nhà xuất bản Kim Đồng ở đường Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Hồ Chí Minh. Sáng hôm sau là ngày phát hành bộ truyện Kính vạn hoa nên tôi ghé lại xem sách đã về chưa. Dắt xe qua khỏi cổng, tôi thấy một ông già mặc bộ pyjama đang lui cui ở giữa sân, loay hoay dán những cuốn Kính vạn hoa lên tấm bảng kê sát tường. Ông tỉ mỉ dán những cuốn sách nhỏ theo hình chữ K, V và H, có lẽ để trưng bày trong ngày hôm sau.

Tôi không nghĩ người đang làm công việc tử mủn đó là ông giám đốc nhà xuất bản. Lại gần, nhận ra ông Vu, tôi ngạc nhiên quá. Cái việc cón con đó, ông có thể bảo bất cứ nhân viên nào làm cũng được. Nhưng ông không thích thế.

Ông dán xong chữ K, lại lùi ra xa, nghiêng đầu ngắm nghía. Xong chữ V, lại lùi ra, miệng không ngớt xuýt xoa. Tới chữ H, ông lại bước qua trái nhìn một lúc, bước qua phải nhìn một lúc, tặc tặc lười rồi bước tới chỉnh chỗ này một chút, sửa chỗ kia một tẹo. Cái việc nhỏ nhặt đó gần như thu hút toàn bộ tâm trí ông, trông ông như một họa sĩ đang thưởng thức bức tranh vừa vẽ xong, thích thú, say sưa, phấn khích.

Sau này, đã quen thân với ông nhiều, mới biết ông là người yêu sách một cách kỳ lạ. Trước khi cho in một cuốn sách, ông băn khoăn, cân nhắc chất lượng giấy ruột, giấy bìa, tính toán đến từng mẫu bìa, từng tranh minh họa. Khi sách in xong, bao giờ ông cũng muốn được là người nhìn thấy và vuốt ve trước tiên. Tôi đã nhiều lần bắt gặp ông say sưa mân mê bằng cả tay lẫn mắt những cuốn sách mới đem về từ nhà in còn thơm mùi mực, lúc ấy mặt ông sáng bừng như có ai quạt lửa dưới da ông. Quả thật trông cái cách ông nâng niu một cuốn sách mới in không thể không liên tưởng đến cảnh người mẹ đang hân hoan nâng niu một đứa con vừa chào đời, đó là gương mặt không thể nhầm được của một người đang đắm

chìm trong nỗi trùu mến, lòng âu yếm và cảm giác hạnh phúc. Một nhà văn yêu sách của mình như thế cũng là hiếm, nhưng không phải là không có. Nhưng một ông giám đốc nhà xuất bản yêu sách đến thế, có lẽ là có một không hai.

Phẩm chất đó nơi ông tự nhiên tạo sự tin cậy vô điều kiện với những người cầm bút như tôi. Tôi quý cái phẩm chất văn hóa đó nơi một nhà kinh doanh, nếu chúng ta tin rằng xuất bản là ngành kinh doanh văn hóa. Bởi một khi ông yêu sách, tất ông cũng quý những người làm ra sách. Cái cách ông Nguyễn Thắng Vu đối xử với các nhà văn luôn toát lên thái độ quý mến và trân trọng, không chỉ vì ông hiểu rằng các nhà văn là yếu tố đầu tiên tạo nên sự thành công cho một nhà xuất bản. Ông quý các nhà văn, vì ông hiểu họ cùng đi trên con đường mà ông đã chọn, cùng thực thi cái lý tưởng mà ông đã đeo đuổi, đó là góp phần một cách tự nguyện và không mệt mỏi vào việc phục vụ đời sống tinh thần của các thế hệ trẻ.

Tôi còn nhớ khi bộ Kính vạn hoa ra tới tập 20, ông viết một bức thư tay thật dài để chúc mừng tôi và đặc biệt dòng chữ “thay mặt các em thiếu nhi tôi cảm ơn Anh đã viết bộ truyện này” làm tôi vô cùng cảm động. Ông không “thay mặt nhà xuất bản” như lẽ thường tình, không nhắc gì đến mối quan hệ giữa một nhà xuất bản và một cộng tác viên, đối với ông mối quan hệ giữa nhà văn và các độc giả nhỏ tuổi mới là điều đáng nói hơn. Chuyện tuy nhỏ nhưng qua đó có thể thấy được tâm niệm thực sự của một người làm sách chân chính cho thiếu nhi: luôn nghĩ đến lợi ích của các em. Cũng vì cảm kích trước tâm huyết của ông với sự nghiệp làm sách cho trẻ em mà sau này đã nhiều lần tôi muốn kết thúc sớm bộ Kính vạn hoa vì nhiều lý do nhưng cuối cùng tôi vẫn phải ngồi vào bàn để tiếp tục bộ truyện mà tôi biết nếu tôi đột ngột ngưng lại chắc ông sẽ thất vọng lắm.

Sau này, khi đã rời khỏi cương vị giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng, ông Nguyễn Thắng Vu vẫn giữ chức Chủ tịch Hội đồng xuất bản một thời gian trước khi về nghỉ hẳn, đại khái ông đóng vai trò như một ông cố vấn, có một căn phòng nhỏ ở nhà xuất bản để lui tới mỗi tuần.

Thực ra tôi nghĩ ông cũng chẳng “cố vấn” được gì nhiều, tuổi tác cũng đã chạm những ngón tay lạnh lẽo lên người ông và các thể hệ quản lý sau ông cũng dần cứng cáp. Cái yếu tố chính khiến ông chưa muốn rời bỏ hẳn công việc xuất bản, vẫn cố “dây dưa” với chức Chủ tịch Hội đồng xuất bản, kể cả khi ông biết có người suy diễn điều đó theo chiều hướng xấu, là vì ông không thể sống thiếu hơi thở của sách. Ông thêm biết bao những khoảnh khắc hồi hộp nhìn theo một bản thảo chuẩn bị đưa tới nhà in và hạnh phúc biết chừng nào khi đón một cuốn sách từ nhà in trở về. Làm sách, với Nguyễn Thắng Vu từ lâu đã không còn là công việc. Đó là tình yêu của ông. Còn hơn thế nữa, là cuộc sống của ông. Sách là bầu khí quyển quen thuộc mà rời bỏ nó ông giống như cá rời khỏi nước.

Cá rời khỏi nước dĩ nhiên không sống nổi. Ông rời khỏi công việc làm sách không đến mức như thế, nhưng lúc đó cuộc sống đối với ông chắc chẳng còn bao lắm ý nghĩa.

Đó là nỗi đau của Nguyễn Thắng Vu. Nhưng đó cũng là hạnh phúc của ông, thứ hạnh phúc hiếm người có được.

*Tuổi Trẻ 30-5-2010*



# ngày xuân, đọc tạp bút Đỗ

**1** Hồi bé, mỗi khi mãi chơi quên học bài hay trót, làm điều nghịch quấy tôi thường bị ba tôi phạt quỳ gối úp mặt vô tường. Bao giờ bị phạt tôi cũng òa ra khóc, thoát đầu là nước nỡ rất ghê nhưng quỳ lâu quá, tôi dần chuyển sang thút thít. Thút thít một hồi, tôi ngừng bật lúc nào không hay. Ấy là lúc mắt tôi bắt gặp những lỗ thủng, những nét gạch xóa, những vết ố lam nham trên tường và tâm trí non nớt của tôi bắt đầu tưởng tượng ra đủ thứ hình ảnh kỳ lạ, quên bém mình đang bị phạt. Chuyện qua đã lâu, tường không còn nhớ. Những ngày Tết rảnh rỗi, giờ tạp bút Đỗ Trung Quân ra xem, đọc tới bài *Bức tường*, tự nhiên hình ảnh ấu thơ hiện về, mới hay họ Đỗ thuở bé cũng từng bị úp mặt vô tường như tôi. Và cũng mơ mộng như tôi. Đỗ còn đi xa hơn: Anh liên tưởng đến chín năm diện tích của Bò Đẻ Đạt Ma trong thạch động núi Thiếu Thất...

**2** Đọc tạp bút Đỗ, tôi có cảm giác con người lang thang tự ví mình như con chuồn chuồn ớt ấy, khi lớn lên đã gần như dành cả cuộc đời để “úp mặt” vô bức tường kỷ niệm. Những hoài niệm về một thời thơ ấu nghèo khổ đã trở đi trở lại trong những trang viết của anh như một ám ảnh khôn nguôi. Ta thấy thấp thoáng trong tạp bút của anh một Sài Gòn phân hóa những năm 60-70 nhiều biến động. Ta thấy một gã con trai thị dân lớn lên trong xóm lao động nghèo với những buồn vui phố thị. Những ngày còn ở thanh niên xung phong, những lần về phép Sài Gòn, tôi thường vác ba lô đến ở với Đỗ Trung Quân dăm ba bữa trong căn nhà chật chội trên bờ kênh Nhiêu Lộc, nơi mà anh vừa yêu mến nó vừa căm ghét nó vì những phận người trong khu ổ chuột này đã không thể nào bơi ra khỏi dòng kênh đục ngầu của định mệnh. Và tôi hiểu tại sao anh viết bài *Bơi đi* - bài tạp bút buồn nhất, thống thiết nhất và có sức lay động nhất của Đỗ trong tập này.

Trong những cây bút trưởng thành sau 1975, Đỗ Trung Quân là cây bút giàu chất thị dân nhất, cả trong thơ trong văn trong họa - có lẽ là vì vậy. Tôi chưa thấy ai viết về nhạc boléro hay và cảm động như anh trong bài *Đêm khuya ngõ sâu như không màu*. Vì anh viết bằng cả tâm tình. Anh từng sống lay lắt cảnh gác trọ đèn vàng. Anh từng trải qua những ngõ sâu lênh đênh phận người phiêu dạt. Tóm lại, anh đem tâm tình viết tạp bút. Nên tạp bút của Đỗ Trung Quân là loại văn mà người đọc bắt gặp mình buồn man mác, lắm khi rưng rưng theo từng con chữ.

4 Đỗ Trung Quân tự nhận mình là kẻ ham chơi. Anh khoái la cà quán xá. Khoái chạy xe long nhong ngoài phố, nhiều khi chỉ vì “nắng vàng sao mà nhớ nhung”. Và hầu như anh luôn mê Tết. Rất nhiều bài trong tập tạp bút này nhắc đến Tết. Đỗ Trung Quân “diện bích” cuộc đời đầy. Anh nhớ Tết để mà nhớ người. Như Cung Tiến, anh đang *hoài cảm*. Nên *Vì sao con cóc, con cò, cái bóng* - bài viết hay nhất trong tập - anh dành tặng Ngã ba Ông Tạ - nơi anh đã trải qua một tuổi thơ lem luốc và lêu lổng. Lang thang phố xá - lang thang trong cuộc đời - lang thang trong cõi nhân sinh - với Đỗ Trung Quân, là một. Cho nên *Tạp bút Đỗ* tài hoa mà trĩu nặng nhân tình...

Sài Gòn Giải Phóng 18-2-2006

# khi người Việt đi xa...

**1** Lê Minh Quốc đi Mỹ một tháng, về nhà chia cho tôi bản thảo *Một ngày ở Mỹ*, nói “Ông viết giùm tui lời giới thiệu”. Tôi nheo mắt “Ông qua bên ở một tháng lận mà, sao bảo *một ngày*?”. Quốc cười méo xẹo “Một tháng ở Mỹ cũng là cưỡi ngựa xem hoa thôi. Đất nước người ta rộng mênh mông, tôi biết bao lắm mà dám huênh hoang. Tôi chỉ viết theo cái ý “*đi một ngày đàng học một sàng khôn*” thôi”.

Tôi ngạc nhiên về Lê Minh Quốc quá. Lần trước anh đi Hà Lan 7 ngày, về viết cuốn *Du lịch của người cầm*. Nay đi Mỹ một tháng, về viết cuốn này. Mà toàn là đi lần đầu tiên, cái gì cũng không biết, cái gì cũng gặng hỏi. Chắc cái thú quan sát, ghi chép của một nhà báo ở trong anh phải mạnh mẽ lắm. Có cái say mê đó, đi một tháng có khi sự thu thập bằng người đi một năm. Ờ, suy cho cùng đối với người viết du ký vấn đề không phải là anh đi bao lâu mà là anh đã nhìn thấy gì và ghi nhận được gì trong thời gian đó. Thời lượng của chuyến đi tất nhiên là quan trọng nhưng chất lượng của chuyến đi xem ra còn quan trọng hơn.

Xưa nay, các nhà văn xứ ta mỗi lần có dịp đi đến chốn lạ đều có thói quen ghi chép. Qua Pháp, Phạm Quỳnh viết *Pháp du hành trình nhật ký*, Nhất Linh viết *Đi Tây*. Qua Tàu, Lê Văn Trương viết *Ba tháng ở Trung Hoa*, Nguyễn Tuân viết *Một chuyến đi*. Qua Cao Mên, Nguyễn Hiến Lê viết *Đế Thiên Đế Thích*... Đi xa cũng viết. Đi gần cũng viết: Phạm Quỳnh có *Mười ngày ở Huế*, Nguyễn Hiến Lê có *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*...

Bây giờ Lê Minh Quốc có *Một ngày ở Mỹ*. “Mười ngày”, “bảy ngày” hay “một ngày” cũng chỉ là một cách nói. Nó cho thấy ham muốn nghe và nhìn, nhớ và ghi là thói quen, thậm chí là bản năng của người cầm bút.

Lê Minh Quốc viết *Một ngày ở Mỹ* có điều bất lợi. Cuốn sách ra đời trong thời điểm nước Mỹ đã không còn là một quốc gia xa lạ, so với chục năm trước đây sự qua lại giữa Mỹ và Việt Nam đã nhộn nhịp hơn nhiều. Bây giờ người Việt qua Mỹ và người Việt ở Mỹ về Việt Nam là chuyện bình thường: ngoài những điều mắt thấy tai nghe, trong những cuộc trà dư tửu hậu người ta đã thuật cho nhau biết bao nhiêu là chuyện về nước Mỹ. Chưa kể, trong bối cảnh bùng nổ thông tin với sự trợ giúp tuyệt vời của internet như hiện nay, trái đất hầu như không còn xó xỉnh nào không được phơi ra ánh sáng, nói gì một nước to đùng như nước Mỹ. Nước Mỹ ngày nay rõ ràng gần gũi hơn nhiều so với Singapore thời Tự Đức: “*Tân-Gia từ vượt con tàu/ Mới hay vũ trụ một bầu bao la*” (Cao Bá Quát). Mới hôm qua đây thôi, lúc đang ngồi đọc bản thảo này của Quốc, tôi thoáng thấy kênh truyền hình HTV3 hăm hở giới thiệu chương trình *Tìm hiểu văn hóa Mỹ*, được quảng cáo là sẽ phát vào lúc 21 giờ chủ nhật hằng tuần, liền giật mình nghĩ: “Thôi rồi, Quốc ơi!”.

Nhưng đọc kỹ *Một ngày ở Mỹ*, lại thấy Lê Minh Quốc có cái lợi của người đến sau. Với những người đã có hiểu biết ít nhiều về nước Mỹ, người ta đang tò mò chờ đợi xem cái anh “Lý Toét” Lê Minh Quốc cảm nhận về nước Mỹ như thế nào, có gì giống họ và khác họ không.

Giống, thì giống nhiều! Vì những điểm nổi bật của xã hội Mỹ nó sò sò ra trước mắt, ai cũng thấy, chẳng hạn về tinh thần thượng tôn pháp luật và ý thức tự giác cao của người Mỹ trong sinh hoạt cộng đồng, về những quan tâm đặc biệt mà pháp luật và xã hội dành cho người tàn tật và trẻ em, về ý thức bảo vệ thiên nhiên và động vật hoang dã, về trật tự xã hội và an toàn giao thông, v. v...

Nhưng cuốn sách của Lê Minh Quốc có những cái khác, cái riêng rất thú vị, nhất là những thông tin so sánh. Lâu nay, Lê Minh Quốc biên soạn nhiều đề tài, nhiều lãnh vực: từ báo chí, giáo dục, doanh thương đến chữ viết, địa chí, lịch sử. Với tư cách nhà tư liệu học, trong cuốn sách này anh hào hứng nhắc đến người Việt Nam đầu tiên đến Mỹ và người Mỹ đầu tiên đặt chân đến Việt Nam, anh nhắc đến Bùi Viện, đến John Briggs, John White, Edmund Robert; thấy

dân Mỹ được phép mua súng phòng thân, anh lại nhắc chúng ta nhớ đến thế kỷ 18, do giặc cướp nhiều nơi nổi dậy chúa Trịnh Giang đã từng cho phép dân đình tự sắm lấy vũ khí chống giặc (mặc dù sau khi phép tắc này ban ra, giặc giã còn loạn hơn vì người mua vũ khí nhiều nhất là... giặc cướp!) - những chi tiết có lẽ không phải ai cũng biết. Bên cạnh đó, với cảm xúc của một nhà thơ, đang ở Mỹ anh lại cảm khái nhớ đến Hồ Dzếnh, Thạch Lam, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Bùi Giáng và những liên tưởng bất ngờ này khiến cho cuốn sách của anh thêm phần tự nhiên, khoáng hoạt.

**3** Không chỉ nhắc đến Bùi Giáng, Lê Minh Quốc còn hăng hái nơi gương nhà thơ đồng hương của mình bằng cách chen thơ vô bất cứ chỗ nào chen được. Đặt chân xuống sân bay cũng làm thơ. Không nói được tiếng Mỹ, thèm tiếng Việt, ước chi cả nước Mỹ... đều nói tiếng Việt để mình đỡ khổ cũng làm thơ. Gặp cô gái đẹp đang cười với ai đó, tưởng cười với mình, cũng làm thơ. Và bài thơ Quốc viết khi đến thăm Bảo tàng nhạc Jazz, thứ âm nhạc bất hủ của người da đen, theo tôi là một trong những bài thơ hay nhất của Quốc từ trước đến nay: *“Chảy xuống từ trời đen một dòng đen/ âm nhạc đen thế giới màu đen/ nhẹ nhàng nốt nhạc đen/ như dòng lệ em/ lẫn qua tình yêu đen/ thời gian khoảnh khắc đen/ từng giọt đen/ từng giọt/ từng giọt/ tôi đưa tay che lấy ngực/ một dòng đen đang nhói trong tim/ tiếng kèn man dại/ đen đen đen/ những thân phận da đen/ tiếng nấc lên men/ cỏ dại hoa hèn/ ngàn năm từ đá/ bật lên những chồi đen/ hy vọng.*

Tôi rất thích bài thơ này, như tôi từng thích bài thơ *Đen* của Thanh Tâm Tuyền trước đây, có lẽ đó là tâm trạng của người hồi bé đã mê truyện *Túp lều của bác Tom* của Harriet Beecher Stowe và lớn lên lại yêu thích nhà thơ Mỹ lừng danh Langston Hughes, một thi sĩ da đen *“đen như đêm tối/ đen như chiều sâu thăm thẳm của châu Phi”*. Đọc bài thơ của Quốc, tôi thích đến nỗi đùa với anh “Đọc du ký của ông, tôi mới biết ông... mạnh về thơ”!

**4** Một điều tôi nôn nao khi đọc tập bút ký này là chờ xem Lê Minh Quốc có nhắc gì đến người Việt ở Mỹ hay không. Tôi chờ đợi điều đó, bởi vì khi gặp người Việt trên đất Mỹ, bao giờ tôi cũng

cảm thấy mừng rỡ và xúc động lạ lùng, cái cảm giác như khi tôi rời quê vào Sài Gòn học đại học bất chợt gặp một người nói tiếng Quảng Nam - cái mừng rỡ “tha hương ngộ cố tri”. Người Việt trên đất Mỹ có thể không quen biết, có thể không phải “cố tri”, nhưng đó là “người Việt mình” - những đồng bào lưu lạc tha hương nơi đất khách quê người. Cái tình cảm thiêng liêng của người cùng một giống nòi nó thấm thiết lắm, nó vượt lên trên mọi bất đồng, nó biến mọi thứ khác thành tiểu tiết.

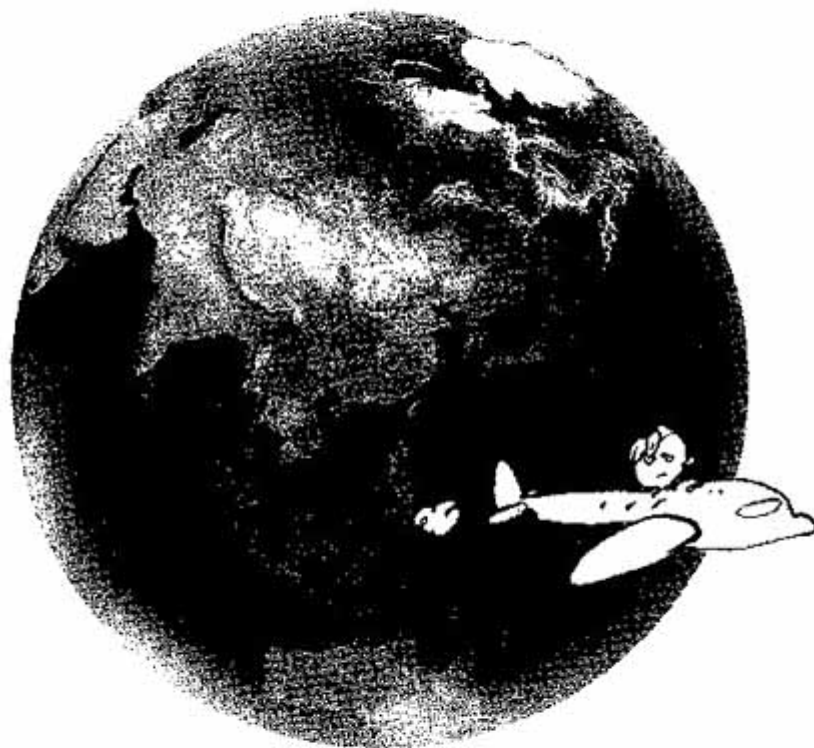
Nhớ hồi lần đầu tôi đến Mỹ, 8 giờ sáng ra ngồi ngoài hiên nhìn mưa bay lất phất, tự nhiên thấy nhớ nhà kinh khủng. Cũng lạ, ba mẹ tôi, tất cả anh em ruột thịt của tôi đều ở bên cạnh, thế mà tôi lại *nhớ nhà*. Hóa ra *nhà* trong tâm khảm người Việt không chỉ là gia đình ruột thịt mà còn là không gian là cảnh vật gắn bó với ta từ thuở ấu thơ, thậm chí từ nhiều đời, là tiếng mưa rơi trên mái tranh trên tàu lá chuối, là tiếng cuốc trưa hè, là những hình ảnh thấm vào ký ức và tình cảm ta một cách hữu hình lẫn vô hình... Ở Việt Nam, nhiều người nói “đi thăm nhà”, tức là đi qua Mỹ thăm gia đình. Nhưng đến Mỹ họ lại thấy “nhớ nhà”, tức là nhớ Việt Nam. Giống hệt như tôi. Lạ ghê!

May là Lê Minh Quốc đã nhìn ra điều này. Anh nhắc đến những “mảnh vườn Việt Nam” với cây bí, cây bầu, cây nhãn, cây xoài, cây cà chua, cây chuối, cây ớt, diếp cá, tía tô, húng quế... Đó là quê hương thu nhỏ đối với người Việt xa xứ. Quốc viết “Mảnh vườn của người Việt trên nước Mỹ là nơi người ta gửi gắm nỗi niềm bằng bạc nhớ quê”. Đúng quá! Mà ngay cả Quốc cũng thế: “mới xa nhà dăm ngày đã thấy náo lòng hướng gì những người già sống lâu dài ở Mỹ”.

Có lẽ người Việt xa quê nào cũng thế, không cứ là người già. Tôi nhớ bài tập đọc *Chỗ quê hương đẹp hơn cả trong sách Quốc văn giáo khoa thư* kể chuyện một người đi du lịch đã nhiều nơi, hôm về nhà hàng xóm láng giềng đến chơi rất đông. Có người hỏi “Ông đi du sơn du thủy, tất đã trông thấy nhiều cảnh đẹp, vậy ông cho ở đâu là thú hơn cả”. Người đó trả lời “Cảnh đẹp mắt tôi trông thấy đã nhiều, nhưng không đâu làm cho tôi cảm động, vui thú bằng lúc trở

về chốn quê hương, trông thấy cái hàng rào, cái tường đất cũ kỹ của nhà cha mẹ tôi. Từ cái bụi tre ở xó vườn, cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi ra cho tôi những mối cảm tình chứa chan, kể không sao xiết được”. Cái hàng rào đó, cái tường đất đó, cái bụi tre quanh con đường làng khúc khuỷu đó, thiết tưởng người Việt nào đi xa cũng mang theo trong lòng.

Lại nhắc chuyện tôi ngồi nhìn mưa bay bên Mỹ. Thấy mưa sao giống mưa bên nhà, lòng tự nhiên bồi hồi quá thể. Bỗng nghe tiếng chó sủa văng ra từ dãy nhà trước mặt, tiếng sủa giống y con Vàng, con Vện ở quê. Tôi mừng quýnh, chạy vô đập thẳng em dậy, rồi rít khoe: Này, tao vừa nghe tiếng chó sủa. Không phải chó bécgiê. Nó sủa y như mấy con chó nhà ngoại mình dưới quê. Thằng em chạy ra dòm, nói: Gia đình đó người Lào! Hóa ra không phải chó Việt, mà là chó Lào. Tôi thất vọng quá, nhưng rồi tự an ủi: Nước Lào ở kế mình, tuy tiếng Lào khác tiếng Việt, nhưng chó Lào sủa cũng không khác chó Việt là mấy, nó sủa cũng giống chó quê mình, không ra “ngoại ngữ” lắm! Nghĩ vậy, tự nhiên đỡ buồn!



Cho nên, thật dễ hiểu mà cũng thật cảm động khi Lê Minh Quốc bùi ngùi kết luận “Trong khi làm vườn với tâm thế hướng về quê hương, tìm lại những hình ảnh cũ thì cũng chính lúc ấy người Việt xa quê bắt đầu chớm lên tình yêu gắn bó với vùng đất đai của xứ sở



mới”, chính vì xứ sở mới đã mang hình bóng của quê hương qua những trái bí trái bầu...

Đó cũng là những hình ảnh và những cảm nhận Lê Minh Quốc dành để khép lại tập bút ký *Một ngày ở Mỹ*. Như để nói rằng, trong *Một ngày ở Mỹ* giới thiệu về nước Mỹ không phải là phần quan trọng nhất mà điều lớn hơn là khám phá tâm tình người Việt. Và cái tâm tình đó chỉ được chiếu rọi rõ nét hơn khi người Việt đi xa, cụ thể là... đi Mỹ.

*Lời tựa cho tập bút ký Một ngày ở Mỹ của Lê Minh Quốc,  
Nhà xuất bản Trẻ 2008*

# *nghe*ng tai dướ

## ng tai dướ

### ng tai dướ

#### ng tai dướ

##### ng tai dướ

###### ng tai dướ

###### ng tai dướ

###### ng tai dướ

###### ng tai dướ

###### ng tai dướ

**1** Hôm rày, lần theo những trang sách *Nghe*ng tai dướ của nhà thơ Lê Giang, thú thật là gặp ý nào tôi cũng muốn viết, muốn bản. Tôi tâm đắc rất nhiều thứ mà chị đề cập. Chẳng hạn, chuyện chị rất hay nằm mơ thấy mất tiền, mất bóp, thức dậy muốn toát mồ hôi hột. Hồi học cấp một, tôi cũng hay nằm mơ. Tôi khác chị, tôi nằm mơ thấy mình lượm được tiền. Nhưng tôi chưa bao giờ lượm được tờ giấy bạc nào có mệnh giá lớn. Trong giấc mơ, tôi chỉ lượm được tiền xu, thứ tiền trẻ em dùng đánh đáo. Vậy mà tôi đã mừng rơn. Lúc tỉnh dậy hớn hờ xòe tay ra, thấy tay trống không, biết là mơ, tôi buồn ứa nước mắt. Đó là những giấc mơ khốn khổ của người nghèo. Người nghèo lượm được vài đồng xu đã tíu tít. Người nghèo mới cất cùm gìn giữ từng tờ bạc, gài kim băng ngay túi áo nhưng lúc nào cũng sợ rớt mất, ngay cả trong khi ngủ. Nhà giàu bỏ tiền vào két sắt, gửi tiền vào ngân hàng, đâu sợ gió thổi bay đi, ngã lưng xuống là ngủ một giấc thẳng cẳng từ đêm tới sáng. Đâu có giống chị Lê Giang.

Lê Giang gọi cuốn sách của mình là tạp văn và ký. Tôi đọc, lại nghĩ mình đang đọc tự truyện. Qua những trang sách của chị, tôi mừng tượng ra được một phụ nữ gạt nước mắt gửi lại con thơ để lên đường ra trận, hình dung ra những tháng ngày vất vả lội núi băng đồng, những tình bạn chân thành và ấm áp, và như thấy mồn một trước mắt cảnh sống đơn sơ mà giàu cảm thông trong gia đình chị. Cảnh sống thanh bạch và giản dị của một đôi vợ chồng nghệ sĩ từ chiến khu về giúp tôi cảm thấy lòng mình như được sưởi ấm trong những ngày vụ PMU 18 đang làm lung lay niềm tin và chấn động dư luận xã hội.

**2** Đọc tạp sách này của chị, tôi chắc bạn đọc “ngoại đạo” sẽ ngạc nhiên thú vị khi biết được chuyện bếp núc của giới sáng tác. “Cho tới một hôm, trong nhà lòng chợ bước ra, đựng mấy bà bán

*trái cây đang bụm miệng cười khọt khẹt, mấy bả hỏi tôi ổng làm gì vậy bà? Tôi dòm qua đường thấy ổng ngửa mặt lên trời, miệng chu chu hút gió”. Gì vậy cà? Té ra người đàn ông trông có vẻ “tưng tửng” đó là nhạc sĩ Lư Nhất Vũ, người bạn đời của chị. Sở dĩ trông nhạc sĩ kỳ khôi như vậy là do anh đang sáng tác, đang thả hồn theo mây gió trong khi chờ vợ xách giỏ đi chợ. Nếu Lê Giang không nói, chắc không ai biết được đó là khoảnh khắc anh khoái trá tìm ra giai điệu điệp khúc “A, ai gọi đời ta!” trong bài hát *Hãy yên lòng mẹ ơi* khá quen thuộc. Những khoảnh khắc trông “không giống ai” đó ở người nghệ sĩ dưới ngòi bút hóm hỉnh của Lê Giang hiện ra không chỉ một lần: “*Mấy ngày còn lại ở Buôn Ma Thuột, anh em trong đoàn gặp nhau sao bỗng lạnh lùng, lại còn dăm chiêu... Về nhà nghỉ cứ day lưng ra ngoài, quay mặt vô vách, lằm nhằm, lằm thằm như đọc thần chú. Hễ đi vòng vo về là ịch xuống gối, day mặt vô vách như giận ai từ đời nào*”. Bạn đọc có thể hoảng hồn, nhưng những con người khó dăm dăm và có vẻ sẵn sàng gây gổ với bất cứ ai đó thực ra không xa lạ gì trong giới văn nghệ. Họ toàn là những bậc tài danh: Phan Huỳnh Điểu, Xuân Hồng, Hoàng Hiệp, Phạm Minh Tuấn... Họ đang sáng tác, đang nâng niu và cực nhọc nuôi dưỡng những ý tưởng vừa hoài thai trong đầu. Mới biết, sự thai nghén một tác phẩm tinh thần so ra cũng vất vả không thua gì sự thai nghén một tác phẩm bằng xương bằng thịt.*

**3** Riêng tôi, tôi khoái nhất những trang ngòi bút tác giả đụng chạm đến chuyện ăn uống. Tôi không phải là người ham ăn uống, nhưng cái kiểu ăn uống của Lê Giang, cái cách bàn về ẩm thực của chị có điều gì đó rất gần gũi với tôi. Tôi lớn lên ở thôn quê miền Trung, lớn lên trong các món ăn dân dã như bánh ú, bánh ít, rau lang, rau muống, khoai khô, khoai chà và đến bây giờ vẫn khôn nguôi nhung nhớ thì Lê Giang cũng vậy. Trong suốt tập sách của mình, người con gái của sông Gành Hào không ngừng tha thiết nhắc tới những món ăn đơn sơ quê kiểng: cá trê, cá sặc, cá chột giấy, bông súng, điên điển, bông so đũa, khổ qua đèo, rau đắng đất, bông mướp, đọt bầu, cỏ hẹ, rau mác, bông bí, rau ngổ, cọng bòn bòn... Hồng thấy cà rốt, xà lách, bắp cải, su hào đâu hết.

Cư ngụ tại thành phố hoa lệ đã lâu, mỗi lần đi chợ Lê Giang vẫn khoái la cà các chợ bình dân, nơi những tiếng mời chào trở thành một phần của đời sống tình cảm: “- *Ngoại ăn kèo nèo đi ngoại. Con mới nhỏ hồi sáng. - Má ăn cá chớt giầy kho tiêu đi má. Cá còn tươi, rộng nước sông Sài Gòn nè má. - Dì Năm làm mớ rau ngổ về luộc ‘trần’ đi, dì Năm.*” Rõ ràng, Lê Giang đi chợ không chỉ để mua, mà còn để nghe, để ngắm. Ngắm cái sàng rách bung vành đựng mớ ớt nhẵn lòng, rau đắng, dền gai, mớ rau dệu nhám nhám bụi bụi, những loại rau ớt mà chị vẫn âu yếm bảo “những loại rau không ở trong nhà kính” - những loại rau mọc ở bờ bụi, sông hồ, mương rạch, ao chuôm, ruộng đồng - nơi chị tắm mình trong không khí thân quen thời ấu thơ và sau này chị lại hít thở nó khi lặn lội qua những nẻo đường dân ca điệu vơi.

Có lần Lê Giang tâm sự với người bạn đời của mình rằng đời chị bây giờ chỉ có hai sở thích: một là đi sưu tầm những bài dân ca còn sót lại ở đâu đó, hai là đi... chợ. Tôi đọc chỗ này, tin là chị không nói đùa. Vì đi chợ với Lê Giang là cơ hội để kỷ niệm trong tâm hồn thức dậy, là dịp để chị nhớ mùi bánh cống ở chợ Sóc Trăng của các cô gái Khmer, nhớ thím xắm bán dầu cháo quẩy ở bưu điện Trà Vinh, nhớ tô bún nước lèo ăn trên chiếc xuồng bông bênh lắc lư chỗ chợ Ngã Bảy, tóm lại ăn để mà nhớ mà thương bụi tre, tán khế, gốc xoài. Nói cách khác, “*ăn để thỏa mãn tình quê*”.

**4** Ăn để thỏa mãn tình quê, như vậy phải ăn ở ngoài chợ, trên sông hay bên lề đường gió bụi? Điều đó đúng, nhưng với Lê Giang bữa ăn gia đình cũng cực kỳ quan trọng, không kém phần thú vị và nhất là vẫn đáp ứng được nhu cầu “thỏa mãn tình quê”. Chị và nhạc sĩ Lư Nhất Vũ gặp nhau ở một điểm: khoái nấu nướng, khoái thưởng thức những món ăn gọi nhớ “ngày xưa còn bé”. Nhắm nháp món ăn cũng chính là nhắm nháp kỷ niệm. Ăn cá chớt giầy, Lê Giang nhớ ba: “*Năm à! Ra sông câu cho ba vài con cá chớt giầy đi con!*”, nhớ con sông Gành Hào chảy ngang trước nhà để tới chợ Cà Mau, nhớ “*thời thơ ấu bên sông, chiều chiều có đàn cá nược đua, phun vòi nước trắng xóa lên đôi bờ đám lá ken dày xanh mượt, khua rổn rảng như triệu ức đường gương*”. Không phải tự nhiên mà trong tập sách này, ít nhất là ba lần Lê Giang nhắc đến hình ảnh *chơi nhà*

*chòi* - trò chơi gắn liền với thời thơ ấu ở quê nhà. Chồng chị cũng y hệt chị, đến lúc ốm liệt giường còn nằng nặc đòi ra thực đơn “*cháo tiêu hành, xắt lá tía tô trộn vô cháo như má anh nấu ngày xưa*”. Ra vậy! Lê Giang nhìn chồng ăn, cảm khái “*Anh húp xì xụp đồ mồ hôi, nhớ mẹ!*”. Cái miếng ăn như vậy quan trọng quá. Một người nhớ ba, một người nhớ mẹ. Cho nên tác giả mới kết luận “*Té ra cái sự ăn không chỉ để cho no, mà còn là một nhu cầu tình cảm vốn phức tạp của con người*”.

Cái ăn còn quan trọng ở chỗ nó có khả năng gắn kết và nuôi dưỡng hạnh phúc gia đình. Tác giả quan niệm như vậy và tôi thấy không có lý do gì không đồng ý với chị. Thời buổi hiện đại, con người có thể cho phép tự giải phóng mình ra khỏi chuyện chợ búa, bếp núc. Hai vợ chồng có thể kéo nhau ra quán xá, nhà hàng. Hoặc giao chuyện nấu nướng cho người giúp việc. Còn không thì nhắc điện thoại “*alô*” một tiếng, cả tỉ tiệm ăn sẵn sàng đem cơm hộp tới tận nhà. Chàng và nàng chẳng phải bận tâm gì hết. Tới bữa cứ ngồi vô bàn. Như vậy tiện thì có tiện, nhưng ngấm kỹ cũng có chỗ thiếu sót. Người chồng sẽ không thấy được hình ảnh người vợ xách giỏ đồ chợ bước vô nhà, mồ hôi ướt tóc, mặt mày đỏ lợt đỏ lợt. Không thấy được cái cảnh người phụ nữ ngồi bên bếp than hồng, làm cá, vo gạo, băm ớt, lật rau rồi chí thú và hồi hộp bày biện các món ra bàn, thấp thỏm hỏi “*Anh có ngon miệng không?*”. Nói chung, người vợ rời xa cái bếp cũng giống như người nông dân bỏ bê ruộng đồng - những hạt giống tình yêu sẽ mất đi một cơ hội để gieo xuống những buồn vui, sẽ không ai thấy được sự chăm sóc, quan tâm của người này đối với người kia. Không khí đầm ấm, thân thuộc của nếp sống truyền thống tự nhiên mà biến mất. Cái không khí đó nó vô hình nhưng thực ra nó như sợi dây tình cảm thiêng liêng cột chặt các thành viên trong tổ ấm lại với nhau. Khi cái “*tổ*” không còn cảnh người phụ nữ ngồi coi bếp lửa thì đâu còn “*ấm*” nữa! Vì lẽ đó mà khi Lê Giang nói chắc như cua gạch “*Tôi giữ ảnh tới ngày nay, có lẽ là nhờ bữa cơm hằng ngày*”, tôi tin là chị không định nói chuyện hoạt kê. Vì với chị, nấu nướng cũng giống như làm “*lời mới*” cho một bài dân ca, hoa lá cỏ cây chim trời cá biển đã có tự ngàn xưa nhưng mỗi ngày biết “*biên soạn*” lại sao cho phù hợp với tuổi tác và tâm tình của người đối diện là một nghệ thuật - không chỉ nghệ thuật của

bàn tay mà còn là nghệ thuật của tâm hồn: *“Cái bàn là chiếc gương soi mình hằng ngày”* - Lê Giang nói vậy.

Soi mình vào chiếc bàn ăn hằng ngày thì trong chúng ta ai cũng “soi”. Nhưng soi để thưởng thức, để ngẫm nghĩ, để điều chỉnh, để nhìn từng màu sắc, ngửi từng hương vị trên bàn ăn mà rèn cho tâm hồn mình luôn hòa quyện vào thiên nhiên, vào cuộc sống chung quanh sao cho thích ứng hài hòa thì không phải ai cũng làm được.

Để có thể cảm thụ cuộc sống tới mức đó, chắc chắn không thể sống thờ ơ. Mà phải sống mạnh mẽ, chân thành, lòng như muối mặn, và nhất là phải biết “nghiêng tai dưới gió” để đón bắt những giai điệu đa thanh của cuộc đời. Như Lê Giang. Hay nói một cách ví von, như một câu thơ trong bài *Hương ngọc lan trong vườn treo* của chị - câu thơ đạt đến mức khái quát của một bậc minh triết:

*Đời cho ta được nâng niu*

*Nâng niu cho đời ta được...*

*Lời tựa cho tập tạp bút Nghiêng tai dưới gió của Lê Giang,  
Nhà xuất bản Trẻ 2006*

# người bạn đồng hành của văn học thiếu nhi

**1** Tôi gặp ông lần đầu vào năm 1984, lúc tôi đang chuẩn bị in tập truyện thiếu nhi đầu tay *Cú phạt đền* ở Nhà xuất bản Kim Đồng.

Nhà văn Thy Ngọc giới thiệu với tôi đây là Tổng biên tập của nhà xuất bản, mới từ Hà Nội vào: nhà văn Văn Hồng. Đó là một người đàn ông trung niên vóc dáng cao lớn, hơi dềnh dàng, nói giọng Nghệ Tĩnh, trầm tĩnh nhưng sẵn sàng tranh biện.

Ông thông minh và thẳng thắn, cuộc gặp đầu tiên giữa tôi và ông đánh dấu bằng cuộc tranh cãi quyết liệt về từ “thằng” và “con” tôi dùng khá nhiều trong truyện. Tôi nhớ đại khái ông bảo các từ đó nghe nó “sỗ sàng” quá. Tôi cãi đó là từ Nam bộ dùng để chỉ giới tính: “ngoài Bắc gọi cái Huệ thì trong Nam gọi con Huệ”, “miền Bắc thấy sỗ sàng nhưng miền Nam không thấy như vậy”. Ông thẳng thắn nhưng không áp đặt. Ông nói “Tùy cậu. Nhưng mình vẫn bảo lưu ý kiến của mình”.

Tôi cãi rất hăng, nhưng về nhà giờ bản thảo coi lại, thấy chữ “thằng” và “con” trong truyện có vẻ bị lạm dụng. Thế là tôi lẳng lặng gạch bớt những từ đó, chỉ chừa lại ở những chỗ cần thiết. Đọc lại, thấy dễ chịu hơn hẳn. Sách in ra, tình cờ gặp lại ông, ông ngạc nhiên “Sao đọc bản thảo của cậu, mình thấy ‘chối’ quá, nhưng lúc in thành sách, mình không bắt gặp cảm giác đó, lạ thật! Cậu có ‘táy máy’ gì trong bản thảo không?”. Tôi cười khì khì, thú thật là tôi đã nghe lời ông “thanh lọc” khá nhiều những từ ông nói.

**2** Mãi về sau này, lúc ông đã nghỉ hưu, tôi mới biết ông còn là nhà nghiên cứu văn học thiếu nhi. Hèn gì mà ông đọc kỹ và góp ý thật thấu đáo, tỉ mỉ. Ông bệnh đã nhiều năm nay, đi lại khó khăn, vậy mà ông vẫn không bỏ thói quen đọc. Trò chuyện với ông, tôi ngạc nhiên phát hiện ông đọc rất nhiều, không chỉ sách thiếu nhi. Sau này, khi internet phát triển, ông còn đọc miệt mài trên mạng. Lúc

viết *Kính vạn hoa* và *Chuyện xứ Lang Biang*, tôi gửi sách tặng ông, tưởng truyện dài cả mấy ngàn trang, ông chỉ đọc qua loa. Nào ngờ ông đọc hết, không chỉ đọc mà còn gọi điện thoại nhận xét chi tiết và cụ thể, còn viết cả bài giới thiệu. Ở tuổi của ông, đọc nhiều đã là đáng nể, nhưng ông còn viết khỏe, thiệt là báỉ phục. Bây giờ ông vẫn rất minh mẫn, nhưng có lẽ sức khỏe đã yếu nên không còn viết nhiều. Còn khoảng một năm trở về trước, cứ lâu lâu tôi lại thấy ông khoe một bài viết mới. Về Đoàn Giỏi, về Xuân Sách, về Thy Ngọc, về Hoàng Lại Giang... Gần đây, ông thích viết chân dung văn học, có lẽ đã đến tuổi ông ngồi mơ màng hoài niệm lại những gương mặt bạn bè mà hầu hết đã quá tuổi thất thập cổ lai hy...

**3** Là một tổng biên tập lâu năm của Nhà xuất bản Kim Đồng, hằng ngày đọc và thẩm định tác phẩm, thường xuyên gần gũi tiếp xúc với các nhà văn viết cho thiếu nhi, dĩ nhiên mối quan tâm lớn nhất của ông vẫn là mảng văn học thiếu nhi. Không những thế ông luôn theo dõi và trăn trở về quá trình vận động và phát triển của mảng văn học này. Nghe ông say sưa nói về Phạm Hồ, Trần Hoài Dương, Trần Đăng Khoa cho đến Đặng Hấn, Trần Quốc Toàn, Quách Liêu, nhận xét cả về J. Rowling - tác giả của *Harry Potter*, tôi không có cảm giác ông là người đã nghỉ hưu nhiều năm. Ai đụng đến đề tài này, giống như đụng vào chỗ nhạy cảm nhất trong tâm hồn ông, lúc đó mắt ông sáng lên và ông nói thao thao như một nhà hùng biện. Ông đọc nhiều, biết nhiều, nói nhiều nhưng cần khắc họa chân dung một ai, ông chỉ tóm trong vài từ then chốt: Nguyễn Khắc Viện, đó là “dân chủ và khoa học”, Đoàn Giỏi là “du ký và phong tục”, Võ Quảng “dân gian và khác lạ” v.v... Giống như một nhiếp ảnh gia lành nghề, sự tinh tường cho phép ông chọn đúng khoảnh khắc xuất thần nhất của đối tượng để bấm máy.

**4** Nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Nhà xuất bản Kim Đồng, ông cho ấn hành tác phẩm mới nhất của mình: *Mai kia đi hết con đường*. Đây là tác phẩm nối tiếp mạch nghiên cứu văn học thiếu nhi của ông từ *Hoa trái mùa đầu*, *Mười năm ghi nhận*, *Từ mục đồng đến Kim Đồng* và các bài viết khác in trong bộ *Bách khoa thư về văn học thiếu nhi Việt Nam*. Đọc ông, cảm động thấy ông rất tâm huyết với mảng văn học này: ông không những trân trọng những cây đại



thụ như Tô Hoài, Phạm Hổ, Võ Quảng, mà còn dành rất nhiều thiện cảm đối với những cây bút mới như Nguyễn Ngọc Thuần hay với những nhà văn thỉnh thoảng rẽ ngang qua mảng văn học thiếu nhi như Nguyễn Quang Thiều. Những dấu mốc của quá trình phát triển nền văn học thiếu nhi được ông ghi nhận và đánh giá khá đầy đủ nên đọc ông có cảm giác đang đọc một bộ biên niên sử về văn học thiếu nhi.

Đến nay, đã có rất nhiều các cuộc hội thảo, các phương tiện truyền thông đại chúng đặt vấn đề: Tại sao văn học thiếu nhi Việt Nam cứ bị lép vế trước truyện dịch nước ngoài? Tất nhiên có nhiều nguyên nhân, nhưng theo tôi một nguyên nhân khá quan trọng là nền phê bình văn học Việt Nam quá hiếm những người tâm huyết thực sự với trẻ em và với văn học cho trẻ em, cũng như có hiểu biết sâu sắc về mảng văn học này như Văn Hồng, Vân Thanh, Vũ Ngọc Bình, Lã Thị Bắc Lý.

Để “kích hoạt” nền văn học viết cho trẻ em phải cần nhiều thứ, trong đó cần có cú hích của nhà nghiên cứu, phê bình, như những bài viết sắc sảo, đằm tĩnh và đầy gửi gắm của ông - một người bạn đồng hành đáng tin cậy của trẻ thơ và của những người viết cho trẻ thơ. Để mai kia ông có đi hết con đường đẹp đẽ mà ông đã chọn, vẫn còn nhiều người nối gót ông...

*Sài Gòn Giải Phóng 11-08-2007*

# bạn tôi trở về vùng trời hoa tím

**1** Tin Cao Vũ Huy Miên qua đời đối với tôi thật là đột ngột. Bạn bè ai cũng biết anh bị bệnh hơn mười năm nay, có những lần bệnh rất nguy kịch, nhưng rồi cuối cùng anh vẫn vượt qua được. Như năm ngoái, lúc tôi vào thăm anh ở bệnh viện Nguyễn Tri Phương, nhìn anh dây nhợ chằng chịt khắp người mà héo cả ruột. Anh nắm tay tôi, khóc nói “Ông gặp bạn bè cho tôi gửi lời chia tay tất cả”. Tâm trạng anh lúc đó rất xấu, nhưng thật kỳ diệu, một lần nữa anh lại vượt qua. Tôi và Cao Vũ Huy Miên cùng quê Quảng Nam, cùng đi thanh niên xung phong thành phố một lượt, cùng làm thơ và viết bài cho báo *Tuyên Đấu* của thanh niên xung phong những năm cuối thập niên 70, khi xuất ngũ lại về làm chung tại báo *Sài Gòn Giải Phóng*. Nhưng chỉ khi anh về ban văn hóa văn nghệ thì hai anh em mới gần gũi nhau hơn. Khi trang chủ nhật *Sài Gòn Giải Phóng* mở mục Văn hóa Thể thao, chính Cao Vũ Huy Miên và Vũ Ân Thy xúi tôi giữ mục này. Tôi lấy tên Chu Đình Ngạn viết bình luận thể thao, dịp nào đi công tác xa thì Cao Vũ Huy Miên viết thay tôi. Khi tôi ra sách thể thao, anh lại sốt sắng viết bài giới thiệu. Thế nhưng chính giai đoạn này bệnh anh ngày càng xấu đi nên anh thường nằm nhà, sự gặp gỡ vì vậy không được đều đặn. Lần nào tôi điện cho anh, anh cũng nói “Đỡ rồi”, “Khá rồi”, giọng rất khỏe. Đây cũng là điểm đặc biệt của anh: yếu đến là người nhưng giọng nói lúc nào cũng sang sảng, cũng có thể anh cố gân cổ để rồi sau đó thở dốc, cốt làm cho mọi người yên tâm. Hai tháng nay, thấy tuần nào anh cũng vô cơ quan, anh em đều khắp khởi mừng, nghĩ là sức khỏe anh đã tốt lên. Vậy mà, giữa lúc đó anh lại ra đi.

**2** Lúc chưa bị bệnh, Cao Vũ Huy Miên là nhà thơ tương tá vạm vỡ nhất trong các anh em văn nghệ xuất thân từ thanh niên xung phong. Anh ăn to nói lớn, giọng Quảng đặc sệt, nhìn rất “hầm hố”, chơi thể thao rất cừ. Mỗi lần anh bước lên sân khấu đọc thơ, người dềnh dàng như con gấu. Đi cổ vũ đội bóng chuyên thanh niên

xung phong thi đấu, một cái miệng của anh thừa sức át giọng cả phe đối phương. Đỗ Trung Quân lúc làm tờ nội san *Tuyển Đấu* của Lực lượng thanh niên xung phong thành phố, nhận được bài thơ của Cao Vũ Huy Miên từ Liên đội Quyết Tâm gửi về, thấy trong bài thơ có chữ “trắng”, Quân lúc đó chưa nhìn thấy “trắng” bao giờ, sửa lại thành “thung lũng”. Cao Vũ Huy Miên bắn tiếng về thành phố sẽ có ngày “hỏi thăm sức khỏe” biên tập viên Đỗ Trung Quân. Cao Vũ Huy Miên về thật. Một hôm nhà thơ còm nhom Đỗ Trung Quân đang ngồi trong tòa soạn, thấy một tay lực lưỡng, nón tai bèo, chân mang dép râu, quần xắn ống cao ống thấp, người bụi bặm lưng lửng bước vô. “Anh tìm ai?”. “Tôi là Cao Vũ Huy Miên, tìm Đỗ Trung Quân”. Quân mặt xanh lét, chỉ tay ra cửa “Đỗ Trung Quân hả? Khi nãy hấn ngồi đây, giờ chắc đi uống cà phê bên kia”.

**3** Trong cuộc sống, Cao Vũ Huy Miên là người tự do chủ nghĩa. Anh sống rất văn nghệ, thẳng thắn, ruột để ngoài da, lại ưa nói nhiều. Chỗ nào có anh, chỗ đó sôi động hẳn. Ngồi vô bàn rượu, lúc hứng lên anh cũng chửi thề nhặng xị, bây giờ nhớ lại thấy anh chẳng chửi cụ thể người nào, chẳng bao giờ thấy anh lên án hay nói xấu ai. “Nổ” vung vít cho ra vẻ tay chơi thể thao. Có lần, lúc tôi còn phụ trách mục tiểu phẩm *Những điều trông thấy* của báo *Sài Gòn Giải Phóng*, Cao Vũ Huy Miên chừa bài cho tôi. Tôi nhìn bút hiệu bên dưới “Ông lấy tên là Nguyễn Chơi à?”. Anh cười khà khà “Dân chơi thứ thiệt mà”. Cái tật đó, đến giờ cũng không bỏ. Trước khi mất một tuần, anh hớn hờ khoe tôi “Tôi tự lái xe đi làm được rồi nha” khiến tôi rất yên tâm. Tối hôm anh mất, tôi đến nhà hỏi ca sĩ Ánh Hồng, vợ anh cũng là đồng đội thanh niên xung phong của tôi, Ánh Hồng rơm rớm nước mắt “Ông nổ cho oai thế thôi. Toàn là em chở. Cũng có bữa ông đòi lái xe, nhưng một đoạn thôi, em phải chạy theo canh chừng mệt muốn chết, sợ ông gặp chuyện gì”.

**4** Cao Vũ Huy Miên ngoại hình gồ ghề như thế, ra vẻ “dân chơi” như thế nhưng bên trong là một tâm hồn mơ mộng, trữ tình. Đề tài thơ Cao Vũ Huy Miên có ba mảng: tình yêu, lao động và chiến đấu. Đó cũng là đặc trưng của thế hệ cầm bút sau 1975, đề tài sáng tác luôn gắn bó máu thịt với những chuyển biến của đất nước. Có thể nói Cao Vũ Huy Miên là một trong những nhà thơ viết về chiến

tranh biên giới Tây Nam hay nhất. Loạt bài *Khi nghe em hát, Cô gái Sài Gòn đi tải đạn, Sao các em chưa về, Ở hai đầu mặt trận*, đặc biệt ba bài *Trăng treo đỉnh đầu, Gò Mô, Tờ báo tường trên chốt tiền tiêu* là những bài thơ đặc sắc của anh về đề tài chiến tranh biên giới. Bây giờ đọc lại những câu như “*Viết thư cho anh nhớ đề địa chỉ Gò Mô/ Nơi hôm qua đồng đội anh vừa đổ máu/ Chỗ gò đất không cao mỗi chiều bầy chim về vẫn đậu/ Mà đồng đội anh trong đợt phản công có đứa chẳng kịp nhìn*” hay “*Tờ báo tường bị miếng cắt làm hai/ Đội phó chính trị một mình loay hoay ngồi dán/ Miếng cắt nhằm ngay bài thơ tải đạn/ Tác giả mới hy sinh trong trận đánh hồi chiều/ Nên bài thơ đành bỏ dở mấy câu*”, tôi vẫn thấy xúc động đến nổi da gà. Sáng tác về cuộc chiến tranh vệ quốc 1979, bên cạnh các nhà thơ bộ đội cùng trang lứa như Phạm Sĩ Sáu, Lê Minh Quốc thì các nhà thơ thanh niên xung phong như Cao Vũ Huy Miên, Đỗ Trung Quân (*Những bông hoa trên tuyến lửa*), Trần Ngọc Châu (*Qua Xa Mát*) có một đóng góp xứng đáng nhưng ít được nhắc tới, theo tôi đó là một thiếu sót lớn.

**5** Thơ tình cũng là một mảng thơ thành công của Cao Vũ Huy Miên. Thực ra thơ anh là thơ tự sự: ngay cả khi viết về đề tài chiến đấu hay lao động, cách tiếp cận của anh cũng không giống các nhà thơ khác. Có lẽ anh gần với Hoàng Nhuận cầm, cảm quan và góc nhìn đậm chất sinh viên, trong trẻo và lãng mạn. Phẩm chất tự sự, khi đi vào các đề tài tình cảm thì hoàn toàn nhuần nhuyễn. “*Khi mình về thương những đôi sim/ Đồng đội nữ hay hái cài lên tóc*” là thơ thanh niên xung phong rất Cao Vũ Huy Miên, đậm thấm, trữ tình. Đọc câu thơ “*Đau ốm mãi không về thăm em được/ Hẹn tháng giêng lần nữa đến bây giờ*” khó mà biết anh nói về người yêu cũ hay nữ đồng đội cũ, vì cái tình của anh dường như luôn ngân lên trong từng con chữ, thường đem lại cảm giác bùi ngùi. *Hoa tím ngày xưa* là bài thơ được nhiều người biết đến nhất qua âm nhạc của Hữu Xuân. Mặc dù đây không phải là bài thơ hay nhất của anh nhưng vẫn chứa đầy đủ đặc điểm của tâm hồn Cao Vũ Huy Miên: “*Hoa tím thôi không chờ nữa/ Chỉ còn ta đứng dưới mưa*”...

**6** Trước ngày mất nửa tháng, Cao Vũ Huy Miên cùng ngồi ăn trưa với tôi ở quán Đo Đo. Không hiểu sao anh tâm sự với tôi rất

nhiều trong ngày hôm đó. Và một câu nói khiến tôi nhớ mãi “Bây giờ mình chỉ ước nằm ngủ một giấc rồi đi luôn. Như vậy là đẹp nhất”. Bây giờ, câu nói đó đã ứng nghiệm: anh ra đi ngay trong giấc ngủ, khi cháu Sao Kim vào lay anh dậy thì anh đã mất. Tôi hiểu anh, anh không muốn sống lay lắt để vợ con phải cực khổ chăm sóc, bạn bè phải quan tâm lo lắng. Đó là tính cách của anh: sống không bao giờ muốn làm phiền ai, kể cả làm phiền chính mình. Anh không muốn bắt thể xác cường tráng ngày nào của anh bây giờ phải cam chịu chứng bệnh tiểu đường quái ác hành hạ: cơm không dám ăn, rượu không dám uống, xe không dám lái. Thỉnh thoảng, liều mạng uống cốc bia, anh lại bưng bưng hào sảng “Nguyễn Nhật Ánh mà hát hò gì, tao mà không bị bệnh tao cho nó tắt đài luôn!”, “Đỗ Trung Quân mà bia rượu gì, tao mà không bị bệnh tao chấp mười thằng như nó”. Ôi, “tao mà không bị bệnh”, anh gân cổ hét rất to mà sao tôi vẫn nghe toát ra mùi vị cay đắng của kẻ bị số phận thành linh đánh úp. Chẳng thà anh bị một chứng bệnh khác. Còn tiểu đường - đối thủ mà một con người tràn trề sinh lực như anh có lẽ không bao giờ muốn đối diện.

**7** Tôi muốn kết thúc bài tưởng niệm về anh, một người bạn thân thiết và có lẽ là cây viết đầu tiên của phong trào thanh niên xung phong thành phố đã xa rời “cõi tạm” bằng bài thơ của chính anh rút từ trong tập *Thời kỳ niệm và hoa tím ngày xưa*. Bài thơ được anh đặt tên là *Cõi tạm*: “Mai về với đất/ Thương lắm cuộc đời/ Dẫu là cõi tạm/ Xa cũng ngậm ngùi/ Nhớ bao gã bạn/ Cùng quê cơ hàn/ Áo cơm chưa đủ/ Vẫn hoài lang thang/ Thương người tình cũ/ Yêu ta lỡ làm/ Mai không đến được/ Trong ngày đưa quan/ Thương nhà tập thể/ Lâu lâu ta về/ Vợ con đi vắng/ Một mình nằm queo/ Mai về với đất/ Thương quá con khờ/Mai rồi mới biết/ Một mình bơ vơ...”. Viết đến đây, tôi lại xốn xang nhớ đến anh, nhớ đến Ánh Hồng và cháu Sao Kim. Tôi phải ngăn nước mắt để nói nốt với anh câu này: Xa rời cõi tạm để về với vùng trời hoa tím đối với Cao Vũ Huy Miên dù sao cũng là một cuộc trở về đẹp đẽ. Xin bạn tôi hãy bình yên!

Sài Gòn Giải Phóng 27-11-2008

# tản mạn về một người bạn

**1** Nhân kỷ niệm 20 năm ngày báo Thanh Niên ra đời, Nguyễn Công Khế tặng tôi cuốn *Gỗ cửa đêm giao thừa thế kỷ*. Đây là tuyển tập thứ hai những bài báo của anh, sau tập *Lời cám ơn ngọn lửa* xuất bản cách đây 7 năm. Sách dày dặn, gần 400 trang: rõ ràng, Nguyễn Công Khế không chỉ làm báo mà còn viết báo - có lẽ anh là một trong những tổng biên tập viết báo nhiều nhất hiện nay. Khế viết nhiều như vậy chắc chắn không phải vì... nhuận bút. Mà vì nhà báo, theo anh “là một công dân - cũng có những dồn nén, vui sướng, đau khổ, bất bình nhưng không phải nén lại mà phải thể hiện các cảm xúc đó với công chúng trên mặt báo diễn ra hằng ngày”. Đó không chỉ là quan điểm hành nghề, mà còn là quan điểm sống. Thực hành triệt để phương châm này, những bài báo của anh luôn đậm tính công dân. Nhà báo lão thành Trần Bạch Đằng nhận xét ngắn gọn “Nguyễn Công Khế viết trong dòng chảy của thời cuộc”.

**2** Từ nhỏ, Nguyễn Công Khế đã có khuynh hướng gắn bó với thời cuộc. Tôi, Nguyễn Công Khế và nhạc sĩ Phan Văn Minh (tác giả ca khúc thiếu nhi nổi tiếng *Cả nhà thương nhau*) hồi cấp hai học chung một lớp. Năm lớp tám chúng tôi cùng vài người bạn yêu văn chương khác rủ nhau thành lập bút nhóm *Mặt trời khuya*. Bút nhóm học trò đó viết đủ thứ đề tài, thể loại, tự ấn hành các tập san và gửi bài đăng trên các báo ở Sài Gòn. Lên lớp chín, bắt đầu biết “rung động đầu đời”, đa số thành viên bút nhóm thích viết về tình yêu, riêng Khế nghiêng về tình tự dân tộc. Bút danh của Khế lúc đó là Thương Việt Linh, “thương Việt” - gọi là tuyên ngôn thì hơi quá nhưng đủ nói lên sự chọn lựa của anh ngay từ hồi đó. Lên cấp 3, tôi vào Tam Kỳ, Khế ra Đà Nẵng. Anh học trường Phan Chu Trinh, hoạt động trong phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên, và tiếp tục viết bài trên một số tờ báo phản chiến tại Sài Gòn, với bút danh mới: Nguyễn Bình Nguyên.

**3** Bình Nguyên là tên một xã của huyện Thăng Bình, Quảng Nam. Ở đó có trường Tiểu La mà chúng tôi theo học. Trường Tiểu La nằm ở thị trấn Hà Lam, trong khi nhà Khế ở Liễu Trì, mỗi ngày đi về phải cuốc bộ gần chục cây số, nên hồi đó Khế hay ở lại nhà tôi - ba má tôi và các em tôi coi Khế như thành viên trong gia đình một cách tự nhiên. Dưới chế độ miền Nam lúc đó, ba tôi là trưởng chi thông tin huyện, còn ba Khế đi tập kết, thuộc gia đình cách mạng, nhưng hai anh em vẫn chơi với nhau rất thân - đó cũng là điểm đặc biệt của con người và thể sự Việt Nam. Sau ngày 30-4-1975, gia đình tôi dọn về quê, ba tôi đi học tập cải tạo, còn Khế bấy giờ là anh cán bộ cách mạng sinh hoạt ở Hội văn nghệ Trung Trung bộ, lặn lội vào tận Cẩm Lũ để thăm má tôi và các em tôi. Sau đó Khế vào Sài Gòn tìm tôi, lúc này đang thất nghiệp vì không được phân bổ nhiệm sở sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm do vấn đề lý lịch. Sau bao nhiêu năm xa cách, Khế và tôi gặp nhau trong hai hoàn cảnh khác nhau vẫn mừng rỡ, hồn nhiên, thân thiết như ngày nào, có cảm giác như không hề có cuộc chiến nào chảy qua giữa tình bạn của chúng tôi. Lúc tôi lấy vợ, chính Khế là người tích cực lo xe cộ và lèo đèo cùng tôi đến họ nhà gái, trong vai trò như một chàng phụ rể.

**4** Nhân chuyện thời cuộc, cũng nên nhắc thêm về số phận của bút nhóm văn chương đầu đời của bọn tôi: cho tới 1975, Nguyễn Hữu Sơn và Nguyễn Công Long rút tú tài, đi lính Cộng hòa và chết trận. Nguyễn Công Khế thì bị chế độ Sài Gòn bắt tù năm 1972, Huỳnh Văn Hoa (bây giờ là Thành ủy viên Đà Nẵng, Giám đốc Sở giáo dục) cũng tham gia phong trào học sinh sinh viên đấu tranh như Khế, phải bỏ trường Phan Chu Trinh, chạy vô học Trần Quý Cáp ở Hội An. Chỉ có tôi, Nguyễn Tấn Lê, Phan Văn Minh và Hồng Vân Tiên là không gặp biến động lớn. Hồi học cấp hai, tôi cũng thường đến chơi nhà Khế - căn nhà tuềnh toàng, trống huếch trống hoác, gió thổi lộng, hai đứa nướng khoai ăn rồi nằm lăn ra ngủ trên bộ phản trong khi mẹ Khế đội nón xăn quần mải mê cặm cụi trên vạt ruộng sau nhà. Cái hình ảnh người mẹ già lủi thủi tàn tạ nuôi đứa con cô cút như cánh cò cô đơn lặn lội trong ca dao đó đến bây giờ vẫn còn ám ảnh tôi ghê gớm. Còn Khế, nhớ đến má tôi, bao giờ Khế cũng nhớ đến món cá nục kho dưa trong những bữa cơm với đàn con đông đúc bu quanh. Đến bây giờ tuần nào Khế cũng ghé quán Đo

Đồ để ăn cơm với món cá nục thời thơ ấu, lý do “ăn để nhớ bà già mẹ”.

**5** Do vai trò và công việc của một tổng biên tập, con người tình cảm của Nguyễn Công Khế hàng ngày chắc ít có điều kiện bộc lộ. Do việc viết lách bận bịu, tôi cũng ít gặp Khế dù tôi phụ trách một mục trên tờ *Thanh Niên* của anh suốt mười lăm năm nay. Nhưng qua những lần tâm sự hiếm hoi, qua những gì bằng hữu văn nghệ nhắc về anh, qua cách đối xử của anh với bạn học thời thơ ấu và thái độ khiêm cung và trân trọng đối với các thầy cô giáo cũ, tôi biết Khế là con người chu đáo trong tình cảm. Trong cuốn sách anh mới tặng tôi, bài *Tập sách của một người thầy* khiến tôi rất xúc động. Thầy giáo Đạo, thầy giáo Cương, thầy Quốc mà anh nhắc đến với lòng biết ơn sâu sắc là những người thầy mà chúng tôi từng học. Các ông thầy giáo làng, các thầy trường huyện khiêm tốn trong con mắt của Khế là những bậc tôn sư mà không có họ, anh tin là cả một lớp học trò sẽ không có ngày hôm nay. Khế đã tâm tình thay cho cả một thế hệ.

**6** Thực ra hầu hết những bài trong tập *Gỗ cửa đêm giao thừa thế kỷ* đều đề cập đến những vấn đề thời sự có phạm vi rất rộng, từ chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục đến các vấn đề quốc tế. Tôi đã đọc những bài này của Nguyễn Công Khế khi in trên báo và nhiều người đã nhắc tới. Có lẽ điều đáng nói nhất - vì nó xuyên suốt trong các bài viết của anh - đó là sự trăn trở của một nhà báo, trước hết là của một công dân. Với Khế, không có bất công nào là nhỏ - vì bất công nào cũng cản trở sự tiến bộ của xã hội. Việc chỉ đưa một con cá heo vô biểu diễn ở Việt Nam để phục vụ ngành du lịch mà hàng đồng cơ quan như Kế hoạch - đầu tư, Văn hóa - thông tin, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giao thông công chính, Văn phòng Kiến trúc sư... phải xét duyệt đến hai năm trời với trên hai mươi con dấu đối với Khế cũng đáng bức xúc như những bất cập trong chính sách thuế, chính sách xuất khẩu nông sản hay thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Anh mừng khi một làng quê nghèo có điện, các phương tiện y tế, giáo dục, giao thông được cải thiện nhưng anh cũng sẵn sàng “giãy nảy” lên khi biết được cũng chính cái làng quê đó còn tồn tại không ít những bất công.



**7** Tôi vẫn cho rằng một trong những chức năng quan trọng nhất của báo chí là bắt rễ vào nhân dân. Nhà báo phải là chiếc cần ăngten cắm sâu vào đời sống, thu bắt những tín hiệu vui buồn của nhân dân để trình bày trung thực, nhiều chiều và có trách nhiệm những điều đó trên mặt báo, trước công luận. Báo *Thanh Niên* của Nguyễn Công Khế đã làm được nhiều việc theo xu thế đó qua vụ Nguyễn Mạnh Huy, qua vụ Năm Cam - là vụ mà anh phải đánh cược bằng cả sinh mạng chính trị lẫn tính mạng của mình. “Làm báo, tôi chỉ sợ mỗi một điều là ta làm việc gì đó để cho những người tốt, người trung thực ghét mình, xa lánh mình và coi thường mình chứ tôi tuyệt đối không sợ người xấu ghét bỏ và thù hằn mình”. Với tính cách đó, với kiểu làm báo đó, chắc chắn Nguyễn Công Khế bị không ít người “thù hằn” và “ghét bỏ” - như lời chúc ngày nào của phóng viên APN của Liên Xô cũ Evgeny Leng: “Chúc báo *Thanh Niên* sẽ có kẻ thù”.

**8** Nguyễn Công Khế có kẻ thù, chắc thế. Nhiều lúc anh tỏ ra rất mệt mỏi, đặc biệt trong thời gian báo *Thanh Niên* đang tấn công mạnh vụ Năm Cam và anh đang chịu rất nhiều áp lực, từ nhiều phía. Một lần trên chặng đường từ Sài Gòn đi Thủ Đức, lần đầu tiên tôi nghe Khế nói bằng cái giọng bùi ngùi như mượn của ai “Tau muốn đổi cái chức tổng biên tập báo để làm một nhà văn viết cho thiếu nhi như mi quá, Ánh ơi!”. Nhưng có lẽ đó là phút yếu lòng hiếm hoi của Khế. Con người tình cảm hay yếu lòng, nhưng chỉ thoáng chốc. Rồi Khế lại vững tin, lại quên phất những tổn thương, những bất trắc. Anh lại xông vào trận địa với sự quả cảm, vì lý tưởng của mình. Cái kiểu người đó, tôi cũng từng bắt gặp nơi những anh em làm báo xuất thân từ phong trào học sinh sinh viên mà tôi đã có dịp cộng tác gần gũi như Võ Như Lanh, Kim Hạnh, Lê Văn Nuôi, Lê Hoàng... Mà phải như thế chứ, đã “gõ cửa đêm giao thừa thế kỷ”, cửa đã mở rồi, thì lúc đó Khế phải... “gồng mình” làm báo tiếp, để “tồn thọ” vì đấu tranh cho dân giàu nước mạnh nhưng cũng để được sung sướng “xin nghìn lần cảm ơn ngọn lửa đem lại cho con người nòi cơm” chứ hổng lẽ một con người như Khế lại có thể trốn đi đâu trong thế kỷ này?

Sài Gòn Giải Phóng 4-3-2006

# nhớ Chim Trắng - người chờ hoa rụng

Sáng nay, mới uống xong ly cà phê, tôi mở computer ra định viết trả lời phỏng vấn tờ báo bạn, đột nhiên Đỗ Trung Quân gọi điện thoại báo tin nhà thơ Chim Trắng mất. Tôi bàng hoàng, ngồi thẩn ra, quên mất mình đang định làm gì. Tôi không tin nhà thơ Chim Trắng không còn nữa. Tôi không muốn tin. Đã lâu không gặp ông, nhưng nghe tin ông mất tôi đau đớn như nghe tin một người thân vừa qua đời.

Tất nhiên ở một độ tuổi nào đó, vượt ngưỡng năm mươi, ta thường nghe nhiều tin báo tử. Đạo này, thỉnh thoảng tôi lại nghe một hung tin về những bạn bè quen biết qua đời khi chưa tới tuổi 60, hầu hết đều liên quan đến tim mạch. Nhưng với nhà thơ Chim Trắng, tôi không bao giờ nghĩ cái chết lại chạm tay được vào ông, dù ông năm nay đã 73 tuổi. Bởi trong tâm trí tôi, nhà thơ Chim Trắng không bao giờ già. Đó là con người điềm đạm, khắc khổ, nhưng không già. Không già thì không thể tiệm cận cõi vĩnh hằng.

Một con người gấp ghe tuổi 70 còn ham vui nhận lời anh bạn đạo diễn Trần Mỹ Hà đóng vai thám tử tư trưởng trong bộ phim *Thám tử tư*, sao có thể già?

Mà Chim Trắng ngoài đời trông “hầm hố” thật, mặc dù ông rất hiền. Ông có cặp mắt sắc, luôn để đầu đinh (nghe đồn là có võ nữa), chiều chiều thường ngồi một mình ở góc phố ngậm tẩu thuốc hờ hững nhả khói vào hư không. Ông không đóng vai thám tử thì còn ai nữa!

Một bậc tiền bối đạo cao đức trọng bỗng một hôm cao hứng in chung tập thơ *Quán bạn* với hai kẻ hậu sinh, lại là hai nhà thơ nữ Thanh Nguyên và Lý Lan, nhí nhảnh bông lơn đáng yêu như một Lão Ngoan Đồng, sao có thể già?

Một người viết những câu thơ ngơ ngác “*Dòng sông có thật không ta? Ta về ta hỏi mình ba bảy lần*”, làm sao có thể già?

Một người lúc nào cũng háo hức mua vé về tuổi thơ “*Theo chuyến xe lam về Tiên Thủy/ Xem năm mươi bốn mắt hay còn*”, làm sao có thể già?

Bây giờ người ta hay nói về thơ cách tân trong khi Chim Trắng cách tân thơ từ rất lâu. Trong một phát biểu trên báo *Lao Động* cách đây sáu năm, nhà phê bình Huỳnh Như Phương khẳng định nếu chọn hai nhà thơ tiêu biểu ở thành phố Hồ Chí Minh trong ba mươi năm qua, anh sẽ chọn Nguyễn Duy và Chim Trắng. Chọn Chim Trắng, vì ý thức đổi mới thơ từ rất sớm, âm thầm, không đao to búa lớn nhưng kiên trì, bền bỉ và hiệu quả.

Nhưng khi nghĩ về nhà thơ Chim Trắng, tôi thường nghĩ nhiều hơn về con người ông, về sự chăm lo chu đáo, về tình cảm ông dành cho các cây bút trẻ. Tôi chưa thấy một nhà thơ đàn anh nào quý trọng các cây bút trẻ như Chim Trắng. Bùi Chí Vinh, Lê Thị Kim, Thanh Nguyên, Lý Lan, Lưu Thị Lương, Đỗ Trung Quân, Nguyễn Trọng Tín và tôi những năm đầu tiên sau 1975 đều được tờ tuần báo *Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh* mà Chim Trắng là trưởng ban thơ, sau đó là tổng biên tập, dành cho nhiều ưu ái. Ông quý anh em trẻ, coi họ như bạn bè, chưa bao giờ lên giọng dạy bảo như các “đàn anh văn nghệ” hiện nay. Hơn thế nữa, ông sẵn sàng bênh vực, bảo vệ các anh em trẻ đến cùng trong trường hợp họ bị “chụp mũ chính trị” vào cái thời tranh tối tranh sáng của lịch sử, đặc biệt liên quan đến “chủ nghĩa lý lịch”. Sau này, thời gian trôi qua, các cây bút trẻ hầu hết đã thành danh, nhưng mỗi khi có dịp gặp nhà thơ Chim Trắng, trông họ quây quần tíu tít quanh ông, mới thấy anh em văn nghệ yêu quý ông đến chừng nào.

Chim Trắng là người trực tính, ngay thẳng, yêu ghét rõ ràng. Ông là một nhân cách lớn cả trong văn chương lẫn trong đời sống. Người như vậy, ắt phải có kẻ thù. Nhưng người yêu mến ông và cảm phục ông nhiều hơn gấp nghìn lần.

Lâu rồi, ông không sống ở thành phố nên tôi ít có dịp gặp ông. Tôi vẫn nghĩ ông đang ở đâu đó, thỉnh thoảng lại thấy ông nhắn tin chúc mừng anh em trẻ nhân một giải thưởng văn chương hay một cuốn sách mới ra đời. Tôi từng hẹn ông sẽ về Bình Dương chơi với ông một chuyến, nhưng lần nữa mãi, cứ nghĩ không đi lúc này thì đi lúc khác, bây giờ thì không còn kịp nữa rồi.

Ông đã rụng bất ngờ, không giống như cánh hoa sứ trong thơ ông:

*Rụng đi bông sứ trắng ngần*

*Sau tôi còn có bước chân một người*

.....

*Rụng đi bông sứ thơm buồn*

*Người sau tôi cũng đã đoan nỗi mình*

.....

*Rụng đi bông sứ ngủ vùi*

*Nhón chân lên hái thì tôi không đành!*

.....

Con người đôn hậu đó không nỡ nhón chân lên hái. Ông chờ hoa sứ rụng. Nhưng hoa sứ chưa kịp rụng thì ông đã ra đi. Có lẽ ở cõi vô ưu kia, ông vẫn đang chờ hoa sứ rụng. Hoa sứ trắng. Tên ông cũng trắng.

Cõi lòng bạn bè ông, những người hết mực yêu quý ông, hôm nay chắc cũng tuyền một màu trắng. Tiến đưa ông!

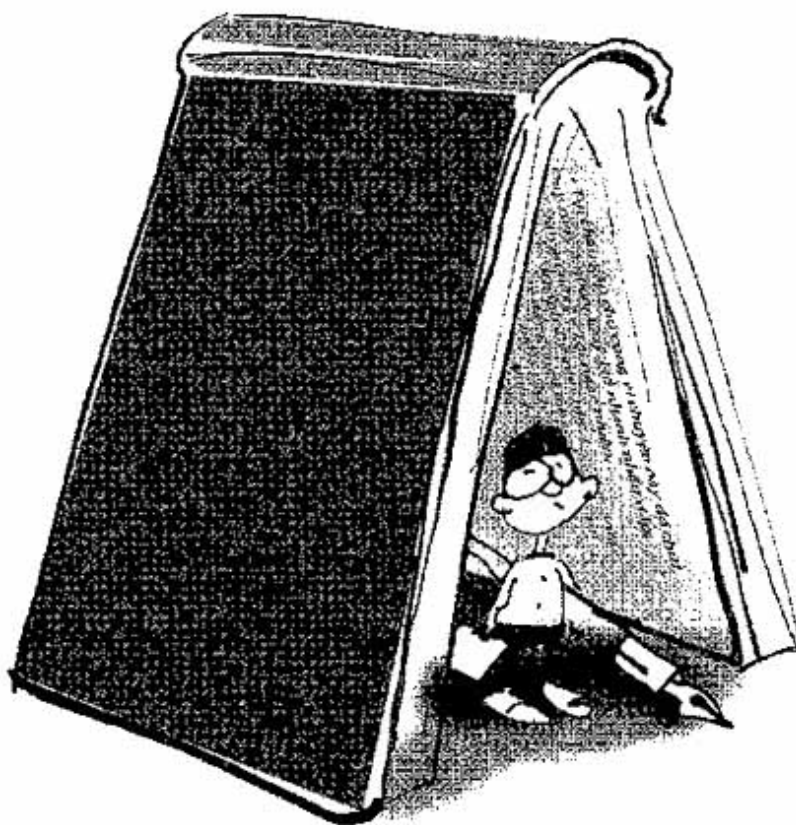
*Sài Gòn Tiếp Thị 30-9-2011*

# có một cách yêu văn chương

**1** Như mọi thành phố dọc đường quốc lộ khác, Tam Kỳ là một thành phố trông có vẻ bụi bặm, bến xe, quán xá và khách sạn san sát hai bên đường. Nhưng đó chỉ là cái “mặt tiền” của thành phố được coi là trung điểm giữa Sài Gòn và Hà Nội. Đi sâu về hướng đông và hướng tây, khách sẽ nhận ra Tam Kỳ còn giấu nhiều vẻ đẹp khác. Phía tây có hồ Phú Ninh với cảnh quan thơ mộng, có cả suối nước nóng, bây giờ trở thành khu du lịch sinh thái nổi tiếng của Quảng Nam. Phía đông có đồi cỏ thơ mộng ở Kỳ Phú, còn gọi là đồi Uyên Ương, kiểu như thung lũng Tình Yêu của Đà Lạt, có bãi biển Kỳ Trung, Kỳ Hà, có bãi Bàn Than với những mỏm đá đen tuyệt đẹp. Những năm học cấp ba ở trường Trần Cao Vân, tôi và bạn bè thường đi cắm trại ở Kỳ Hà, thi nhau leo lên những đồi cát cao thật cao rồi tuột xuống trong sung sướng và sợ hãi; chiều chiều cả nhóm tung tăng đạp xe xuống đồi Kỳ Phú, nằm trên cỏ ngắm mây trôi và nói chuyện... văn thơ.

**2** Con đường sáng tác của tôi có thể nói bắt nguồn từ những ngày học cấp hai ở trường Tiểu La, Thăng Bình trong một bút nhóm với Phan Văn Minh, Nguyễn Công Khế, Huỳnh Văn Hoa... và tiếp nối với nhóm văn nghệ Tam Kỳ với Trương Văn Ngọc, Vũ Khắc Ngạn, Vũ Khắc Tĩnh, Lưu Vỹ Bửu, Phạm Hồ Lưu khi tôi lên lớp 10... Chả hiểu sao hồi đó chúng tôi mê văn chương đến thế. Tam Kỳ lúc đó có ba nhà sách nhỏ xíu là Nam Ngãi, Sanh Hưng và Quảng Thành nhưng chúng tôi mua không sót một tờ tạp chí hay tuần báo nào, say sưa đọc, say sưa bình phẩm, rồi hí hoáy viết bài gửi đăng. Tối nào cả nhóm cũng tụ tập tại cà phê Hội Quán đối diện với chùa Tịnh Độ hay Cà Phê Quán trên đường xuống Kỳ Phú, thi nhau đọc những sáng tác mới một cách say sưa, hào hứng. Ngày nào cũng như ngày nào, ban ngày ôm tập đến lớp, tối tụ tập nhau ở các quán cà phê văn nghệ bàn chuyện văn chương thi phú đến khuya lơ khuya lắc. Mê văn chương nên coi các nhà văn đàn anh xứ Quảng như thần tượng: Từ

Thái Can, Phan Du đến Nguyễn Văn Xuân, Vũ Hạnh, Tường Linh, đến lớp trẻ hơn như Cung Tích Biền, Huy Tường, Đông Trình, Tần Hoài Dạ Vũ... thấy họ như ngôi sao, chỉ biết ngắm từ xa.



Trương Văn Ngọc hồi đó thuộc lớp lớn, đã có thơ in báo từ rất sớm (lúc tôi còn đi học thì Ngọc đã đi dạy), mỗi lần có khách văn nghệ  
**3** phương xa tới là chúng tôi tụ tập tại nhà anh, nghe nhạc sĩ Trần Quang Lộc và nhà thơ A Khuê ngâm *Hồ trường* của Nguyễn Bá Trác, hát *Lừa bò trong sương* và *Về đây nghe em* (nếu tôi nhớ không lầm thì ca khúc nổi tiếng *Về đây nghe em* của Lộc phổ biến đầu tiên tại Tam Kỳ trong thời gian đó), nghe thi sĩ lang thang Vũ Hữu Định kể chuyện giang hồ, sướng mê tơi. Tôi hồi đó 15, 16 tuổi, bia rượu chưa sành, uống vài ly đã say khướt nhưng vẫn còn nhớ cảnh Vũ Hữu Định cởi phăng chiếc áo măng tô đem bán kiếm tiền mua rượu đãi bạn bè. Hào sảng, khinh bạc y như những hình ảnh tôi vẫn đọc thấy trong các bài tường niệm văn thi sĩ thời những năm 30 như Tản Đà, Nguyễn Bính, Thâm Tâm...

Lên lớp 12, ra Đà Nẵng, tôi quen thêm Trần Dzure, Đoàn Huy Giao, Phạm Phú Hải. Chính cái không khí cuồng nhiệt đó, cái tình yêu vô điều kiện dành cho văn chương đó đã thôi thúc chúng tôi, hầu hết là học sinh trung học, góp tiền ra mắt tạp chí văn nghệ *Đất Hứa*. Đưa cầm xe đạp, đưa bán đồng hồ, chạy vạy toát mồ hôi. Cuối cùng tờ *Đất Hứa* cũng ra mắt được, số đầu tiên cũng là... số cuối cùng. Tuy *Đất Hứa* chết yểu nhưng dù sao nó cũng thỏa lòng yêu văn chương của những cậu bé mà không ít người trong số đó sau này sẽ còn đi với văn chương lâu dài.

**4** Yêu văn chương một cách hồn nhiên, chúng tôi đều thuộc vanh vách thơ của nhau. Tôi nhớ hồi đó cả nhóm đều thuộc những câu thơ giang hồ của Nguyễn Minh “*Sáng Đà Nẵng, chiều Tuy Hòa. Thăm em một bữa mai ta Sài Gòn*”, thơ nhuốm mùi thiền của Vũ Khắc Ngạn “*Thì ra kinh điển đều bá láp. Bởi ngàn đời Phật có nói chi đâu. Như ta vốn dĩ là mây trắng. Thì làm chi có chuyện bạc đầu*” hay những vần thơ nghịch ngợm của Trương Văn Ngọc “*Con gái đâu nhẩy tung tung đây phố. Ta rình rình chụp bắt được một con. Mở tay ra chỉ thấy trái bồ hòn. Nên ngậm đặng suốt một thời thơ dại*”. Tôi không biết bây giờ các nhà thơ trẻ có thuộc thơ bạn bè không, chứ những ngày tập tễnh đi vào con đường văn chương, bắt gặp một bài thơ hay của bất cứ ai, chúng tôi đều thuộc và đem khoe nhau một cách sung sướng.

Sau 1975, tôi ở Sài Gòn, thường lang thang với Bùi Chí Vinh, cả hai hễ mở bất cứ tờ báo nào ra là chúi mũi đọc trang thơ trước tiên, bắt gặp những câu thơ độc đáo như “*Ngoài thêm rơi chiếc lá đa. Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*” của Trần Đăng Khoa hay “*Bao nhiêu người làm thơ Đèo Ngang. Mà quên mất con đèo chạy dọc*” của Phạm Tiến Duật là tấm tắc không tiếc lời. Trong những bạn bè văn nghệ mà tôi quen biết, Bùi Chí Vinh và Đoàn Vị Thượng là hai nhà thơ thuộc thơ người khác nhiều nhất. Tôi cho đó là phẩm chất đáng yêu và không kém phần quan trọng của một thi sĩ. Đó cũng là thói quen của bạn bè văn nghệ Tam Kỳ.

**5** Sau chúng tôi một lớp, trường Trần Cao Vân có hai nhà thơ viết nhiều là Nguyễn Tấn Sĩ và Trần Xuân An, tiếc là không có mặt trong tập *Củ lửa quê nhà*. An gốc Quảng Trị, nhưng học ở Tam Kỳ. Năm 1976, *Ruộng đất yêu dấu* của Trần Xuân An xuất hiện trên tờ *Văn Nghệ Giải Phóng* là một bài thơ hay và khỏe khoắn một cách kinh ngạc. Nhưng hình như sau Sĩ và An, những cây viết Tam Kỳ không còn xuất hiện đều đặn nữa. Có thể do thời cuộc nhiều biến động, do bươn chải chuyện áo cơm nên tấm lòng dành cho thơ văn không còn được mặn mà như trước, nếu vậy thì đó là điều hết sức đáng tiếc.

Tôi định viết lời giới thiệu tập thơ này, loay hoay thế nào lại sa đà vào những hồi tưởng về một thời tuổi trẻ mê văn thơ, có lẽ vì vẫn đau đáu với sự thừa thớt các cây viết Tam Kỳ hiện nay. Tôi muốn ôn lại những sinh hoạt văn nghệ một thời, để muốn nói rằng không phải những tổ chức có tính chất hành chánh mà chính những nhóm sinh hoạt văn chương gắn bó một cách tự nguyện, bằng sự gắn gũi về sở thích và hoài bão mới là môi trường nuôi dưỡng tốt nhất tình yêu dành cho văn chương. Tất nhiên sẽ có người không đeo đuổi chuyện sáng tác đến suốt đời nhưng với những ai chọn văn chương là sự nghiệp thì khi ngoảnh lại vẫn nhận ra đâu là những năm tháng khởi đầu đáng nhớ của mình.

Thời gian gần đây, bạn bè văn nghệ Quảng Nam - Đà Nẵng góp tiền để xuất bản hai tập thơ của Vũ Hữu Định và Vũ Khắc Ngạn chứng tỏ tình yêu văn chương thời học trò vẫn tiếp tục tỏa sáng lâu bền bằng cách này hay cách khác. Tập thơ mà các bạn sắp giở ra



đây cũng là một ví dụ. Nó cho thấy “củi lửa quê nhà” không bao giờ tắt, nó vẫn âm ỉ cháy để chờ đến ngày đẹp trời nào đó sẽ chuyển tay cho các thế hệ trẻ hơn...

*Lời tựa cho tập thơ Củi lửa quê nhà của nhóm bạn Tam Kỳ  
(Lưu Vỹ Bửu, Nguyễn Minh, Phạm Hồ Lưu, Vũ Khắc Ngạn,  
Trương Văn Ngọc, Vũ Khắc Tĩnh),  
Nhà xuất bản Văn Nghệ TP.HCM, 2008*

3



# lang thang Paris

**1** Paris cuối tháng mười một trời rất lạnh. Hôm tôi đến, trời dùng đục như pha chì, thời tiết khoảng 10 độ, đi bộ ngoài trời cảm giác như đi trong gió bắc Hà Nội. Từ sân bay Charles de Gaulle về thành phố Cachan ở phía Nam Paris - chỗ tôi ở - có tuyến tàu điện đi khoảng 45 phút nhưng hành lý cồng kềnh, tôi đành phải đón taxi tốn mất 55 euro, trong khi nếu đi tàu điện chỉ tốn 10 euro.

Cachan là thành phố ngoại ô, hồi xưa là khu công nghiệp, bây giờ vẫn còn dấu vết của nhiều nhà máy cũ. Hiện nay cư dân của Cachan phần lớn là những người về hưu nên đường phố khá vắng vẻ. Các khu nhà ở đây cũ kỹ nhưng yên tĩnh, giá nhà cho thuê tương đối rẻ so với khu vực trung tâm nên sinh viên ngoại quốc thích thuê nhà ở đây. Chỗ tôi ở có rất nhiều sinh viên Lebanon, Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc, Madagascar và Việt Nam. Đó là khu nhà sửa lại từ một xưởng giặt nên diện tích khá lớn, có nhiều nhà kho tích mịch và các tầng hầm tối om chạy dọc các hành lang có lối đi lát thảm, hun hút và vắng vẻ. Lần đầu tiên rảo bước dọc các hành lang ngoằn ngoèo, tôi bắt gặp liên tưởng đến những hành lang âm u dẫn vào Tiệm Những Dấu Hối trong bộ truyện phù thủy *Chuyện xứ Lang Biang*, người yếu bóng vía chắc thế nào cũng cảm thấy rờn rợn. Lúc đó tôi nghĩ bụng nếu tôi sống ở khu nhà này chừng vài tháng biết đâu tôi sẽ viết được một cuốn truyện kinh dị không kém gì Hitchcock hay Stephen King cũng nên.

**2** Tôi đến thăm Nhà thờ Đức Bà Paris nằm trên “đảo” Ile de la Cité (thực ra là một cù lao nhỏ nằm giữa sông Seine) vào ngày chủ nhật nên người rất đông. Phía trong ngôi nhà thờ nổi tiếng này rất rộng và sâu. Các mái vòm cao vút với các cửa kính nhiều màu lấp lánh hai bên tường. Vị linh mục đang làm lễ trước đông đảo giáo dân kín các dãy ghế trong nhà thờ, trong khi ở hai bên hành lang khách du lịch vẫn bình thản quay phim, chụp hình các tượng thánh.

Tôi đi một vòng bên trong nhà thờ, mắt ngược lên cao cố tìm xem tháp chuông của chàng gù Quasimodo trong tác phẩm lừng danh của Victor Hugo nằm ở chỗ nào nhưng không tài nào nhìn thấy. Tôi đành bắt chước các khách tham quan, bỏ 2 euro vào thùng gỗ dọc tường để đốt một ngọn nến đặt trên giá đỡ hình tròn. Tôi định bỏ thêm 2 euro để mua một cái mề đay trong nhà thờ làm kỷ niệm nhưng khi tôi có ý nghĩ đó thì tôi đã đi qua chỗ kê cái máy bán tự động. Có nhiều máy bán mề đay tự động đặt dọc tường bao quanh nhà thờ nhưng mỗi mề đay khắc một loại phù điêu khác nhau, mà cái phù điêu tôi thích thì đã ở sau lưng nên tôi làm biếng đi ngược trở lại.

Tôi sẽ mua nó vào dịp khác, tôi nhủ bụng và trở ra phía trước để chơi với những con chim bồ câu đậu rợp hàng rào ở sân trước nhà thờ, cạnh pho tượng vua Charlemagne đang ngự trên ngựa chiến, có lẽ là nơi cô gái Bohémiens xinh đẹp Esméralda từng hành nghề hát rong trong câu chuyện của Victor Hugo.

**3** Đại lộ Champs-Élysées bắt đầu từ quảng trường Concorde và kết thúc ở quảng trường Étoile, dài khoảng 2 cây số, bề ngang 70 mét, lòng đường có lẽ không rộng hơn đại lộ Lê Lợi ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng vỉa hè hai bên rất rộng, có thể chứa được hai làn xe ô tô. Chắc chắn đây là một trong những đại lộ nổi tiếng nhất thế giới, là một trong mười hai đại lộ tỏa ra từ Khải Hoàn Môn, là nơi nguyên cả đại lộ sẽ biến thành quảng trường trong các dịp duyệt binh, chào đón năm mới hay chào đón chức vô địch World Cup như đã từng diễn ra năm 1998 khi thầy trò Aimé Jacquet lên ngôi, về đặc điểm này, khu vực trung tâm Sài Gòn với các đại lộ Lê Lợi, Nguyễn Huệ cũng y chang, nhất là vào đêm Noel hoặc vào dịp đội tuyển Việt Nam chiến thắng ở SEA Games hay Cúp Đông Nam Á.

Tối chủ nhật, trời Paris mưa và lạnh (mưa cuối năm ở Paris rất lạ: cứ mưa nửa tiếng lại tạnh nửa tiếng, rồi lại mưa nửa tiếng, cứ thế...) nhưng đại lộ Champs-Élysées vẫn đông nghịt người qua lại. Hầu như tất cả đều mặc áo măng-tô hoặc áo khoác đen (dân Pháp hình như rất thích màu đen - lang thang hai ngày trời khắp Paris tôi

mới nhìn thấy... mỗi một người khoác áo màu đỏ), nhưng không phải ai cũng che dù. Rất nhiều người để đầu trần đi trong mưa (rất chi là “rain man”), trong đó có khá nhiều đôi nam thanh nữ tú, nhưng họ đi nhanh quá, giá như họ đi chậm một chút (như người Việt Nam) thì chắc trông lãng mạn hơn.

Nhân đây cũng nói thêm là người Pháp gần như ngày nào cũng xem dự báo thời tiết trên tivi, trên báo chí hoặc trên internet. Người Việt Nam ít có thói quen này, trừ những người làm các nghề đặc biệt như đánh cá chẳng hạn, còn kỳ dư chẳng ai quan tâm thời tiết ngày mai ra sao. Chẳng qua thời tiết ở Việt Nam luôn ổn định, mưa thì mưa cả tuần hoặc cả tháng, thậm chí mưa sáng hay mưa chiều giờ giấc cũng giống nhau. Thời tiết ở Pháp khá đồng đều, hôm trước nắng hôm sau mưa, hôm trước 17 độ hôm sau đột ngột tụt xuống 10 độ là chuyện thường. Nhưng người Pháp xem dự báo thời tiết không phải để biết trời mưa hay nắng, mà chủ yếu để biết trời... nóng hay lạnh để biết đường mà mặc quần áo khi ra phố. Sài Gòn mưa hay nắng, nhiệt độ không chênh nhau đáng kể, dân Sài Gòn mặc gì cũng vậy, bất chợt gặp mưa đã có áo mưa. Trời mưa, người Pháp cũng che dù, nhưng nếu mặc đồ không đủ ấm khi trời quá lạnh thì đúng là gay go.

Đại lộ Champs-Élysées có điều hay là các cửa hàng dọc phố vẫn đèn đóm sáng trưng, người ra kẻ vào nhộn nhịp trong khi ở những nơi khác các cửa hiệu đều nghỉ vào ngày chủ nhật. Trên đại lộ Champs-Élysées có một cửa hiệu trang phục tên là CELIO. Sở dĩ tôi nhắc tới cửa hiệu này là vì tôi bắt chước khách đi đường lon ton chui vô trông. Người ta vô đó để “shopping”, còn tôi vô đó để... trú mưa (ở đại lộ Champs-Élysées đồ mà tìm thấy ngôi nhà nào có mái hiên), mặc dù khi quay ra thì trên tay tôi lủng lẳng một cái áo 20 euro, đã được giảm giá 50%. À không, tôi nhắc đến CELIO không phải vì chuyện tôi vừa kể. Mà vì ở ngay trước cửa hiệu này, có một ga tàu điện ngầm. Ga này sẽ dẫn tới Trocadéro, nơi có một quảng trường đứng ở đó khách du lịch có thể ngắm tháp Eiffel từ hữu ngạn sông Seine.



**4** Tháp Eiffel nằm trên công viên Champs-de-Mars, cao 325 mét (tính luôn cột ăng-ten trên đỉnh tháp - hiện nay được dùng làm trạm phát sóng truyền thanh và truyền hình của Paris), khách có thể mua vé đi thang máy lên tót trên tầng bốn gần đỉnh tháp. Nhưng hôm tôi đến, ít du khách nào đủ can đảm trèo lên ngọn tháp

lồng lộng gió. Mưa lất phất, đứng ở Trocadéro nhìn sang đã thấy gió rét cắt vào da. Tôi ngồi ở quán cà phê đối diện, nhấm nháp một cốc rượu vang chờ tháp Eiffel chớp nháy đèn. Tháp Eiffel màu đồng, buổi tối điện thắp từ chân lên ngọn, vàng rực trong đêm như một ngọn tháp làm bằng ánh sáng. Từ 7 giờ tối trở đi, cứ một tiếng đồng hồ cả ngọn tháp chớp nháy như một cây thông Noel khổng lồ, khách xem khá đông. Trên những băng ghế ướt át từ quảng trường bên này sông, tôi thấy có những cụ già khoác măng-tô ngồi đợi giờ đèn chớp nháy đủ màu, y như dân Sài Gòn chờ coi pháo bông vào đêm giao thừa.

**5** Đến đồi Montmartre lần đầu tiên, tự nhiên tôi liên tưởng đến thành phố San Francisco, có lẽ do ấn tượng núi đồi. Dĩ nhiên quy mô, kiến trúc khác hẳn nhau, hơn nữa Montmatre không có mùi gió biển. Cùng với tháp Eiffel, nhà thờ Đức Bà Paris, đồi Montmartre là một trong ba địa điểm thu hút khách du lịch nhiều nhất Paris. Đây là ngọn đồi có rất nhiều nghệ sĩ sinh sống qua các thời kỳ.

Hôm tôi đến, hệ thống cáp kéo ở chân đồi không hoạt động nên phải lếch thếch leo lên những bậc thang. Leo một hồi mỗi giờ, không thấy Montmarte giống San Francisco nữa, mà bắt đầu thấy giống núi Non Nước ở Đà Nẵng, nơi tôi từng cố trèo lên tới đỉnh rồi... ngồi xẹp luôn không muốn leo xuống nữa. Lên đỉnh đồi, lại thấy khí hậu giống hệt Sapa hay Đà Lạt mùa đông, khoan khoái vô cùng. Chỉ thiếu khoan khoái chút đỉnh là tuy không khí nghệ sĩ ở Montmartre vẫn còn nhưng nhà hàng ở chính giữa quảng trường Tertre, nơi tập trung các họa sĩ chuyên bán tranh và vẽ tranh cho du khách, biến đâu mất.

Vào nhà thờ nổi tiếng Sacré-Coeur dạo một vòng, cũng thấy sự tích các thánh bằng tượng lớn như người thật, cũng thấy máy tự động bán mề đay kỷ niệm kê dọc tường. Điểm khác biệt ở đây so với Nhà thờ Đức Bà là bên trong có bức bích họa trên mái vòm khá lớn, bên ngoài có người ăn xin ngồi ngay cửa, xa hơn nữa có các nhóm quyền tiền cho người cầm điếu, thật hư thế nào chẳng biết, chỉ biết tiền quyền góp ấn định tối thiểu 5 euro, người góp tiền được ký tên bay bướm vào một cuốn sổ lúi xúi như cuốn tập học trò.

Đặc biệt thú vị với tôi là lúc leo xuống, phát hiện mé phải đồi Montmartre có khu bán vải và các phụ liệu may mặc y hệt chợ vải Soái Kinh Lâm ở Chợ Lớn, người mua kẻ bán tấp nập, các túm vải mẫu xanh xanh đỏ đỏ treo la liệt dọc các cửa hàng trông khá vui mắt.

**6** Phương tiện đi lại phổ biến của cư dân Paris là xe buýt, tàu lửa, tàu điện và tàu điện ngầm. Mới tới Paris đã đi lang thang khắp nơi, ngó cái này một tí, dòm cái kia một tẹo, quãng đường đi từ trạm xe buýt đến trạm tàu lửa hay tàu điện ngầm trong một ngày của tôi đem cộng lại chắc bằng quãng đường ở Việt Nam tôi đi cả tháng. Cho nên, tung tăng mới một ngày rưỡi, cặp giò tôi đã phản đối dữ dội. Các em sinh viên ở chung nói “Mai đi Versailles xem lâu đài đi chú”, tôi đáp “khỏi”. “Hay chú muốn đi bảo tàng Louvre?”. “Khỏi”. Lại hỏi “Hay chú đi vườn Luxemboug?”. “Khỏi luôn!”, “Ủa, vậy chú muốn đi đâu?”. Tôi cười méo xẹo “Đi kiếm chỗ nào mát-xa cho đỡ khổ cặp giò!”.

*Sài Gòn Giải Phóng 29-11-2009*



# Paris, của sách và người

**1** Cùng với Moskva, New York, Tokyo, London, Madrid, Seoul, Paris là thành phố có hệ thống tàu điện ngầm (métro) lớn nhất thế giới. Có thể nói métro là niềm tự hào của thành phố Paris, với các mạng lưới dày đặc dưới lòng đất, tổng chiều dài lên đến hơn 200 cây số. Nếu biết mỗi ngày có gần 5 triệu lượt người Paris di chuyển bằng métro, chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng có một “thế giới ngầm ở Paris”, hay nói rõ ràng hơn: có một Paris thứ hai dưới lòng đất.

Khi đến trạm métro Châtelet - Les Halles, tôi rất ngạc nhiên về quy mô của nó. Trạm này có tất cả là năm tầng. Ba tầng trên cùng là trung tâm thương mại dưới lòng đất lớn nhất châu Âu - Forum des Halles. Ở đây, gần như có tất cả dịch vụ trên mặt đất: thư viện, rạp hát, hồ bơi, nhà hàng, tiệm cà phê, các cửa hiệu đầy ắp hàng hóa... Đặc biệt, nhà sách FNAC ở Forum des Halles rất lớn, diện tích rộng gấp nhiều lần nhà sách FAHASA - Nguyễn Huệ ở thành phố Hồ Chí Minh, đi từ đầu này đến đầu kia đã thấy muốn ngân nga nhạc Trịnh “*bây giờ anh vui/ hai bàn chân mới*”. Lối đi lại bên trong nhà sách rất thoáng, có cả ghế ngồi cho khách mua sắm nghỉ chân (với chân căng của tôi, những chiếc ghế này thật là tuyệt diệu!). Sách ở đây chia thành từng khu theo chủ đề. Tôi đứng trước khu vực sách địa lý, thấy sách Việt Nam nằm trong ngăn ghi chữ “châu Á”, lại gần thấy toàn sách nghiên cứu. Sách về Việt Nam nằm cạnh sách về Campuchia và Lào, trong đó có cuốn *Việt Nam, một thiên lịch sử* của nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện, viết bằng tiếng Pháp.

**2** Theo cách bài trí trên các ngăn và trên các quầy ngay lối ra vào của nhà sách, có thể thấy hai tác phẩm được trưng bày ở vị trí bắt mắt nhất là các quyển trong bộ truyện *Chạng vạng* (Twilight) của nhà văn Stephenie Meyer và cuốn *Biểu tượng thất truyền* của Dan Brown, được tiếp thị là phần tiếp theo của tác phẩm best-seller *Mật mã Da Vinci*. Không cần có óc quan sát cũng có thể thấy ngay ngoài bộ sách của Stephenie Meyer, các tác phẩm về đề tài ma cà

rồng của các tác giả khác cũng đang nhan nhản trên các kệ sách, ở các trạm métro tôi từng đi qua, trên các bức vách cũng thấy dán la liệt các poster quảng cáo rầm rộ cho các phim về ma cà rồng đang trình chiếu ở Paris. Có cảm tưởng nước Pháp những ngày này đang được mùa... ma cà rồng. Vài hôm sau tôi sang Venice và Stockholm, tá hỏa thấy các nhà sách ở hai nơi này cũng thế. Trên các kệ sách của Pháp tràn ngập từ “vampire”, thì ở Ý là “vampiro”, ở Thụy Điển là “vampyr”. Tưởng chỉ nước ngoài mới chuộng một “ma cà rồng”, tôi về vô internet, giật nảy mình khi biết ở Việt Nam công ty văn hóa Phương Nam cũng đang tổ chức “Tuần lễ sách ma cà rồng” ở cả Hà Nội lẫn Sài Gòn. Hóa ra ma cà rồng đang đi lon ton khắp thế giới chứ đâu phải chỉ ở châu Âu.

**3** Lên khỏi trạm métro Châtelet - Les Halles, đi bộ một quãng ngắn là tới khu Beaubourg, nơi Trung tâm nghệ thuật và văn hóa quốc gia Georges Pompidou nổi tiếng tọa lạc. Trung tâm này có thư viện cộng đồng lớn nhất nước Pháp - có thể sánh ngang với thư viện quốc gia. Ở đây, sinh viên có thể vô đọc thoải mái nhưng không được phép mang sách về nhà. Nhưng sinh viên cũng chẳng cần mượn sách ở đây (ở Paris có vô số thư viện cho mượn sách đem về). Họ vô đây là để ngồi đọc và... ngồi học. Vì thư viện này có một căn phòng mênh mông dành cho học trò vô ngồi tụng bài (ngày nào cũng thấy sinh viên xếp hàng rồng rắn để giành chỗ). Hiển nhiên Trung tâm Georges Pompidou rất nổi tiếng, và một yếu tố giúp nó nổi tiếng hơn nữa là kiểu kiến trúc... không giống ai của nó.

Tổng thống Pháp Georges Pompidou muốn xây dựng một trung tâm nghệ thuật và văn hóa đương đại giữa một Paris cổ kính, và điều đó thể hiện ngay trong ý đồ kiến trúc. Tòa nhà nhìn vô thấy toàn ống là ống. Các ống này sơn màu theo chức năng, đại khái ống màu trắng là ống thông gió, ống màu xanh dương là ống điều hòa, ống xanh lá cây là ống nước... Dân Paris nhìn hoài chắc quen mắt, có khi thấy hay hay, còn ai tới đây lần đầu chắc phát hoảng. Dĩ nhiên cũng có người Pháp thấy nhột, cố tình gọi trại trung tâm nghe thuật thành “nhà kho nghệ thuật”, còn giấu là “nhà máy ga” hay “nhà máy lọc dầu”. Tôi thì thấy khi nó giống “nhà máy lọc dầu” khi thì giống mấy cái công viên nước ở Sài Gòn với những đường ống ngoằn

ngoài dành cho con nít chơi trò cầu trượt. Thư viện François Mitterrand thuộc hệ thống Thư viện quốc gia Pháp có kiến trúc khác hẳn, trông giống như bốn tòa tháp quay mặt vào nhau, theo tôi trông thuận mắt hơn nhiều. Thư viện quốc gia cũng không cho sinh viên đem sách về nhà, nhưng muốn đọc tại chỗ phải đăng ký để được cấp thẻ chứ không thoải mái như vào thư viện ở Trung tâm Georges Pompidou.

**4** Sinh viên Paris không chỉ có mượn sách. Họ còn mua sách. Họ thường mua sách ở đâu? Cũng giống như sinh viên Việt Nam, sinh viên Pháp làm gì có nhiều tiền (không biết họ có thường hát câu “Đời sinh viên khổ lắm, em ơi!” như sinh viên Việt Nam hay không!). Cho nên nơi hấp dẫn nhất đối với họ là khu Saint-Michel nằm giữa Nhà thờ Đức Bà và các trường đại học, nơi có hệ thống các cửa hiệu bán sách Gibert Jeune và Gibert Joseph. Hệ thống Gibert Jeune gồm nhiều cửa hiệu nằm cạnh nhau, mỗi cửa hiệu bán một loại sách theo chủ đề riêng biệt: ngôn ngữ và văn chương, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật, địa lý - lịch sử - du lịch... Ở đây, cùng một tên sách bạn có thể mua một cuốn mới tinh hoặc một cuốn cũ hơn, dĩ nhiên đã được giảm giá. Các cửa hiệu này sẵn sàng mua lại sách đọc giả không dùng nữa rồi bày bán với giá rẻ nên rất được sinh viên ưa chuộng. Cách các cửa hiệu Gibert một quãng là những tiệm chuyên bán sách cũ, nơi bạn có thể tìm được những cuốn sách “cổ quái” đến mức bạn nghĩ không làm gì có trên thế giới này.

**5** Nhưng ấn tượng nhất với tôi là Hội chợ sách thiếu nhi ở Paris 2009. Đây là Hội chợ sách thiếu nhi lớn nhất nước Pháp, được tổ chức hàng năm từ cuối tháng mười một đến đầu tháng mười hai ở Porte de Montreuil nên còn gọi là Hội chợ sách Montreuil. Tôi đến hội chợ đúng vào hôm khai mạc, mua tấm vé vào cửa hết 6 euro rồi đi tàu điện ngầm đến trạm Robespierre. Lên khỏi trạm, gặp đường Barbès, đã thấy những mũi tên đủ màu kẻ trên mặt đường dẫn thẳng đến cổng vào hội chợ, mấy đám con nít đi theo thầy cô giáo cứ thi nhau dẫm lên các mũi tên màu mà nhảy tung tung. Con nít nước nào cũng giống nhau, chỉ nghịch sau quỳ và ma.

Hội chợ sách năm nay có 295 nhà xuất bản chuyên in sách thiếu nhi hoặc có bộ phận in sách thiếu nhi (như Hachette, Gallimard, Le Seuil...) và một số tổ chức tham gia, được diễn ra trong nhà nên không sợ thời tiết thay đổi đột ngột. Có mặt tại hội chợ, ngoài các nhà xuất bản Pháp còn có một số nhà xuất bản in sách tiếng Pháp đến từ Bỉ, Canada và các tổ chức nước ngoài khác như Hiệp hội các nhà xuất bản Hàn Quốc, Hiệp hội các nhà xuất bản Tahiti và các đảo...

**6** Trước khi đi vào các gian hàng sách, ngay sau cổng có chỗ để các túi nhựa rất đẹp, khách có thể lấy thoải mái để vào hội chợ đựng sách. Gian đầu tiên của hội chợ là gian của một tổ chức có tên “Agir pour la lecture” (đại khái là một tổ chức “Hành động vì sự đọc”); gian này trưng bày và cung cấp tài liệu về việc đọc sách nói chung và những tạp chí nghiên cứu về việc đọc của trẻ em Pháp nói riêng. Có một gian khác (cũng ở ngay lối vào) của một tổ chức tình nguyện giúp đỡ các nhà văn và họa sĩ tìm những nhà xuất bản thích hợp và hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho những nhà văn mới vào nghề. (Các nhà văn trẻ Việt Nam viết tác phẩm đầu tay mà gặp tổ chức kiểu này thì chắc sướng rơn!).

Tôi đi rảo một vòng, thấy hầu hết các gian hàng đều có panô thông báo ngày giờ các nhà văn đến tặng chữ ký cho độc giả. Chỉ riêng gian hàng của Nhà xuất bản L'école des loisirs đã có tới bảy mươi lăm nhà văn đăng ký đến ký tặng sách chỉ trong vòng năm ngày. Thật kinh khủng! Các chủng loại sách ở hội chợ vô cùng phong phú, đa dạng: Bên cạnh những tác phẩm kinh điển cho trẻ em như *Hoàng tử bé* của Saint Exupéry hay *Alice lạc vào xứ thần tiên* của Lewis Carroll năm nào cũng được tái bản với những tranh bìa và minh họa mới hơn, đẹp mắt hơn là những tác phẩm thời thượng, đa số viết về đề tài kỳ ảo, giả tưởng, kinh dị (đặc biệt về ma cà rồng như đã nói ở trên). Tôi phì cười khi thấy cuốn *Le livre des monstres* (viết về các quái vật) ghi rất tiểu lâm ở ngoài bìa: “Cấm trẻ em dưới 9 tuổi 3 tháng và 5 ngày”. Nhiều gian hàng bày bán các loại sách đóng hộp trông như gói trà, gói bánh, túi xách, cặp sách (livre-cadeau), có “hộp” sách chia làm hai ngăn: ngăn bên phải đựng sách, ngăn bên trái đựng đồ chơi kèm theo (livre-jeu)... Truyen tranh ở

Pháp được in khá nhiều. Không ít nhà xuất bản khai thác mạnh mẽ truyện tranh. Những nhà xuất bản như Delcourt và Pika thì chỉ in truyện tranh. Riêng Nhà xuất bản Pika chuyên in truyện tranh manga của Nhật Bản.

Tôi đi loanh quanh một hồi đã thấy mỗi giờ, tính kiếm chỗ ngồi nghỉ, mắt bỗng sáng lên khi bắt gặp gian hàng của Nhà xuất bản Kaléidoscope (Kính vạn hoa), bụng chợt tiếc hùi hụi đã không mang theo mấy cuốn *Kính vạn hoa* để khoe với họ: rằng ở Việt Nam cũng có “Kaléidoscope” đó nhé!

*Sài Gòn Giải Phóng 6-12-2009*

# chuyện Venice

**1** Một tháng trước khi đặt chân đến thành phố Venice, tôi đọc thấy trên báo chí những bài viết về thành phố này với những cái tit nghe như những hồi còi báo động: *“Thành Venice sẽ hoang vắng”, “Thành Venice sẽ vườn không nhà trống”, “Đám tang khác thường cho thành phố nổi Venice”* (có đăng kèm cả hình ảnh về một đám tang tượng trưng do chính người Ý tiến hành trên các kênh đào Venice), nội dung đại khái nói về sự sụt giảm dân số ở Venice. Cụ thể: dân số Venice đã giảm từ 108.300 người vào năm 1971 xuống 74.000 năm 1993. Theo bảng điện tử đặt tại trung tâm thành phố, dân số của Venice hiện đã xuống mức dưới 60.000 người. Người ta lo ngại rằng Venice chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành “một thành phố ma” và chỉ có khách du lịch lai vãng mà thôi. Tại sao sụt giảm? Câu trả lời là do chi phí sinh hoạt ngày càng đắt đỏ, không loại trừ sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang diễn ra.

Dĩ nhiên tôi không thể nào biết được sự thực, ngoài con số trên bảng điện tử, khi lang thang trên các đường phố Venice, vì trong số những nam phụ lão ấu đi ngang trước mặt, tôi không thể biết được đâu là người Ý đâu là du khách đến từ các quốc gia khác, và ngay cả khi biết chắc họ là người Ý đi nữa qua vẻ thanh nhã đặc trưng (người Ý thích ăn mặc đẹp, rất chú ý đến vẻ bề ngoài và ấn tượng mà họ tạo ra với người khác) thì tôi cũng không thể biết đâu là người địa phương đâu là khách nhàn du đến từ các tỉnh thành khác. Chỉ thấy Venice vẫn tấp nập khách bộ hành, có thể ít hơn bình thường vì thời tiết đang vào mùa đông.

**2** “Khách bộ hành” có lẽ là từ hoàn toàn thích hợp để nói về Venice vì đây là thành phố không có ô tô. Tất nhiên cũng có các phương tiện giao thông công cộng như taxi hoặc bus, nhưng không thuộc chủng loại chạy trên bộ như những nơi khác. Bập bênh trên các kênh đào là những *tàu* bus, những *canô* taxi. Chữ taxi trên canô và ở các bến đỗ cũng kẻ chữ đen trên nền vàng, y hệt taxi trên bộ. Phương tiện đi lại của dân Venice giống như dân miệt Năm Căn,

canô dĩ nhiên hiện đại hơn xuồng ba lá, nhưng cơ bản vẫn dùng thủy lộ để tới lui. Nhìn canô taxi lượn qua lượn lại trước mặt, bỗng dưng tôi nhớ tới những ngày Sài Gòn ngập nước, bỗng phì cười khi hình dung mình đang lái chiếc taxi này chở khách (chắc hốt bộn bạc chứ chẳng chơi!).

Người ta đã nói và viết quá nhiều về Venice, vì một “thiên đường trên mặt nước” với 118 hòn đảo chia cắt bởi 150 kênh đào và nối nhau bằng 400 cây cầu quả là rất đáng viết. Hiển nhiên du khách không thể thấy cùng lúc các kênh đào và các cây cầu vì tất cả bị các tòa nhà che khuất nhưng cứ đi khoảng chục mét lại gặp một cây cầu, và nếu các kênh giao nhau thì chúng ta có thể thấy hai hoặc ba, bốn cây cầu ở tứ phía cùng một lúc. Cây cầu nổi tiếng nhất Venice hẳn phải là cây cầu có tên là cầu Than Thở (Bridge of Sighs). Cây cầu này xây năm 1605, vắt ngang qua con kênh Rio di Palazzo, một đầu là Dinh Tổng trấn đầu kia là nhà tù. Hồi xưa, phạm nhân sau khi bị xét xử và tuyên án bên Dinh Tổng trấn được giải qua chiếc cầu này để vào nhà tù, cho nên cây cầu ngăn ngửng này là sợi chỉ mỏng manh nối giữa hai thế giới. Khi đứng ngắm cây cầu định mệnh này, tôi bỗng rùng mình, không biết vì gió đầu đông mang theo hơi nước luôn vào cổ áo hay vì tôi đang liên tưởng đến cây cầu Nại Hà nổi liền cõi sống và cõi chết trong Phật điển phương Đông.

**3** Ngoài những tượng đài hùng vĩ được xây nên bởi người Roma cổ đại, nước Ý - được coi là chiếc nôi của phong trào Phục hưng - có vô số những công trình kiến trúc và điêu khắc (chưa kể hội họa) tuyệt vời, cho nên đi trên đất Ý thật là mỏi mắt vì những điểm cần để mắt nhan nhản khắp nơi trên đường phố. Nước Ý nhiều báu vật nghệ thuật đến mức người dân chẳng buồn để ý (vì sống với chúng hằng ngày) còn ngân sách Nhà nước thì chẳng đủ sức bảo quản (vì có quá nhiều tác phẩm nghệ thuật cần phục chế - người ta nói rằng Ý là quốc gia có số lượng các kiệt tác tính trên cây số vuông nhiều hơn bất cứ quốc gia nào khác: chỉ tính sơ sơ nước Ý có khoảng 30.000 nhà thờ Thiên Chúa giáo, 20.000 lâu đài và 3.000 địa danh lịch sử). Nghe mà thêm! Hiện nay Chính phủ Ý phải quyền tiền trong nhân dân để tu bổ và phục chế (chắc giống như kiểu “xã hội hóa” của Việt Nam!) chứ một mình Bộ Di sản Văn hóa gánh

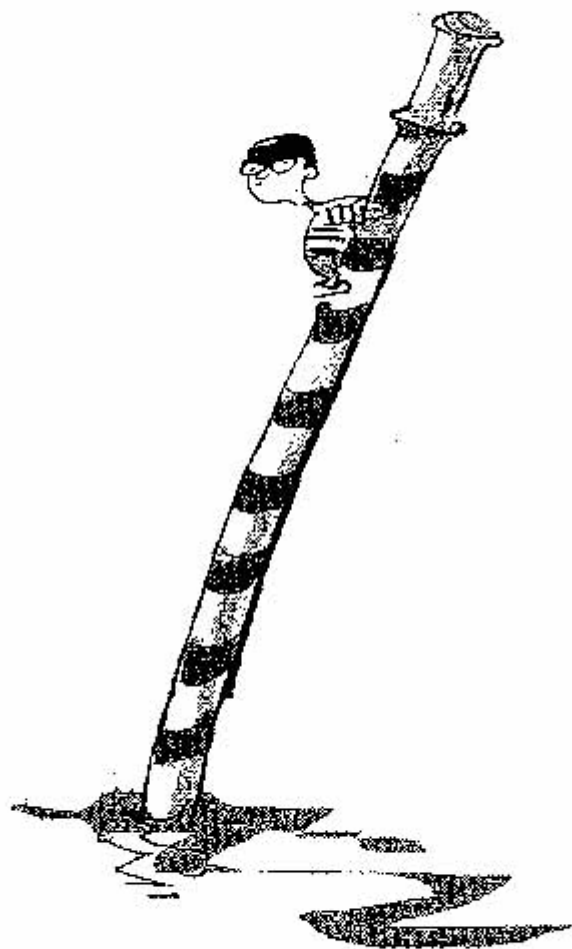
không xuể. Nhân nói về lâu đài, lại nhớ tới Paris. Paris cũng nổi tiếng về lâu đài, lừng danh nhất là cung điện Versailles. Bảo tàng Louvre trên thực tế chính là cung điện hoàng gia dưới thời Charles V ở cuối thế kỷ 14. Nhưng điểm đáng nói là rất nhiều tòa nhà chung cư ở Paris có kiến trúc hết như lâu đài, đẹp mê hồn. Lần đầu đến Paris, tôi bị choáng vì nhìn đâu cũng thấy những tòa lâu đài đồ sộ nằm san sát nhau, sau này mới biết người Pháp khoái “mốt” lâu đài. Quận 13 ở Paris hồng theo “mốt” này, chung cư xây kiểu hiện đại, có nhiều nhà chọc trời hình khối nên dân Paris thứ thiệt không thích, chê là “nhà quê”. Đó cũng là một lý do khiến quận 13 hiện nay trở thành khu vực tập trung của dân châu Á.

Quay trở lại nước Ý, anh chàng Pietro Franchi đi chung với tôi, cứ vài ba bước, lại kéo tôi vào một... ngôi nhà thờ làm tôi mệt hết muốn thở. “Ê, chỗ này hay lắm nè. Thấy chưa, kiến trúc Roman”, “Cái này là kiến trúc Baroque nè”, “Cái này là Gothic”, “Cái này là kiến trúc Ả rập”, “Cái này là kiến trúc... tùm lum”. Vì lịch sử nước Ý kéo dài qua nhiều thời đại, thời đại nào cũng “hoành tráng”, ý thức bảo quản lại tốt nên ngay trên phố thôi đã thấy rất nhiều kiến trúc cổ đại, Phục hưng, hậu Phục hưng và hiện đại xen kẽ nhau. Tới San Marco, quảng trường nổi tiếng nhất Venice, tá hỏa thấy mái vòm tròn với những chóp nhọn của nhà thờ San Marco sao giống mái vòm của đền Taj Mahal bên Ấn Độ quá chừng. Hỏi ra mới biết ở đây pha trộn nhiều kiểu kiến trúc khác nhau: nhà thờ San Marco xây dựng từ thế kỷ thứ 9 và trùng tu, mở rộng qua nhiều thế kỷ sau nên phải phát triển nhiều phong cách, ngay cả nguyên liệu tạo nên những bức tranh khảm trên trần nhà (đây là bức tranh khảm lớn nhất châu Âu với diện tích trên 4000 m<sup>2</sup>) cũng không thuần Ý mà được chở đến từ tứ xứ.

**4** Điều đặc biệt ở Venice là chỗ nào cũng thấy bán mặt nạ. Dù kiểu mặt nạ bày trong tủ kính ở các cửa hiệu dọc đường, bày ở các xe đẩy ngoài quảng trường, ở các kiốt bán đồ lưu niệm. Bạn sẽ không ngạc nhiên nếu biết Venice là thành phố nổi tiếng về Lễ hội hóa trang. Lễ hội hóa trang có mặt ở Ý từ nhiều thế kỷ nay (chính Romeo và Juliet cũng quen nhau tại một lễ hội hóa trang ở Verona). Hồi xưa, Hội hóa trang ở Venice kéo dài suốt sáu tháng trời, sau khi



được khôi phục vào thập niên 70 thế kỷ trước, nó được rút xuống còn... mười ngày trước Thứ tư Lễ tro, ngày mở đầu mùa Chay. Ở Venice, đến mùa Lễ hội này, nam phụ lão ấu đeo mặt nạ và kéo ra đầy quảng trường San Marco. Nhưng mặt nạ là “đặc sản” của Venice. Còn ở nước Ý, vật lưu niệm mà đi bất cứ thành phố nào cũng thấy bày bán, đó là búp bê và bút chì có hình dáng chú bé Buratino mũi dài. Là nhà văn viết cho thiếu nhi, hiển nhiên tôi hết sức tự hào về điều này, cũng như khi ở Pháp tôi từng tự hào về chàng hoàng tử bé vậy.



**5** Đang đi lơn tơn, tôi chợt nhìn thấy một tấm biển đồng gắn trên tường một ngôi nhà góc phố, kể chiếc cầu Fuseri. Lại gần tò mò coi, thấy tấm biển ghi “Goethe từng ở đây từ 28/9 - 14/10 năm 1786”, mới nhớ nước Ý có truyền thống quý trọng các tài năng nghệ thuật. Văn hào Wolfgang von Goethe là người Đức, đâu phải người

Ý, ghé Venice chơi chưa tới nửa tháng, vậy mà bây giờ họ trân trọng gắn biển đồng để đời sau biết đến. Tôi chưa đi nhiều nơi trên đất Ý, nhưng thấy chi tiết này, vẫn đoán được người Ý chắc gắn biển kỷ niệm khắp nơi. Vì chỉ tính riêng các nhà văn nhà thơ không thôi, những người đã hì lượt kéo qua Ý để tìm cảm hứng sáng tác không chỉ có Goethe. Có thể liệt kê một dãy dài: Charles Dickens, Henry James, Mark Twain, Herman Melville, E. M. Foster, D.H. Lawrence, John Keats, Percy Shelley, Lord Byron, John Milton... Đi một đôi nữa, tôi sướng rơn thấy một nhà hát đang quảng cáo chương trình hòa nhạc Vivaldi. Sướng rơn không phải vì mình có thì giờ vào xem mà vì lúc ở Việt Nam mỗi khi mất ngủ tôi hoặc là giờ cuốn *Khu vườn bí mật* của Frances Hodgson Burnett ra đọc hoặc là mở bản giao hưởng *Bốn mùa* của Vivaldi ra nghe để dỗ giấc. Nên lần này “gặp” Antonio Vivaldi ở Ý tôi mừng giống như gặp người quen, thậm chí là người tôi mang ơn. Ông là người Venice, hơn thế nữa là con trai của nghệ sĩ vĩ cầm của chính nhà thờ San Marco cách đó vài bước chân.

**6** Nãy giờ kể chuyện “vĩ mô”. Bây giờ nói chuyện “vi mô”. Chuyện thiết thực, giống như “cắm nang dành cho du khách” vậy: Đi dạo phố ở Venice (và ở cả châu Âu nữa), khi “bụng dạ khó chịu” phải làm sao? Ở châu Âu, thùng rác thì nhiều nhưng nhà vệ sinh thì hơi ít (Ở Ý mỗi lần ra vô chỗ này phải trả 1,3 euro). Cách hay nhất là chui vô quán cà phê hoặc quán rượu. Tìm được chỗ bán thức ăn nhanh (như cửa hàng Mac Donald) thì tuyệt nhất, vì chỗ này thực khách chen chúc đông nghịt, ra vô chẳng ai để ý. Nhưng khi mình gặp chuyện bí bách mà không có cửa hàng thức ăn nhanh nào gần đó thì đành phải chui vào cửa hàng bán... thức ăn chậm tức là quán cà phê hoặc quán rượu (những nơi này có bán cả thức ăn). Vô quán kêu ổ bánh mì thịt và lon bia, rồi đi ra phía sau, lúc trở lên người vô cùng nhẹ nhàng thoải mái. Nhưng tốt nhất là nên ăn bánh mì với... cà phê. Uống bia như tôi, đi một quãng lại phải lật đật chui vào một quán khác. Đi một vòng Venice, chui vào cả chục quán, tốn tiền gần bằng chiếc vé máy bay giá rẻ bay từ Ý sang Pháp chứ chẳng chơi. Một điểm nữa: Vào các quán rượu ở Ý, tốt nhất đừng ăn ngay tại quầy. Lại bàn đặt mông xuống một cái, tiếp viên chỉ đem ra cái đĩa cho mình đặt ổ bánh, tiền phục vụ đã tăng gấp rưỡi hoặc gấp đôi.

Không biết có phải vì những chi tiết râu ria này mà cư dân Venice kêu rêu “cuộc sống đắt đỏ” và đòi bỏ đi nơi khác hay không?

*Sài Gòn Giải Phóng 3-1-2010*

# nàng Juliet ở Verona

**1** Tôi đặt chân đến Brescia vào một ngày mà anh bạn Pietro Pranchi gọi là ngày đầu tiên của mùa đông: trời xám xịt, gió rét, cây hai bên đường đều trụi lá và hoàn toàn không nhìn thấy mặt trời. Mặc dù Ý là quốc gia nằm ở cực Nam châu Âu, cách châu Phi chừng 145 km nhưng ngặt nỗi tôi lại đến miền Bắc có khí hậu gần giống nước Pháp. Nước Ý nổi tiếng về kiến trúc, mỗi thành phố đều có lối kiến trúc khác nhau. Do nước Ý chỉ mới thống nhất về chính trị trong thời gian không lâu, địa hình đặc thù lại chia cắt vùng này với vùng khác nên thổ ngữ địa phương ở Ý rất đa dạng. Chẳng hạn cư dân Sardegna và Sicilia mà dùng thổ ngữ nói với nhau thì chắc là chẳng bên nào hiểu bên nào. Vùng Brescia tôi đang ở cũng vậy. Nếu người Brescia mà nói thì cả người Sardegna lẫn Sicilia đều gần gũi te.

Giống như người Pháp, người Ý cũng thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để chuẩn bị trang phục trước khi ra khỏi nhà. Truyền hình Ý thường chiếu bóng đá, phim ảnh, các game show, nói chung thiên về giải trí. Nhưng nếu nhìn vào nội dung trên các kênh truyền hình Ý mà đánh giá về con người Ý thì lại trật lất. Pietro bảo tôi “Đàn ông Ý khoái nói về ba thứ: chính trị, bóng đá và... sex”. Tôi nghĩ bụng: Ủa, sao cũng hơi giống giống đàn ông xứ mình! “Thế còn chuyện kinh tế toàn cầu đang khủng hoảng?”, tôi hỏi. “Ờ, ờ...”, Pietro gãi đầu “để tui sắp lại thứ tự nha: từ hồi làm ăn khó khăn thì kinh tế là mối quan tâm thứ nhì sau chính trị. Bóng đá và sex tụt xuống hàng thứ ba và thứ tư. He he”.

**2** Brescia ở phía Bắc nước Ý, nằm dưới chân dãy Alpes, cách Milan - thủ phủ xứ Lombardy - hai tiếng đi ô tô, là một vùng núi đồi, nằm cạnh hồ Garda xinh đẹp. Các thị trấn Salò, Gargnano, Toscolana, Maderno đều mọc lên quanh hồ Garda. Lâu đài, nhà cửa xây trên sườn núi, tường gần như toàn bằng đá. Đánh xe chạy lòng vòng vùng Brescia, nhiều chỗ gần như luồn vào giữa rừng, cảm giác như đang chạy trên đèo Hải Vân, bên non bên nước, sương giăng

kín mặt hồ, trông rất đối hữu tình. Chốc chốc lại thấy nhô ra trên sườn núi một ngôi nhà thờ cổ, có ngôi xây dựng từ thế kỷ 12, theo kiến trúc Roman, với nhiều phù điêu chạm trổ trên các vách đá và cột đá. Phải công nhận ở Ý rất nhiều nhà thờ, không chỉ ở vùng Brescia. Điều đó chẳng có gì lạ khi ngay cả tòa thánh Vatican, trung tâm của Giáo hội Thiên Chúa giáo Roma, cũng tọa lạc ở đây. Có những nhà thờ nhỏ chừng mười mấy chỗ ngồi ở trên núi, nơi ít dân nhưng vẫn có nhu cầu tín ngưỡng. Tôi đã từng vào những nhà thờ, hầm mộ xây ngay dưới sàn nhà, có khắc tên tuổi người đã khuất - giống như chi tiết trong truyện *Mật mã Da Vinci* của Dan Brown. Có ngôi nhà thờ tôi đếm được cả thấy 17 ngôi mộ.

**3** Từ Brescia đi Verona rất gần. Đây là thành phố nổi tiếng với nhà hát Arena, xây dựng cách đây khoảng 2.000 năm, được bao quanh bởi lớp tường thành bằng đá dày khoảng một mét. Nhà hát hình tròn (trông như giác đấu trường cổ xưa ở Roma), lộ thiên nên các chương trình giao hưởng, opera, ballet chỉ diễn vào mùa hè. Ở Ý có rất nhiều kiến trúc cổ, từ nhà thờ, nhà ở, tòa thị chính - không hiếm những ngôi nhà được xây dựng từ thế kỷ 19, 17, 15, 12... - nhưng nhà hát Arena có lẽ là kiến trúc cổ nhất. Ở đây xin mở ngoặc nói thêm là tôi bị không khí cổ kính của nước Ý ám ảnh đến nỗi đi ngang qua căn nhà có tấm biển nhỏ gắn phía trước ghi dãy số 1023 liền reo ầm như Christophe Colombo phát hiện ra châu Mỹ: “Ê, Pietro, ngôi nhà này xây hồi thế kỷ thứ 11 nè!”, ngay sau đó lại hét toáng “Ê, còn ngôi nhà này xây hồi thế kỷ thứ 10 nè”, “A, đây nữa...”, chỉ đến khi anh chàng người Ý cười khì khì “Tấm biển ghi số nhà đó, cha nội” tôi mới cụt hứng nín thinh.

Vở kịch *Romeo và Juliet* của văn hào Anh Shakespeare cũng có thể coi là... cổ, vì sáng tác vào thế kỷ 16, kể về mối tình éo le giữa Romeo và Juliet xảy ra từ thời Trung cổ ở ngay tại Verona. Hai dòng họ Montague và Capulet có mối hận thù lâu đời, nhưng Romeo con nhà Montague và Juliet con nhà Capulet lại yêu nhau say đắm, thậm chí còn bí mật làm lễ cưới tại nhà thờ. Mối tình này kết thúc bi thương như thế nào thì chúng ta đã biết, và tác phẩm của Shakespeare lập tức biến mối tình oan trái này trở thành bất tử. Câu chuyện này còn cổ hơn nữa nếu chúng ta biết rằng Shakespeare

viết vở kịch này dựa trên tác phẩm của Arthur Brooke, Brooke viết dựa trên tác phẩm của Matteo Bandello, Bandello viết dựa trên tác phẩm của Luigi Da Porto, Luigi Da Porto viết dựa trên tác phẩm của Masuccio Salernitano, còn Salernitano thì dựa theo những câu chuyện dân gian trước đó nữa. Như vậy câu chuyện gốc của Romeo - Juliet có thể xảy ra xa lắc xa lơ, có khi vào thời Verona xây nhà hát Arena không chừng.

**4** Nhưng người Ý với đầu óc kinh doanh tinh quái đã thổi vào câu chuyện cổ xưa trên một không khí hết sức hiện đại bằng cách biến câu chuyện tình nổi tiếng này thành một sản phẩm du lịch đặc biệt quyến rũ với khách thập phương. Trên con đường Capello mọc lên ngôi nhà có ban công nơi chàng Ro và nàng Ju từng hẹn hò, có cả chiếc giường của nàng Juliet, đặc biệt có pho tượng nàng Juliet bằng đồng ngay trong khuôn viên, cứ như thể nơi đây đã xảy ra một câu chuyện tình hoàn toàn có thật. Trên bức tường dọc phố Capello có thể thấy mòn một tấm biển ghi rõ “Đây là nhà của Juliet”, cách đó một quãng là “nhà của Romeo”. Trên trụ cổng bằng đá ngay lối vào chỉ chít những chữ là chữ, viết bằng đủ thứ ngôn ngữ khác nhau của du khách, đại khái là “anh yêu em” và “em yêu anh” với vô số hình trái tim và mũi tên bay tán loạn. Khỏi cổng là vách: trên vách, giấy dán đầy như bướm bướm với nội dung cũng đại loại như vậy. Anh chàng Pietro Franchi xúi tôi “Ông kiếm miếng giấy viết mấy chữ dán lên đi”. Tôi lắc đầu: “Khỏi! Có gia đình rồi, ai chơi trò này”. “Thì ông viết: tôi yêu vợ tôi lắm lắm”. “Thôi đi cha nội”. Tôi phì cười và rào bước vào bên trong. Chính giữa khuôn viên, cạnh vách tường có cái ban công bằng đá cẩm thạch là pho tượng nàng Juliet bằng đồng. Gò vú bên phải của nàng bóng loáng, mòn vẹt. Pietro nói ngay khi bắt gặp cái nhìn dò hỏi của tôi “Ai tới đây cũng sờ tay lên ngực nàng Juliet để... lấy hên hết á”. Tôi đang bán tín bán nghi, tưởng Pietro nói đùa, đã thấy mấy tốp du khách kéo vô và ngay lập tức từng người một bước lại cạnh Juliet và đưa tay lên... sờ ngực pho tượng cho bạn bè chụp hình.

Tới lượt Pietro và tôi, mỗi người cũng chụp được một tấm ảnh trong tư thế khá bất nhã này để làm kỷ niệm. Lúc ra về, Pietro không chịu chép hình ra cho tôi, lại còn nháy mắt tinh nghịch: “Khi nãy tôi

kêu ông dán miếng giấy ‘yêu vợ’ lên vách để tôi chụp hình gửi cho bà xã ông để ‘lấy điểm’, ông không chịu. Bây giờ tôi gửi cho bà xã ông tám hình này để bà ‘xử’ ông chơi”. Tôi không biết cha nội người Ý này nói thiệt hay nói đùa, nhưng từ lúc đó trở đi, những ngày còn lại trên đất Ý, Pietro kêu gì tôi làm nấy răm rắp, không dám hó hé cãi lại nửa lời. Văn hào Nga Gogol từng ca ngợi nước Ý “Ai đã từng đến nước Ý rồi sẽ quên hết những miền đất khác”. Nhưng lời hù dọa của Pietro Franchi khiến tôi đi trên đất Ý mà bụng cứ thon thót nghĩ đến ngày về lại Việt Nam. Khỉ thật!

*Sài Gòn Giải Phóng 13-12-2009*



# cưỡi ngựa xem... sách ở Thụy Điển

**1** Những ngày này, nghe báo chí nói về văn hóa đọc, về sự yếu kém của hệ thống thư viện trên toàn quốc, sức nhớ tới những ngày làm việc với thư viện Stockholm ở Thụy Điển.

Thụy Điển là quốc gia chỉ có 9 triệu dân, tương đương với dân số ở thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng hoạt động thư viện của họ thì thật tuyệt vời.

Tổ chức mời tôi qua dự Hội thảo về văn học thiếu nhi cuối năm 2009 là Thư viện thành phố Stockholm. Thư viện này có hai tòa nhà lớn nằm cạnh nhau trên đường Odengatan: một là tòa nhà của Thư viện sách Thụy Điển, tòa kia là Thư viện sách quốc tế (gồm sách của 120 ngôn ngữ khác nhau trên thế giới). Thư viện sách Thụy Điển tiền sảnh rất đẹp, phòng chứa sách rộng mênh mông, các tủ sách trên tường chạy theo hình cánh cung, khách vừa bước lên bậc cấp, chưa đi tới cửa đã thấy cả một thế giới sách lung lay đập vào mắt. Hôm tôi ghé thăm, đang có cuộc triển lãm truyện tranh về đề tài đất nước và con người Thụy Điển (ngoài truyện tranh dành cho trẻ em còn có cả truyện tranh dành cho người lớn), các poster giảng dạy.

Ngoài các kệ sách khổng lồ, Thư viện thành phố Stockholm có một phòng đọc riêng dành cho người khiếm thị, sách chữ nổi braille đóng bìa màu vàng, hàng ngàn cuốn nằm ngăn nắp trên các ngăn tủ. Loại sách này mau cũ hơn sách chữ dành cho người sáng mắt, vì sách nào nhiều người đọc, có nhiều bàn tay chạm vào, các chữ nổi sẽ bị mòn đi; mòn riết thành... tờ giấy trắng, không đọc được nữa. Ở Việt Nam, như ở trường khiếm thị Nguyễn Đình Chiểu một lần tôi đến giao lưu, ban giám hiệu có sáng kiến bổ sung cho thư viện loại “sách nói” thu qua băng cátxét. So với sách chữ nổi, băng cátxét có thể phục vụ cho nhiều người cùng lúc, khâu bảo quản lại

lâu bền hơn. Nhưng sách braille có ưu thế riêng của nó. Chẳng hạn ở thư viện cộng đồng Stockholm, tôi thấy có cả loại sách dành cho người sáng mắt lẫn người khiếm thị: trang bên trái nửa trang trên in chữ bình thường nửa trang dưới in chữ braille, trang bên phải in tranh màu nhưng có độ nổi khác nhau để người khiếm thị sờ vào có thể hình dung ra nhân vật và hình ảnh trong bức tranh - đó là điều mà “sách nói” không làm được. Nhân tiện nói thêm, ở Pháp - nơi tôi ghé thăm trước khi qua Thụy Điển dự Tuần lễ sách thiếu nhi - có nhà xuất bản chuyên in sách cho người khiếm thị.

Đặc biệt, Thư viện thành phố Stockholm có phòng đọc dành cho trẻ con từ 0 - 8 tháng tuổi. Dĩ nhiên trẻ con ở lứa tuổi này chỉ có thể “đọc” bằng cách... nghe và ngắm. Phòng đọc độc đáo này bốn vách đầy áp các tranh vẽ, màu sắc sặc sỡ, chính giữa phòng có một bụi gỗ trên đó các diễn viên làm trò và kể chuyện cho các em nghe. Các bậc cha mẹ ẵm con trên tay, ngồi trên dãy ghế kê sát tường. Các em thích thú ngắm nghía các tranh trên tường, xem các diễn viên hoạt náo và nghe các giọng kể du dương, đến khi nào ngủ khò là... đạt hiệu quả.

**2** Ngoài Thư viện thành phố Stockholm, thủ đô Thụy Điển còn có Thư viện cộng đồng Stockholm thuộc Trung tâm văn hóa Stockholm. Các phòng đọc sách ở thư viện này chia theo từng lứa tuổi. Phòng đọc dành cho lứa tuổi nhỏ nhất (khoảng từ 3 - 4 tuổi) có hai dãy kệ chứa sách. Kệ dưới thấp dành cho trẻ em, sách tranh là chủ yếu. Kệ trên cao (để trẻ em không với tới) là “thư viện” dành cho bố mẹ. Các bậc phụ huynh vừa trông con vừa đọc loại sách dành cho mình để giết thì giờ. Nhưng không ít các bố mẹ “liệng” con ở đó xong, rủ nhau “vù” xuống căng-tin ngồi đầu hót. Cô quản thủ thư viện phàn nàn với tôi như vậy khi nghe tôi trầm trở về phòng đọc này. Cô bảo đám trẻ con thoát đầu mê chơi không để ý (ngoài sách, phòng đọc này có rất nhiều mô hình trò chơi), nhưng chơi chán nhìn quanh không thấy bố mẹ đâu, thế là bọn nhóc khóc toáng lên khiến các cô thủ thư phải dỗ mệt xỉu. Cô bảo cứ cái đà này không khéo thư viện biến thành nhà giữ trẻ mất. Nghe cô than thở, tôi cố lắm mới không phì cười, bụng nghĩ sao mấy ông bố Thụy Điển này

giống mấy ông bố Việt Nam quá sức, không biết ở cảng-tin có bán bia không vậy ta!

Thư viện cộng đồng Stockholm còn có sáng kiến rất độc chiêu: dựng một cột đèn tín hiệu giao thông ở tầng trên. Từ xa, nhìn qua lớp cửa kính, thấy đèn tín hiệu có màu đỏ, các bậc phụ huynh biết thư viện không còn chỗ, có thể dẫn con cái đi chơi lòng vòng hoặc tấp vào một quán kem nào đó ngồi đợi đèn tín hiệu chuyển qua màu xanh.

**3** Ngoài hai thư viện kể trên, tôi còn được ban tổ chức dẫn đi thăm Viện sách thiếu nhi Thụy Điển (SBI). Giám đốc Viện này cũng chính là người điều khiển chương trình hội thảo về văn học thiếu nhi diễn ra vào ngày đầu tiên tôi đến Stockholm. Viện này lưu tất cả các sách thiếu nhi xuất bản hằng năm (ở Thụy Điển có chừng hai trăm nhà xuất bản, trong đó có mười nhà xuất bản lớn). Ngoài ra, Viện còn lưu tất cả các tài liệu nghiên cứu về văn học thiếu nhi trên toàn thế giới. Viện này không phục vụ cho bạn đọc phổ thông, chỉ dành cho các nhà nghiên cứu, các sinh viên làm luận văn đến tham khảo. Viện có tạp chí nghiên cứu về văn học thiếu nhi *Barnboken*, mỗi năm ra hai số.

Ngoài ra, ở Thụy Điển còn có tổ chức IBBY Thụy Điển, một tổ chức quốc tế có trụ sở ở Mỹ chuyên theo dõi về sách dành cho tuổi trẻ - hiện có mặt ở bảy mươi hai quốc gia thành viên. Tổ chức IBBY Thụy Điển sáng lập ra giải thưởng quốc tế về văn học thiếu nhi Peter Pan dành cho sách dịch (năm 2008, tác phẩm *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần đã được trao giải này).

**4** Cần nói thêm: một trong những hoạt động của Thư viện Stockholm là cung cấp và luân chuyển sách đến các thư viện địa phương trên toàn quốc (đăng ký qua computer). Lúc tôi đến giao lưu với trẻ em Việt Nam tại thư viện cộng đồng của thành phố Halmstad (cách Stockholm 5 tiếng tàu hỏa), nghe tôi khoe đã tặng cho thư viện Stockholm bộ truyện *Kính vạn hoa*, quản thủ thư viện ở đó liền truy cập vào trang web của thư viện Stockholm để yêu cầu

chuyển sách xuống Halmstad để phục vụ trẻ em Việt Nam ở thành phố này, tất nhiên trong thời gian nhất định.

Halmstad là một thành phố nhỏ, khoảng 10.000 dân, trong đó có khoảng một trăm gia đình người Việt. Hôm đó tôi gặp khoảng tám mươi em học sinh ở Halmstad và các vùng phụ cận, hầu hết đều sinh ra và lớn lên ở Thụy Điển. Chính phủ Thụy Điển luôn khuyến khích các công dân Thụy Điển có gốc gác nước ngoài trau dồi tiếng mẹ đẻ, nên các em có giờ học tiếng Việt ở trường. Tất nhiên đa số các em nói tiếng Việt không lưu loát lắm nhưng buổi gặp gỡ rất ấm cúng và cảm động. Đặc biệt, các phụ huynh người Việt luôn hỏi tôi có cách nào giúp con em họ có thể đọc sách Việt Nam bằng tiếng mẹ đẻ một cách trôi chảy, chứng tỏ các bậc cha mẹ rất tha thiết đến việc gìn giữ những gì thuộc về nguồn cội. Đây cũng là điểm đặc biệt của Thụy Điển so với một số nước phương Tây khác. Họ quan niệm công dân Thụy Điển gốc nước ngoài phải có ý thức giữ gìn nguồn cội thì mới trở thành công dân tốt ở nước sở tại. Thậm chí vào một hiệu sách ở Stockholm, tôi còn trông thấy một số cuốn truyện thiếu nhi tiếng Việt (có in kèm tiếng Anh) được in ấn rất đẹp, không phải sách đặt mua từ các nhà xuất bản bên Việt Nam hay dịch từ Việt ngữ mà do chính nhà văn Thụy Điển viết và họa sĩ Thụy Điển vẽ.

Tới đây, mới thấy câu chuyện về sách của xứ sở Bắc Âu này chứa một nội hàm rất rộng, không chỉ đáng nể về quy mô của hệ thống thư viện mà quan trọng hơn, quan điểm về văn hóa của họ rất sâu sắc thông qua chính sách quảng bá nhiều nền văn hóa khác nhau, không chỉ của Thụy Điển.

*Sài Gòn Giải Phóng số Xuân 2011*

# đi Thái Lan

**1** Tôi đi Thái Lan lần này không phải là lần đầu. Cuối năm 2006, tôi đi nghỉ cuối năm ở Thái với anh em báo *Thanh Niên*, lần đó tung tăng khắp nơi, xuống tận các bãi biển ở Pattaya, đi Tiffany xem ca nhạc của những chàng trai thay đổi giới tính (thành con gái), vào vườn thú xem voi vẽ tranh, tham quan các trại cá sấu, các trung tâm chế tác đá quý, y dược lừng danh của người Thái. Lần này, năm ngày ở Thái chỉ quần quanh ở Bangkok. Lần trước là đi chơi, lần này là đi công việc.

Giải thưởng ASEAN (tên chính thức trên các văn bản ở Thái là “SEA Write Award”) do Hoàng gia Thái Lan khởi xướng (từ năm 1979) và sẽ do hoàng thái tử và công chúa đích thân trao giải nên có khoản quy định về trang phục trong các buổi lễ chính thức, kể cả lúc đi thăm Hoàng cung. Tôi vốn ăn mặc xuề xòa, nên từ lúc ở Việt Nam đọc các văn bản gửi đến từ Thái Lan, đã thấy “nhức đầu”.

Tháng mười hai năm ngoái qua xứ Thụy Điển ở tuốt Bắc Âu dự Hội thảo về văn học thiếu nhi, tâm trạng thấy bình thường, thậm chí còn háo hức vì hy vọng lần đầu trong đời nhìn thấy tuyết (rốt cuộc tuyết chẳng chịu rơi - chỉ rơi sau khi tôi rời Stockholm một tuần).

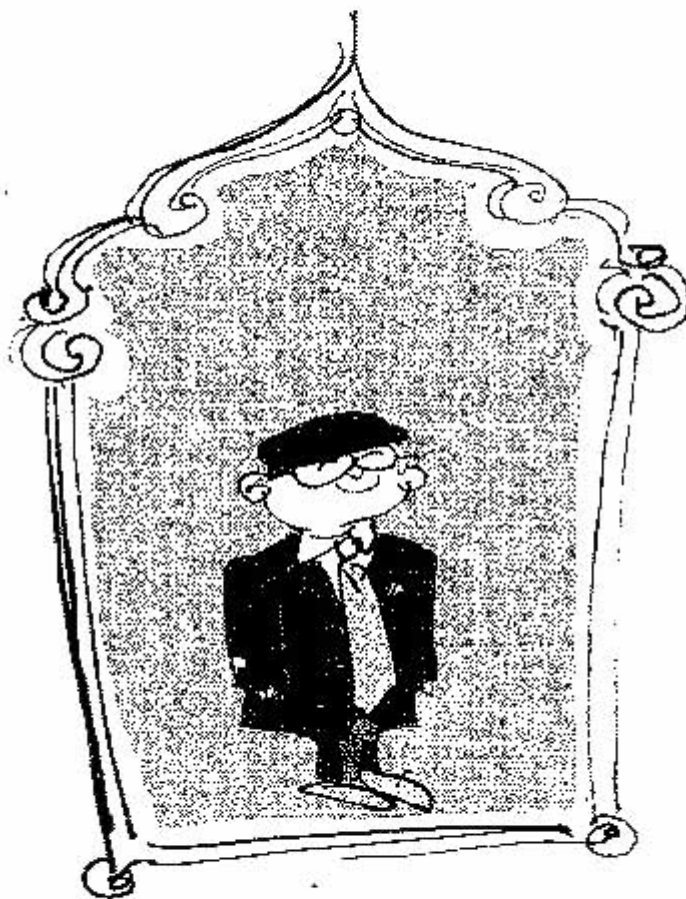
Bây giờ qua Thái Lan lảng giềng, lại cảm thấy bồn chồn, chính vì khoản quy định ăn mặc này. Tôi chúa ghét mặc áo vét, tới hôm trao giải cũng phải diện vét cho đúng nghi thức. Bạn bè quốc tế, nhất là các cô các bà, thấy tôi diện vét, cứ đi ngang liếc một cái tùm tùm khen “đẹp trai quá” làm tôi thấy hơi được an ủi, thậm chí khoai khoái, dù không biết họ khen thiệt hay khen đùa (hy vọng là thiệt!).

**2** Các nhà văn khối ASEAN giao tiếp bằng tiếng Anh, kể cả ban tổ chức người Thái Lan. Nhưng hể nhà thơ Lào Dara Kanlaya gặp người Thái là “xổ” tiếng Lào. Tiếng Lào và tiếng Thái giống nhau đến chín mươi phần trăm, vì cùng hệ ngôn ngữ Thái. Có tư liệu cho biết người Sán Chay ở Myanmar, người Choang ở Trung Quốc,

người Thổ và người Nùng ở Việt Nam cũng có chung hệ ngôn ngữ này. Giả dụ các tộc người này mà gặp nhau ở một cuộc hội thảo quốc tế gồm Thái Lan, Lào, Myanmar, Trung Quốc, Việt Nam thì chắc là y như người trong một nhà.

Nhưng sự liên quan giữa tiếng Lào và tiếng Thái chưa phải là điều đáng sợ nhất với tôi và Marjorie Evasco, nhà thơ Philippines. “Kinh khủng” nhất là khi các nhà văn, nhà thơ Thái Lan, Malaysia, Singapore, Brunei (Wijaya, nhà thơ Brunei 89 tuổi không đến Bangkok được vì lý do sức khỏe, cử con gái và con rể đi thay) ngồi lại với nhau. Lúc đó họ không nói tiếng Anh, mà sử dụng ngôn ngữ Bahasa (còn gọi là tiếng Malay). Đây là ngôn ngữ thông dụng của Malaysia, Brunei, Indonesia, Singapore (may mà nhà thơ Afrizal Malna của Indonesia không có mặt). Nghe họ ríu rít với nhau bằng tiếng Malay, tôi và Marjorie Evasco cứ thộn mặt ra ngó.

Đôi lúc, có lẽ thấy như vậy là không được lịch sự lắm, nhà thơ Thái Lan Zakariya Amataya quay sang tôi và Marjorie Evasco toét miệng ra cười và giải thích bằng tiếng Anh rằng họ đang nói về chuyện gì. Tôi đoán chắc họ không cố tình làm vậy. Khi ngồi cùng “họ hàng... ngôn ngữ” với nhau, họ thích nói tiếng Malay, vì giao tiếp bằng tiếng “mẹ đẻ” dù sao vẫn dễ dàng hơn là sử dụng tiếng Anh, dù với một vài nước trong khối ASEAN, tiếng Anh là ngôn ngữ giao tiếp chính thức trong công việc.



**3** Buổi lễ trao giải chính thức diễn ra vào tối ngày 5-11 có khoảng một nghìn hai trăm khách mời. Tôi không biết hết những người này, nhưng chắc chắn có mặt các quan chức của Ngân hàng Bangkok, Hãng hàng không Thai Airways, Khách sạn Mandarin

Oriental, là những đơn vị hàng đầu của Thái Lan đồng thời là những nhà tài trợ chính của giải SEA Write Award.

Phía ngoại giao, có lẽ có mặt các đại sứ hoặc tùy viên văn hóa các nước ASEAN. Các nhà văn, nhà thơ Thái Lan từng đoạt giải SEA Write Award cũng được mời, trong đó có nhà thơ 70 tuổi Naowarat Phongphaiboon rất được kính trọng, được giới văn chương xem là một trong hai tác gia lớn của Thái Lan trong thế kỷ 20. Nhà thơ lão thành này tôi gặp một lần tại buổi hội thảo ở Ngân hàng Bangkok, một lần tại buổi đọc thơ ở vườn hoa Suan Pakkad Palace, nhưng trong buổi lễ chính thức thì tôi không thấy ông ngồi đâu vì người quá đông.

Ở bàn tiệc chính thức trên bục sân khấu, ngoài hoàng thái tử Maha Vajiralongkorn và công chúa Srirasm (chữ “princess” ở đây dùng để chỉ vợ của hoàng thái tử chứ không phải là chị hay em gái) và các nhà văn đoạt giải SEA Write Award là thị trưởng thành phố Bangkok, diễn giả William Dalrymple người Scotland và đại diện các, đơn vị tài trợ.

Ngồi ở hai đầu bàn là chị Soranat Tailanka, Chủ tịch PEN Club Thái Lan và chị Chamaiporn Saengkrachang, Chủ tịch Hội Nhà văn Thái Lan. Đây cũng là điều làm tôi ngạc nhiên một cách thú vị: Lãnh đạo các tổ chức văn chương bên Thái toàn là nữ. Hôm các nhà văn đoạt giải SEA Write Award gặp gỡ và trò chuyện với công chúng Thái Lan, người chủ trì buổi hội thảo cũng là nữ: chị Panadda Lertlumamphai. Các nhà nữ quyền Việt Nam mà thấy cảnh này chắc ghen tị lắm.

Hôm đó trên bàn tiệc chỉ có vang đỏ và vang trắng, nhưng tôi uống lẫn lộn cả hai thứ nên thấy hơi ngà ngà. Do đó, khi buổi tiệc kết thúc, tôi về phòng nằm nghỉ ngay. Sáng ra, bị các nhà văn nước bạn trách móc quá trời, hỏi ra mới biết sau buổi lễ trao giải là khoảng thời gian mọi người chụp hình lưu niệm (có lẽ vì đang mặc quần áo đẹp). Tôi tiếc hùi hụi, nào ngờ trước khi ra sân bay về nước, chị Karn trong ban tổ chức tặng mỗi người một cái đĩa CD chứa hình ảnh chụp từ hôm đặt chân tới Thái Lan đến lúc chia tay (hóa ra các tay nhiếp ảnh kè kè đi theo đoàn mọi lúc mọi nơi mấy ngày vừa qua



là người của ban tổ chức). Nhờ vậy mà tôi “dính” được mấy tấm.  
May thiệt là may!

*Sài Gòn Giải Phóng 14-11-2010*

# **gặp gỡ bạn văn ở Bangkok**

**1** Những ngày ở Thái Lan, tôi được mọi người tặng cho biệt danh là “the last one” (“người cuối cùng”). Theo thông lệ quốc tế, thứ tự người đại diện hoặc đoàn đại diện được sắp xếp theo thứ tự chữ cái của tên quốc gia. Xem các kỳ Olympic hoặc các đại hội thể thao quốc tế trên tivi thì biết: đoàn Việt Nam bao giờ cũng xuất hiện gần chót, chỉ trước các đoàn Yemen, Zambia, Zimbabwe hoặc xứ Wales nếu đảo quốc này không nhập chung với đoàn Anh. Ở nhà, ngồi trước màn hình, thấy cảnh đó bình thường. Đến khi chính mình bị lâm vào tình cảnh đó, mới biết thế nào là sốt ruột. Đọc thơ cũng lên sau cùng, hội thảo cũng bị gọi sau cùng, đọc diễn từ trong buổi gala trao giải cũng sau cùng, lên nhận tiền giải thưởng cũng sau cùng (riêng chuyện này thì phần khởi nên không thấy sốt ruột lắm!).

Hôm các nhà văn được giải SEA Write Award gặp gỡ công chúng Thái Lan ở tầng ba mươi Ngân hàng Bangkok, các nhà thơ nhà văn Lào, Malaysia, Philippines nói chuyện trước, lâu ơ là lâu. Đã vậy sau đó giải lao đến nửa tiếng đồng hồ. Nhưng không như tôi nghĩ, sau giờ giải lao (có buffet nhẹ ngoài tiền sảnh), khán giả không ai ra về. Tiếp theo là hai nhà thơ Singapore và Thái Lan. Cuối cùng mới đến tôi (may mà hai nhà thơ Brunei và Indonesia vắng mặt). Chị Panadda Lertlumamphai, chủ trì buổi hội thảo có lẽ ái ngại vì thấy tôi đợi lâu, liền thanh minh “Thứ tự này sắp theo alphabet, anh thông cảm”. Tôi cười “Không sao. Tôi không biết ở Thái Lan thì thế nào chứ ở Việt Nam những gì quý hiếm nhất thường xếp ở cuối cùng. Chẳng hạn trong các giấy mời họp hay hội nghị, phần ‘bữa tiệc thân mật’ bao giờ cũng nằm cuối chương trình nghị sự”. Chị Panadda Lertlumamphai và khán giả phì cười, thế là không ai còn áy náy gì nữa!

**2** Qua đây, tôi chơi thân nhất với Marjorie Evasco, nhà thơ Philippines, trêu nhau suốt. Hơi thân thân là Johar Bin Buang, nhà thơ Singapore. Khi biết tôi sinh năm 1955, Johar Bin Buang hí hửng khoe “Ồ, vậy là tui với ông cùng tuổi”. Tối về khách sạn, lật

tập kỷ yếu SEA Write Award ra xem, thấy ghi Johar Bin Buang sinh 1958. Tôi ngạc nhiên, bụng nghĩ hồng lẽ ở Singapore giấy khai sinh cũng lộn xộn giống mình. Chợt nhớ nhà thơ Trần Đăng Khoa cứ khẳng khẳng với tôi là anh sinh năm 1956, trong khi tất cả mọi tư liệu về Trần Đăng Khoa đều ghi rõ 1958. Tôi định hỏi lại Johar Bin Buang nhưng rồi quên mất. Thơ Johar Bin Buang tràn ngập cảm hứng tôn giáo, nhưng không ít câu như *“Trong khi ngủ/ chúng ta bước đi trên con đường sữa/ giữ chặt các vì sao lấp lánh trong tay/ và quan sát các cột ánh sáng...”* hay *“Tôi muốn thổi sáo/ ngay khi đang ở các vùng đất xa xăm”*, đọc rất thích. Thơ Marjorie Evasco trữ tình, giàu nữ tính. Tôi nói với chị tôi rất thích những câu thơ của chị: *“Ngay trước khi chúng ta bắt đầu/ những âm thanh của gió từ các ngôi chùa cũ Ulun Danu/ rung lên trên các đầu ngón tay và các đầu ngón chân chúng ta. Vũ công, Ni K’tut Reneng, biết rằng phải mất đến mười năm thiêng liêng/ để học được một cử chỉ vuốt ve của gió trên làn da của nước”*. Nghe tôi khen, Marjorie Evasco rất khoái, cười toe toét. Marjorie Evasco ở ngay Manila. Chị rủ tôi năm tới qua Philippines dự Hội sách chơi nhưng tôi chưa biết thế nào, đành ậm ừ theo kiểu Việt Nam “từ từ tính tiếp”.

**3** Nhưng nhà thơ mà tôi khoái tò tò đi theo nhất là Zakariya Amataya, nhà thơ Thái Lan. Đơn giản vì trong bọn, chỉ có tôi và Zakariya Amataya hút thuốc lá. Zaen Kasturi, nhà thơ Malaysia cũng hút, nhưng thỉnh thoảng hút một điếu, cái kiểu có cũng được không cũng được. Ngày đầu, tôi chưa biết cửa tiệm Eleven chuyên bán thuốc lá nằm ở đâu nên cứ thấy Zakariya Amataya chuồn ra khỏi phòng họp là tôi chuồn theo. Zakariya Amataya hút thuốc vắn, nhưng sợi thuốc là loại dùng để hút ống píp, trong túi áo lại luôn có gói Camel. Zakariya thấy có bạn văn “đồng bệnh” thì khoái lắm, chìa thuốc mời liên tục. Ở cái xứ mà nơi nào cũng gắn bảng “No smoking”, hai anh em đứng hút thuốc tán gẫu với nhau ngoài sân thật là khoan khoái. Zakariya hỏi tôi chuyên viết về đề tài gì, cầm bút bao nhiêu năm rồi, nghe tôi nói tôi in cuốn sách đầu tiên vào năm 1984, Zakariya le lưỡi “Năm đó tui mới có 9 tuổi”.

Zakariya sinh năm 1975, một trong những nhà thơ cách tân của Thái Lan. Người thích bảo thơ anh “phá cách”, người không thích

bảo thơ anh “phá phách”. Việc Zakariya được chọn trao giải SEA Write Award cũng gây nhiều ý kiến tranh cãi. Nhưng đọc sơ qua tập thơ anh tặng tôi, tôi thấy thơ anh hay và lạ, đặc biệt là táo bạo. Ngay tên tập thơ đã muốn “gây gỗ” rồi: *No woman in Poetry (Không có đàn bà trong thơ)*. Thử đọc tên vài bài thơ của Zakariya: *Cãi nhau với lặng im, Không thể thấy mặt trời, Lệ của thời gian, Vật lý của sự thật, Ghế nằm chân, Tôi ghi lại lời của nỗi buồn bằng màu gì, Một bài hát không đến không đi...* Hôm đọc thơ ở vườn hoa lâu đài Suan Pakkad, Zakariya đọc bài *There must be something (Phải có một cái gì đó)*, với những ý tưởng thật mới mẻ “*Phải có một sai lầm gì đó/ trong việc phân tách các giống người/ có cái gì đó đã mất đi trong lũ/ cái gì đó đã không được xếp trên thuyền của Noah/ cái gì đó Cựu ước đã quên ghi chép/ cái gì đó nhà tiên tri Nostradamus không thấy được... Có một sự ngộ nhận nào đó trên trái đất này/ các cơ sở dữ liệu về dân số toàn cầu/ có lẽ đã bị thất lạc cái gì đó/ cái gì đó Plato không dự kiến/ cái gì đó Nietzsche không đề cập, cái gì đó Einstein không tính toán/ có cái gì đó đã mất đi...*”. Tôi nói với Zakariya “Về Việt Nam nếu có thời gian tui sẽ dịch và giới thiệu thơ ông cho bạn đọc Việt Nam” mặc dù tôi không biết tôi có siêng đến thế hay không. Zakariya khoái chí “Vinh dự quá! Vinh dự quá!”.

**4** Tôi mang đến Bangkok nỗi buồn của một nhà văn Việt Nam không biết gì về nền văn học của các nước láng giềng. Tôi bực bực mỗi ưu tư đó trong diễn từ đọc trong đêm gala trao giải: “Chúng ta đã dịch và giới thiệu rất nhiều tác phẩm văn chương trên thế giới, đã biết châu Âu viết gì, người Mỹ viết gì, cả người Trung Quốc và người Nhật Bản, nhưng các nhà văn trong khối ASEAN đang viết gì và có những thành tựu nào thì chúng ta lại rất mơ hồ. Đó là hiện tượng không bình thường, giống như một người biết rất rành rẽ những gì đang diễn ra ở mọi góc ngách trên thế giới nhưng lại không biết gì về người hàng xóm sát bên cạnh mình. Văn chương không chỉ đem lại mỹ cảm mà đó còn là một phương tiện tuyệt vời để khám phá một vùng đất, thấu hiểu một quốc gia và cảm mến một dân tộc. Thuở bé, đọc Victor Hugo, tôi yêu nước Pháp, đọc Mark Twain, tôi yêu nước Mỹ. Cũng như thế, Gogol, Puskin giúp tôi yêu mến nước Nga. Là các nước gần gũi nhau về mặt văn hóa và con người, tôi tin rằng chúng ta cần đến với nhau nhiều hơn trong

tương lai. Mỗi dân tộc trong khu vực Đông Nam Á đều có treo một quả chuông trước cửa sổ tâm hồn của mình. Tôi nghĩ nhà văn chúng ta có sứ mạng phải rung những quả chuông đó lên, bằng văn chương...”. Diễn từ này tôi nhờ nhà văn kiêm dịch giả Mai Sơn chuyển ngữ sang tiếng Anh cho chắc ăn. Mai Sơn cười hè hè: “Đúng rồi, chuyện văn chương học thuật, lại đọc trước Hoàng gia và giới tinh hoa Thái Lan, để tui dịch sao cho thiệt... sang trọng”. Rốt cuộc, bản tiếng Anh “sang trọng” này in trong sổ tay phát cho quan khách, còn tất cả các nhà văn được giải được yêu cầu đọc bằng tiếng mẹ đẻ. Bài thơ thì tôi nhờ Tôn Thất Huy, em của nhà thơ Thiện Nhiên, chuyển ngữ.

Sự hạn chế trong giao lưu văn học giữa các nước ASEAN, tôi đã thấy lúc ngồi nhà, qua Bangkok gặp các nhà văn nhà thơ bạn, đọc các tác phẩm của họ, mới thấy đó là một thiếu sót lớn. Họ gần gũi với chúng ta và họ có những thành tựu nhất định; các nền văn học láng giềng hoàn toàn có thể kích thích lẫn nhau phát triển. Tôi bỗng mơ đến một tạp chí văn chương Đông Nam Á, tập hợp các cây bút của khu vực ASEAN và phát hành đồng thời ở tất cả các nước bằng thứ ngôn ngữ của mỗi nước. Mỗi năm một tập cũng đã là quá tốt. Nhưng làm sao để thực hiện? Hay là tôi đang mơ một giấc mơ?

*Sài Gòn Giải Phóng 21-11-2010*

# truyền thông ở Thái Lan

**1** Tôi qua Thái Lan hồi tháng tám để ra mắt sách, mang tiếng là đi nước ngoài nhưng cuối cùng không đi *shopping* được một buổi nào. Lúc mới qua, có ghé trung tâm thương mại MBK đảo một vòng, hoảng kinh thấy nó rộng mênh mông, định bụng trước lúc về thế nào cũng ghé lại mua ít quà cho anh em bè bạn ở nhà. Rốt cuộc, ngày cuối cùng bất thần bị Hội nhà văn Thái Lan “bắt cóc” nên ý định mua sắm cũng tiêu tan luôn.

Trước khi sang Bangkok, tôi được Nhà xuất bản Nanmeebooks báo trước sẽ có những cuộc tiếp xúc với giới truyền thông Thái Lan nhưng không nghĩ chuyện này căng thẳng đến vậy. Ngoài hai buổi ra mắt chính thức tác phẩm *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* bản tiếng Thái tại trụ sở Bộ ngoại giao Thái Lan và trường đại học Chulalongkorn, thời gian còn lại hầu như đều dành cho báo chí: Nhật báo Matichon, ASTV Manager, đài RFA tại Thái Lan, tạp chí Nhà văn (Writer Magazine), tuần báo Jood Pra Kai Literature Section, kênh truyền hình của Hội nhà văn Thái Lan, đài truyền hình Thai PBS, đài truyền hình Mango TV... Trong bài này, tôi chỉ kể vài chuyện vui về buổi ghi hình đầu tiên và cuối cùng trong chuyến đi.

**2** Ở Bangkok, nơi đầu tiên tôi đặt chân đến không phải là Nhà xuất bản Nanmeebooks mà là tòa nhà Nation Tower, nơi tọa lạc của Mango TV, đài truyền hình thuộc tập đoàn truyền thông lớn nhất Thái Lan The Nation. Buổi ghi hình cuộc trò chuyện với khán giả Thái trong chương trình Mango Cafe của đài này kéo dài gần hai tiếng đồng hồ nhưng tôi không thấy mệt vì đây là buổi làm việc đầu tiên. Chỉ rắc rối một chút ở phần “chào”. Người Thái chào khán giả bằng cách chấp tay cúi đầu (không biết phong tục này ở xứ Chùa Vàng có phải bắt nguồn từ văn hóa Phật giáo!). Tôi ngồi trên bục thu hình với hai phóng viên Thái Lan và Diệu Ninh, cô phiên dịch người Việt vừa tốt nghiệp thạc sĩ tại trường Chulalongkorn. Tôi không quen kiểu chào của người Thái nên những lúc cần chào thì lại toét miệng ra cười, đến khi xem phát thử, thấy ba người kia chấp tay cúi đầu

hết sức nghiêm trang còn mình ngồi nhăn răng cười, bụng thấy hơi kỳ. Phóng viên đài Mango bảo không sao, khán giả Thái biết anh là người nước ngoài mà. Nhưng tôi thấy áy náy (hon nữa thấy kiểu chấp tay cúi đầu cũng chẳng xa lạ gì với người Việt, nhất là những lúc đi lễ chùa) nên tôi kêu họ thu hình lại mấy đoạn liên quan đến chào hỏi cho lịch sự, cũng là tỏ ý tôn trọng khán giả Thái. Tới đây thì tôi lại lúng túng không biết lúc nào thì chào, vì phóng viên đài Mango dẫn chuyện bằng tiếng Thái nên tôi không thể nghe được câu “xin chào và hẹn gặp lại”. Tôi đành dặn Diệu Ninh khi nào tới chỗ “chào” thì nhớ... đá chân tôi một cái để ra hiệu, còn cẩn thận dặn thêm là đừng đá khế quá kẻo tôi không để ý nhưng cũng đừng đá mạnh quá kẻo tôi gãy giò (trong khi tôi còn mấy ngày làm việc phía trước nữa).

**3** Nếu buổi làm việc ở đài Mango TV là buổi làm việc đầu tiên thì buổi ghi hình của kênh truyền hình thuộc Hội nhà văn Thái Lan là cuộc làm việc cuối cùng của tôi với giới truyền thông Thái Lan. Chuyện này xảy ra hoàn toàn bất ngờ với tôi. Ngày hôm trước, lúc tọa đàm về cuốn *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* tại trường đại học Chulalongkorn, nhà văn Binlah Son mời tôi ăn trưa vào hôm sau. (Binlah Son và Prabhassorn Sevikul là hai nhà văn tham dự buổi tọa đàm). Kế hoạch của tôi là đi trung tâm thương mại MBIC trước khi bay về Việt Nam vào buổi chiều, nhưng lời mời của Binlah Son buộc tôi phải hủy bỏ kế hoạch đi mua sắm. Vì các siêu thị ở Thái thường mở cửa khoảng 10 giờ sáng, đi ô tô thì kẹt xe, đi tàu điện trên không (*sky train*) thì tốn nhiều thì giờ, không thể quay lại dự cơm trưa kịp.

Trưa hôm sau, chị Nareepop Sawasdirak, thư ký Hội nhà văn Thái Lan kiêm Tổng biên tập tạp chí lâu đời nhất ở Thái Lan Sakul Thai Magazine tới khách sạn đón tôi. Tới nhà hàng thấy cả chục người đang ngồi đợi sẵn, nghe giới thiệu mới biết đó là những nhân vật chủ chốt của Hội nhà văn Thái Lan.

Ăn xong, cả đoàn kéo về trụ sở Hội. Thấy họ tiếp mình trang trọng, lòng tôi không khỏi ngạc nhiên và cảm động. Ngồi chơi một lát, mới hay họ đón tôi như vậy ngoài sự trân trọng ra họ còn có ý muốn “dụ” tôi làm khách mời cho chương trình truyền hình “Ngôi nhà của các nhà văn” của họ. Chương trình được quay ngay tại trụ

sở Hội (Hội nhà văn Thái Lan có một kênh truyền hình riêng). Xong xuôi, họ mới kéo tôi vào phòng khánh tiết để tiếp đón chính thức. Tôi vừa ngồi trò chuyện vừa nhấp nhồm xem đồng hồ, cứ sợ trễ giờ ra sân bay. Nhà thơ Chen Songsomphan, chủ tịch Hội nhà văn Thái Lan trấn an “Không sao! Không sao”. Tôi thì thấy “có sao” nên cũng chẳng bụng dạ nào rớ tới mấy đĩa bánh để trước mặt, cứ nghĩ đến nạn kẹt xe ở Bangkok là trống ngực nện binh binh, mặc dù cô Thúy Hạnh, giảng viên tiếng Việt ở Đại học Chulalongkorn bảo “Anh về Việt Nam không được thì Hội nhà văn Thái Lan phải nuôi anh chứ lo gì!”. Cuối cùng, chắc thấy tôi nơm nớp không yên, họ tặng tôi một gói sách làm quà, trong đó đặc biệt có một cuốn In song ngữ Thái Lan - Malaysia. Họ muốn nói là Thái Lan và Việt Nam tại sao không hợp tác in những cuốn sách như vậy để giới thiệu văn học hai nước cho nhau. Bữa đó, nhà văn Kanokwalee Pojanapakorn, hiệu trưởng trường viết văn Thái Lan, chở tôi ra sân bay. Tới nơi thấy máy bay... chưa cất cánh bụng tôi mới hết lo lắng.

**4** Tóm lại, bốn ngày ở Bangkok tôi cứ phải gặp gỡ báo chí suốt: không ghi hình trên các kênh tivi thì cũng trả lời phỏng vấn báo viết, về tới Việt Nam, tưởng “thoát”, nào ngờ giờ bản hợp đồng với Nhà xuất bản Nanmeebooks ra coi lại, giật mình thấy có điều khoản quy định: nếu có cơ quan truyền thông nào ở Thái Lan muốn gặp tác giả để phỏng vấn hoặc ghi hình thì tác giả có nghĩa vụ phải đáp ứng, không được từ chối, trong suốt sáu tháng trời như vậy, kể từ khi sách phát hành.

Bữa nay, nhắm đi nhắm lại mới có ba tháng trôi qua. Còn ba tháng nữa vẫn thấp thỏm không biết Nhà xuất bản Nanmeebooks có “triệu tập” mình qua Thái nữa không. Chỉ thấy vui vui khi họ bảo cuốn *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* bán rất tốt và hỏi tôi thích giới thiệu với bạn đọc Thái Lan cuốn nào nữa thì tóm tắt bằng tiếng Anh rồi gửi qua cho họ. Lại nhớ đến câu nói trêu của tiến sĩ - dịch giả Montira Rato hôm thấy tôi ký tặng sách mệt đừ đừ đến bỏ cả tiệc *buffet* ở trường đại học Chulalongkorn: “Chắc anh hết dám in cuốn thứ hai ở Thái rồi phải không?”.



# đánh bài ở Mỹ

**1** Florida là tiểu bang nằm giữa vịnh Mexico và Đại Tây Dương, vốn nổi tiếng về du lịch biển. Bên cạnh quả cam, biểu tượng của tiểu bang này còn có cây cọ và cá sấu, nghe qua đã biết nó gần với biển cả như thế nào. Ngoài thành phố Miami nổi tiếng, Florida có vô số những bãi biển xinh đẹp khác như Sarasota, West Palm, Daytona... với cát trắng mịn, mặt nước xanh biếc và êm đềm, trên cao hải âu bay lượn từng bầy, sẵn sàng sà xuống nếu khách tình nghịch ném lên không những mẩu vụn bánh mì.

Từ thành phố Orlando, đi về bên trái hay bên phải trước sau gì cũng gặp biển. Sáu giờ chiều thằng em tôi rủ tôi xuống bãi biển Cocoa nằm ven bờ Đại Tây Dương chơi. Đây là bãi biển gần nhất, nó nói, chỉ một tiếng lái xe, bằng Sài Gòn đi Vũng Tàu. Tắm biển gì đi tối hù vậy? Tôi ngạc nhiên. - Không, đi chơi bài. - Chơi bài? Sao không kiếm chỗ gần gần, chạy chi xa lắc vậy? Nó cười khì khì: Nước Mỹ không cho đánh bài trên đất liền. Ai muốn chơi xuống nước mà chơi!

Hóa ra ở các bãi biển Florida, lúc nào cũng có các *casino boat* đậu rải rác: SunCruz, Big Easy, La Cruise, Sterling... Khách chơi mua vé vô cửa, tàu sẽ chở ra tuốt ngoài biển, cách đất liền khoảng một dặm, neo ở đó, chơi xong chở vô. Thường, mỗi ngày có hai suất: từ 11 giờ sáng đến 4 giờ chiều và từ 7 giờ tối đến 12 giờ khuya. Lúc đầu, chúng tôi tính lên tàu Sterling, to như tòa chung cư, cao 68 feet, dài 440 feet, để chơi cho êm. Chiếc tàu to dùng này chứa được 1.800 khách, có 1.000 máy đánh bài tự động và 50 bàn chơi bài, thôi thì đủ loại: 3 *card Poker*, *Blackjack*, *Caribbean Stud Poker*, *Let it Ride*... Trừ *Roulette* là trò chơi quay số, tất cả các kiểu còn lại gọi chung là *Poker* - trò chơi dựa trên bộ bài Tây 52 lá.

Thằng em quên đường, lái xe vòng vèo một hồi, đến nơi chiếc Sterling đã rục rịch nhổ neo, đành phải chui vô chiếc SunCruz. Chiếc này hai tầng đồ sộ, tuy nhỏ hơn chiếc Sterling, khách vô cửa phải

giơ tay để nhân viên bảo vệ kiểm soát, y chang như bước lên máy bay. Tầng dưới là phòng chơi bài tự động, vốn dành cho các bậc cao tuổi, khoái chơi bài nhưng làm biếng học luật chơi, ưa kéo máy cho khỏe, lại được ngồi một mình một máy, không chung đụng với ai. Tầng trên là phòng đặt các bàn chơi bài, dành cho tay chơi thứ thiệt, có hồ lý chia bài đẳng hoàng. Thắng em hỏi tôi: Anh thích vô phòng nào? Tôi sờ bụng: - Phòng ăn!

**2** Phòng ăn và quán rượu nằm ở đuôi tàu. Thắng em bảo tôi: Anh uống ít thôi. Uống nhiều quá, lát nữa nhìn con *già* ra con *đằm* thì kệt. Thiệt ra tôi không phải là người mê cờ bạc, có đi chơi cũng là chơi cho biết. Biết cờ bạc ở Mỹ nó khác cờ bạc ở Việt Nam chỗ nào đặng về nhà còn bốc phét với bạn bè.

Hóa ra nó khác xa lác xạc. Ăn uống no say, tôi leo lên tầng trên, trèo lên gác lửng ngó xuống một hồi, thấy chơi bài kiểu Mỹ dễ ợt, chẳng có chi hấp dẫn. Bài *Caribbean Stud Poker* chẳng hạn, giống như bài *xập xám* bên ta nhưng chỉ chơi có một *chi*. Hồ lý chia mỗi người năm lá, lật ra coi, người nào có đôi lớn thì thắng. Hai đôi thắng một đôi. Ba con thắng hai đôi. Rồi tới *xanh, thùng, cù lũ, tứ quý, thùng phá xanh*, sòng bài ở Mỹ gọi lần lượt là *Straight, Flush, Full House, 4 of a Kind, Straight Flush*. Các kiểu chơi bài khác cũng vậy, đứng ngoài coi một hai lần là biết ngay cách chơi, đại khái chỉ cần so xem bài nào lớn bài nào nhỏ rồi phân định hơn thua, chứ không “trí tuệ” như bài *xập xám* hay *xì phé* ở xứ ta, phải động não đến móp xộp cái đầu.

Bữa đó tôi chơi từ 7 giờ tối đến 11 giờ khuya, chủ yếu là đánh cò con, thua 50 đô, đang tính đánh cù cưa để gỡ, đã nghe thông báo 11g15 tất cả các sòng đều đóng cửa, đành tặc lưỡi đứng lên. Thiệt ra, tuy gọi là thua, nhưng không bằng người ta đánh ráng, tính số bia rượu được phục vụ miễn phí ngay tại bàn suốt bốn tiếng đồng hồ có khi huề vốn không chừng. Thắng em vỗ vai tôi: Đánh bốn tiếng đồng hồ ở SunCruz mà chỉ thua có 50 đô có thể coi là... đại thắng trở về. Tôi nhăn nhó: Nhưng bài ở đây chơi chán phèo, không gay cấn, hồi hộp gì hết. Thắng em vuốt tóc: Ngay “kinh đô cờ bạc thế giới” Las Vegas cũng thế thôi, lòng vòng cũng mấy kiểu này hà. -

Hồng lễ dân Mỹ đầu óc đơn giản vậy sao? - Ấy, họ cố tình bày ra những kiểu chơi “đơn giản” vậy đó chứ. Mục đích của các sòng bạc là thu hút khách, khách càng đông càng tốt, khách chưa biết chơi nhìn qua một lần là chơi được liền. Chứ bày ra những trò phức tạp *xập xám, xì phé* hay *tiến lên* như ở xứ mình, khách học cả ngày còn chưa rành, chắc họ sập tiệm sớm.

Thì ra đây là tính toán chiến lược của các sòng bạc. Xây dựng hoạt động trên những trò chơi đơn giản, đó là một cách giúp cho các trò đồ đen tăng “tính đại chúng” để dễ dàng “phổ cập”, hơn nữa khi cần, họ tuyển hồ lý được ngay. Hồ lý, tức *dealer* - người chia bài, trước khi bước chân vào nghề đa số đều không biết gì về cờ bạc, họ xin việc làm ở các sòng bài chỉ là do mưu sinh. Nhưng ngay cả khi họ mù tịt về các món ăn chơi, chỉ cần các bậc thầy chỉ dẫn vài hôm là họ hoàn toàn nắm vững luật chơi và có thể ung dung hành nghề.

**3** Bữa ghé Shreveport ở tiểu bang Louisiana - tiểu bang mà Napoleon đã bán cho Mỹ với giá 15 triệu đô la vào năm 1803, có thành phố New Orleans đặc Pháp nổi tiếng, tôi thử chui vô mấy sòng bài của người da đỏ, thấy thằng em tôi nói y chang. Luẩn quẩn cũng các kiểu *3 card Poker, Blackjack, Caribbean Stud Poker, Let it Ride...* Chỉ khác một điểm, lại là điểm quan trọng nhất: các sòng bài ở Louisiana không nằm trên biển mà ở trên sông. Thằng em tôi bảo: Sông cũng được, miễn là ở trên mặt nước. Tôi kêu thằng em lái xe chạy lòng vòng các khu đánh bạc, tới *casino* nào cũng dòm lom lom phía dưới, có thấy sông nước chi đâu. Cũng có cái de ra sông thiệt, nhưng có cái chỉ de cái dít ra có... một phần mười. Thậm chí, nhiều *casino* chẳng thèm sông suối chi cho mệt. Sòng bạc xây ngay giữa đất liền, xong đào cái ao nhỏ xíu phía dưới, kêu con nít mức nước đổ vô. Cảnh sát hỏi, đáp “Bộ tui mày đui hay sao mà không thấy sòng bài của tao nằm ở trên... mặt nước”. Cảnh sát cười méo xẹo “Tui bay mánh quá há. Được rồi, tao sẽ ráng đi ngang qua đây mỗi ngày, bữa nào cái ao tui bay cạn mà tui bay chưa kịp mức nước đổ vô, tao phạt sói trán ráng chịu à”. Tôi cười khoái trá, nói với thằng em: “Cái này ở Việt Nam kêu là *lách luật*”.

Thằng em tôi nói: Cảnh sát Mỹ muốn phạt mấy cha mánh mung này dễ ợt. Nhưng họ không đụng vô. Chẳng qua gần đây người Mỹ dành nhiều ưu đãi cho người da đỏ, tổ tiên của vùng đất này. (Người da đỏ thiệt ra họ đâu có khoái gọi họ là *Indians* - *người Ấn*, một nhầm lẫn của Christophe Colomb từ thế kỷ 15, phải gọi họ là *Native Americans* - *người châu Mỹ bản địa* thì họ mới khoái). “Người châu Mỹ bản địa” đó bây giờ được đám hậu sinh da trắng dành cho nhiều đặc quyền, trong có có đặc quyền... mở sòng bạc. Thậm chí nghe nói cư dân quận Cam ở tiểu bang California có thể sẽ không cần lái ô tô lặn lội năm, sáu tiếng đồng hồ băng sa mạc để qua Las Vegas đánh bài nữa, vì Garden Grove đang tính cho mở một sòng bài “hoành tráng” ở đây (với các tiệm ăn, khu thương xá và các “sô” giải trí đẳng cấp quốc tế y chang ở “kinh đô cờ bạc” Las Vegas), tất nhiên với sự cộng tác của các nhà đại tư bản ở Las Vegas và đặc biệt là với cộng đồng người da đỏ ở San Diego để “hợp pháp hóa” dự án này. Chuyện đó nay chẳng biết đã tới đâu...

*Sài Gòn Giải Phóng 12.8.2012*

# noel ở Mỹ

**1** Cuối năm, nghe nói tôi sang Mỹ đón Giáng sinh và Năm mới, bạn bè ai cũng xuýt xoa: Chắc, ăn Noel và Tết Tây ở Mỹ, “hoành tráng” quá!

Bạn bè bảo “hoành tráng” là phải rồi! Việt Nam là nước nghèo, lại không phải là quốc gia Thiên chúa giáo hay Tin lành mà đón Noel rầm rộ như thế (khu vực trung tâm Sài Gòn mùa nào cũng chen chân không lọt), huống gì một nước giàu có bậc nhất thế giới và số người theo đạo Kitô chiếm khoảng 80% dân số như nước Mỹ! Nghe nói học trò của Mỹ nghỉ lễ một lèo từ Giáng sinh đến hết Tết Tây, đủ thấy đây là dịp lễ lớn như thế nào đối với họ.

**2** Qua tới Mỹ rồi, mới hay mọi sự hình dung lúc còn ở nhà hóa ra... trật lất. Trừ trẻ em được nghỉ học thời gian khá dài (từ 22-12 đến 3-1), người lớn nghỉ lễ tùy theo quy định của từng sở làm (thông thường nghỉ lễ Noel hai ngày 24 & 25-12 và nghỉ Tết hai ngày 31-12 & 1-1), những ngày còn lại vẫn đi làm bình thường. Chưa kể người Mỹ nghỉ lễ thường có thói quen tụ họp gia đình. Họ rút hết vào trong nhà chứ không đổ ra đường như dân Việt Nam. Cho nên ở Mỹ trong những ngày này, trừ các khu giải trí dành cho khách du lịch, hổng thấy dấu hiệu gì của lễ hội vui chơi. Ở các khu phố của Mỹ không khí vẫn bình lặng như ngày thường: xe không nhả còi, người không nói lớn, chó không sủa to (hoặc không buồn sủa)... Tám giờ sáng tôi mở cửa ra ngồi uống cà phê trước hiên, ngoảnh tới ngoảnh lui chỉ có mấy con sóc làm bạn.

**3** Chỉ có ba dấu hiệu cho biết nước Mỹ đang vào mùa Noel: Thứ nhất, cửa hàng nào của Mỹ cũng có một gian bán quà Giáng sinh để người ta mua tặng nhau và bán đồ trang trí như cây thông, đèn chùm để người dân mua về trang hoàng nhà cửa. Thứ hai, hầu như nhà nào cũng kết đèn trước nhà, đèn chạy quanh hàng rào, cây cối, ban đêm chạy xe ngang như thấy cả dải ngân hà. Thứ ba là câu chào đầu môi trong những ngày đó. Chuông điện thoại reo, nhắc

ổng nghe lên, vọng vào tai câu đầu tiên từ đầu giây bên kia là “Merry Christmas” - *Noel vui vẻ nhé*, biết là mùa Giáng sinh đã về!

**4** Nếu không có các dấu hiệu đó, tôi thực khó biết tôi đang ở Mỹ vào một trong những mùa lễ lớn nhất của họ. Mọi sinh hoạt ngoài xã hội đều bình thường. Người lao động nghỉ Noel và nghỉ Tết cũng giống như nghỉ cuối tuần. Guồng quay công việc vẫn bình thản, đều đặn, không có cái không khí nhộn nhạo, tấp nập như ở Việt Nam. Noel và Tết tuy là những ngày lễ lớn của người Mỹ (cùng với Ngày Độc lập, Lễ Tạ ơn...), vẫn không làm xáo trộn nhịp sống của dân Mỹ. Lễ chỉ là dịp để họ quần tụ gia đình và thăm viếng, tặng quà, chúc tụng cho nhau những lời may mắn, chứ không phải là dịp để “ăn chơi thả giàn” như dân Việt. Cách Tết chừng nửa tháng, gặp chuyện gì người Việt cũng tặc lưỡi: “Thôi, để qua Tết rồi làm”. Rời qua Tết “chừng nửa tháng” nữa cũng chưa chắc đã động tay động chân. Cái ý niệm “tháng Giêng là tháng ăn chơi” khi đã ngấm vào máu, đã hóa thành tâm trạng thì thực khó phai đi trong một sớm một chiều.

**5** Người Mỹ lại khác. Người Mỹ coi Noel và Tết là những ngày khác hơn bình thường chút xíu nên xã hội của họ chẳng có gì gọi là bất thường. Ở nước ta, cứ sắp đến những ngày lễ hội là thứ gì cũng rục rịch lên giá. Gạo lên, đường lên, thịt cá lên, rau lên... Ở Mỹ, các mặt hàng không những không tăng giá, mà còn giảm giá để thu hút người mua. Thậm chí trong những dịp này Chính phủ còn đứng ra phát động “tháng sale-off” (tháng giảm giá) như một chiến dịch kích thích tiêu dùng. Cho nên người Mỹ không có thói quen mua sắm ồ ạt, tích trữ thực phẩm trong các dịp đặc biệt như người Việt. Muốn mua thứ gì, họ chạy ra cửa hàng là có ngay. Họ không sợ hàng hóa đội giá bất ngờ, không sợ bị “chặt chém” lung tung, tích trữ làm gì cho chật nhà chật cửa! Nếu họ có xếp hàng đi mua sắm thì cũng không phải vì sợ hàng hóa tăng giá như chúng ta mà vì họ “canh” những ngày các cửa hàng treo biển “sale” để mua hàng giảm giá trong dịp lễ lạt.

**6** Tôi đi Mỹ đã nhiều lần nhưng thú thật chưa có dịp đến thăm một khu công nghiệp nào. Đó là một thiếu sót lớn khi Mỹ là quốc gia

có nền kinh tế lớn nhất thế giới: tổng sản phẩm nội địa của họ chiếm một phần tư tổng sản lượng toàn cầu. Hôm rồi, tôi có ghé trụ sở hãng Coca Cola ở Atlanta cũng giống như đi... du hí: Tới nơi, xem phim về lịch sử của hãng, uống nước ngọt của hãng sản xuất từ khắp các quốc gia trên thế giới (tất nhiên là mỗi thứ uống một ngụm), mua vài thứ đồ lưu niệm, chụp vài tấm hình rồi lon ton ra về. Họ có giới thiệu quy trình công nghệ chế biến và sản xuất nước ngọt của họ nhưng nghiêng ngó láo liên trong khung cảnh đó cũng giống như xem mô hình đồ chơi của trẻ con, chẳng hình dung được gì nhiều. Tôi chỉ một lần mừng tượng được phần nào kích thước của nền kinh tế Mỹ, đó là lúc tôi ngồi ô tô đi từ thành phố Las Vegas qua thành phố Los Angeles. Suốt gần sáu tiếng đồng hồ băng qua sa mạc mênh mông, tôi thấy các xe container chở hàng chạy nối đuôi nhau không dứt trên hai con đường xuôi - ngược dằng dặc, ngó từ xa trông như những đàn cừu bò lổm ngổm. Chưa nhìn thấy nhà máy, chỉ cần quan sát khối lượng sản phẩm khổng lồ làm ra từ các "nhà máy vô hình" kia đang lưu thông trên đường, không cần giới tưởng tượng bất cứ du khách nào cũng đánh giá được sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.

Sức mạnh đó và thói quen đón Noel và đón Tết của người Mỹ có vẻ như chẳng liên quan gì với nhau nhưng ở một đất nước mà những ngày lễ lạt dường như chẳng ảnh hưởng gì, nhất là chẳng làm đình trệ nhịp sinh hoạt và lao động bình thường của họ thì cái này rất có thể là nền tảng của cái kia lắm chứ!

*Sài Gòn Giải Phóng 23-1-2011*

# xem bóng đá trên kênh truyền hình Mễ

Ở Mỹ, đài truyền hình có đủ khủ chương trình: Thể thao, Âm nhạc, Tôn giáo, Trẻ em, Gia đình, Phim ảnh... Riêng chương trình thể thao, có mấy chục kênh khác nhau. Tôi bật menu, rà các kênh thể thao, tìm coi kênh nào phát các trận tranh Cúp Liên lục địa, dò đến mờ mắt mới thấy một kênh của Mexico cho xem miễn phí.

Mexico, người Việt ở Mỹ vẫn gọi là Mễ Tây Cơ, phiên từ tiếng Trung Quốc, gọi tắt là người Mễ. Ở Mỹ, người Mễ khá đông. Đơn giản thôi, Mexico nằm sát rạt Mỹ, dân biên ải tối ngủ nằm mơ, trở mình một cái là lặn qua tới... Mỹ rồi. Quá tiện lợi nên người Mễ qua Mỹ ào ào.

Theo các tư liệu lịch sử, trước đây, lục địa châu Á còn được nối liền với châu Mỹ bởi dải băng (được bao phủ bởi các thảm thực vật) bắc ngang qua eo biển Bering, dân du cư châu Á đã lần lượt kéo nhau qua châu Mỹ (có thể do săn đuổi các loài thú dọc bờ biển Siberia, họ đã băng qua vùng đất có tên là Beringia đó mà không biết rằng họ đã đặt chân lên một lục địa mới!) và quá trình di dân ngẫu nhiên này chỉ kết thúc ba ngàn năm trước đây khi “chiếc cầu băng” bất ngờ tan rã do nhiệt độ ở Bắc cực tăng lên đột ngột. Chính những kẻ du cư đến từ phương Đông này đã kết hợp với thổ dân bản địa sinh ra người da đỏ và cũng do nhìn thấy màu da cùng mái tóc đen của sắc dân này mà Christophe Colomb khi đặt chân đến châu Mỹ hồi thế kỷ 15 cứ đinh ninh mình lạc tới xứ... Ấn Độ. Sắc dân này về sau còn lai Tây Ban Nha qua nhiều thế hệ để trở thành dân Mễ như ngày nay.

Trong thực tế, so với người Mỹ khác xa lơ xa lắc thì người Mễ có nhiều nét hao hao người Việt. Xem đội tuyển Mexico đá trên tivi thì rõ: họ chẳng khác cầu thủ Việt bao lắm. Cũng tóc đen, da vàng vàng (lai Tây Ban Nha nên hơi trắng hơn người Việt chút xíu), vóc người



cũng không cao lớn gì mấy, xem họ đá với đội tuyển Đức, thể hình chênh lệch cứ như tuyển Việt Nam đang đá với tuyển Hàn. Ở Mỹ, người ta làm người châu Á với người Mễ là chuyện vẫn thường xảy ra. Phụ nữ Mễ cũng dễ nhiều như phụ nữ Việt Nam (nếu nhà nước ta cho... sinh để thoải mái!). Trong sinh hoạt, người Mễ cũng có nhiều nét giống ta: cởi mở, vui vẻ (người Mỹ cởi mở chỗ đám đông nhưng sống khép kín trong sinh hoạt riêng tư), và đặc biệt là rất hiếu khách. Muốn biết khách từ đâu đến, người Mỹ hỏi “Where do you come from?”, nhưng người Mễ thì hỏi “De dónde nos visita?”, có nghĩa “Bạn từ đâu đến thăm chúng tôi?” - lối hỏi của người Mễ không thuần túy tìm hiểu thông tin mà còn đậm đà tình cảm...

Cũng như người Việt, người Mễ thích quần tụ có dây có nợ theo kiểu gia đình và mê bóng đá cuồng nhiệt. Với số fan bóng đá đông đảo, tuyển Mexico mà đụng tuyển Mỹ ngay trên đất Mỹ thì y như đá sân nhà (ngược lại, tuyển Mỹ rơi vào cảm giác đang chơi trên... sân khách là cái chắc!). Người Mễ cũng giống người Việt ở chỗ khi định cư ở Mỹ, cả hai đều nhanh chóng dấn dúi nhau đi vào thành ngữ: “Không ăn đậu không phải người Mễ, không đi trễ không phải người Việt”. Nội dung chính xác đến đâu, người viết bài này không dám lạm bàn. Nhưng người Mễ đúng là khoái ăn đậu (hầu như món ăn nào cũng có đậu) còn người Việt ở đất Việt (ở đất Mỹ chắc cũng không khác mấy!), cái vụ “đi trễ” đã có thành ngữ “giờ dây thun” làm bằng chứng chắc nụi rồi.

Nhưng người Mễ còn giống người Việt ở điểm đáng cảm động và đáng trân trọng nhất là họ luôn đau đầu nghĩ về quê nhà. Người Mễ xa xứ làm ăn, không nề hà công việc nặng nhọc (hình như trên đất Mỹ, công việc nào không ai muốn làm, người Mễ đều sẵn sàng đảm đương: cắt cỏ, đào đất, sửa xe, làm thợ hồ...), và kiếm được đồng nào là gửi về cho thân nhân đồng nấy. Hằng năm người Mễ ở Mỹ gửi về nước khoảng 12 tỉ đô la. Con số này có lẽ sẽ không ngừng tăng lên theo số dân Mễ liên tục nhập cư hợp pháp lẫn bất hợp pháp vào Mỹ. Cho đến nay, công dân Hoa Kỳ gốc châu Mỹ la tinh đã vọt lên 30 - 40 triệu, gần bằng số dân da đen, trong đó dân Mễ chiếm khoảng một phần ba.

Điều đó cắt nghĩa tại sao ngôn ngữ thông dụng ở Mỹ là tiếng Anh, và tiếp theo là tiếng Tây Ban Nha. Bữa đi chơi ở Disney World, ngồi trên xe bus chạy từ khu này sang khu khác, tôi để ý thấy trên xe gắn hai tấm bảng, một bảng tiếng Anh một bảng tiếng Tây Ban Nha, đại khái dặn người lớn trông chừng đừng để con nít thò đầu và chân tay ra ngoài, giống như hàng chữ ghi trên xe đồ xứ ta. Ở cuối xe, ngay sau lưng tôi, một anh chàng trẻ măng, râu đen nhánh, tay cầm micro nói ra rả như kiểu hướng dẫn viên du lịch, cứ thao thao một tràng tiếng Anh, lại nổ lộp bộp một tràng tiếng Tây Ban Nha. Tôi phục sát đất, quay lại khen: Chú mày nói tiếng Tây Ban Nha siêu quá chớ hả? Hấn cười hì hì: Siêu cái con khỉ! Và chỉ tay vô cái máy cát-xét nhỏ xíu bên cạnh, nháy mắt: Ông anh xem nè! Hóa ra tràng tiếng Anh đúng là do hấn nói, nhưng tràng tiếng Tây Ban Nha là do cái máy phát ra.

Về cái vụ ngôn ngữ, hôm tới Miami, người viết bài này còn tá hỏa hơn nữa: ghé vào trạm xăng và một vài siêu thị, thấy khách bán và khách mua nói toàn tiếng Tây Ban Nha. Cũng không hề có một tấm bảng hướng dẫn nào bằng Anh ngữ. về sau mới biết đó là khu sống tập trung của người Mễ. Ở những khu vực đặc biệt này, tiếng Anh đối với người Mễ là “tiếng nước ngoài”. Họ không sử dụng, mà có khi họ cũng... không cần biết.

Ấy chết, nói lan man nãy giờ, quên mất cái đề tài chính. Là xem bóng đá ở Mỹ. Mà lại trên kênh truyền hình của Mễ. Lại có đội Mexico đá nữa mới khí thế chớ. Khởi nói, bà con cũng biết là tay tường thuật viên người Mễ hò hét cỡ nào. Trước đây, lúc còn ở nhà xem kênh ESPN tường thuật bóng đá giải Anh, thấy bình luận viên Anh hét cũng gớm. Nhưng không vui bằng Mễ. Xem trận Đức gặp Mexico, lúc cầu thủ Đức ghi bàn, giọng tay tường thuật nghe yếu xìu, lại làu bàu cả buổi, người viết bài này không nghe được tiếng Tây Ban Nha nên không biết “chú nó” có nóng tiết lên “văng bậy” gì không. Đến khi cầu thủ Borgetti gỡ hoà 2 - 2 cho Mexico, trời đất ơi, tay tường thuật viên hét chữ “Gol” (như chữ “Goal” tiếng Anh) muốn điếc lỗ tai. Hét một hồi lâu chưa đã, chú nó “hát cải lương” luôn. Chữ “gol” kéo dài ngoằng thành “Gô... gồ... gồ... gồ... gồ... gồ... gồ... gồ...”,

trầm bổng, uốn éo còn hơn Vũ Linh ca vọng cổ, nghe tức cười muốn chết.

Nhưng cười xong, thấy buồn. Nhìn quanh thấy vắng vẻ, không có “đồng minh” để chia sẻ niềm vui. Có thằng em coi chung, nhưng nó cứ nhấp nhồm tính nhảy qua kênh khác coi tennis tranh tài ở Wimbledon. Thành ra ngồi ở Mỹ, coi cúp Liên lục địa tổ chức ở Đức trên kênh truyền hình Mễ, tay cầm chai bia Corona Mễ (loại bia quái chiêu khi uống phải nặn chanh và bỏ muối vô uống mới đã), thấy rất oai, rất “quốc tế”, nhưng thiệt ra không thú bằng ngồi ở nhà hò hét với bạn bè cả chục đứa cùng chụm đầu vô màn hình la rân trời rân đất. Coi bóng đá, rõ ràng muốn cho đã, phải ngồi ở Việt Nam. Còn không thì phải ngồi... ở Mễ!

*Sài Gòn Giải Phóng 16-7-2005*

# tuyết

**1** Từ bé tôi đã thích tuyết. Chưa nhìn thấy tuyết ngoài đời bao giờ, nhưng xem phim thấy cảnh tuyết rơi trắng xóa, tôi thích mê tơi.

Học cấp hai, lên ba mẹ thuê truyện kiếm hiệp về “luyện”, đọc tới chỗ các cao thủ võ lâm đi ngoài tuyết mà không để lại dấu chân, cước lực nhẹ nhàng, kinh khoái, đạt đến trình độ “đạp tuyết vô ngân”, tôi hâm mộ vô cùng. Tây Môn Xuy Tuyết trong truyện Cổ Long, Tuyết Sơn Phi Hồ trong truyện Kim Dung, ngoại hiệu các tay cao thủ tuyết đỉnh đó đều long lanh tuyết. Lớn lên chút nữa, những tác phẩm văn học yêu thích của tôi phần nhiều cũng liên quan đến tuyết: *Xứ tuyết* của Kawabata Yasunari, *Con chim trốn tuyết* của Paul Gallico, *Tuyết trên đỉnh Kilimanjaro* của Ernest Hemingway... Vậy mà đến nay tôi chưa có dịp thấy tuyết bao giờ.

**2** Tôi còn kém hơn cả các bậc tiền bối. Chắc chắn cha ông ta nhiều người đã nhìn thấy tuyết. Ta có thể tìm thấy điều đó trong trước tác của họ. Có người chê họ thiếu thực tế, theo đuổi lối văn chương ước lệ, chứ Việt Nam làm gì có tuyết. Có thể thời xưa các thi sĩ chưa đặt chân đến thị trấn Sapa ở Lào Cai, nơi thỉnh thoảng tuyết vẫn rơi vào mùa đông giá, nhưng các vị hắc không ít người đi sứ sang Trung Quốc, và mục sở thị cảnh “vũ tuyết phi phi” được mô tả trong phần Tiểu nhã của Kinh Thi. Vậy thì ta chớ trách oan các vị.



**3** Cuối năm 2009, tôi đi dự Hội thảo văn học thiếu nhi ở Stockholm, lòng sung sướng vô ngần, chắc mắt phên này thế nào cũng nhìn thấy tuyết. Ngay hôm đầu tiên, trước khi đọc bản tham luận của mình, tôi chợt nhớ phải làm một động tác ngoại giao khi đến nước người, liền nói một câu “ước lệ”: “Hôm nay tôi rất hạnh phúc

khi đặt chân đến đất nước Thụy Điển xinh đẹp”; ngập ngừng một chút tôi nói tiếp một câu “phá lệ”: “Đất nước Thụy Điển sẽ xinh đẹp hơn nữa nếu lần đầu trong đời tôi được nhìn thấy tuyết ở đây”. Cử tọa “ồ” lên và nhiều người vui vẻ chúc tôi được toại nguyện trong những ngày ở Stockholm. Có người nói chắc như đinh đóng cột là trong một tuần lễ lưu lại đây thế nào tôi cũng nhìn thấy tuyết. Tôi đợi mỗi mòn, sáng nào mở cửa ra cũng hồi hộp căng mắt nhìn tứ phía, thất vọng chẳng thấy thứ gì giống như tuyết. Một hôm đi giao lưu ở thành phố Halmstad, tới nơi thấy bãi đỗ xe ô tô chiếc nào cũng trắng xóa, tôi mừng húm lại gần quẹt tay lên lớp “tuyết” mỏng, reo lên với cô Gizela Sladic đi cùng: “Đúng là trời không phụ lòng người! Cuối cùng tôi cũng nhìn thấy tuyết, Gizela!”. Gizela Sladic tủm tỉm: “Theo tôi thì trời phụ lòng người rồi! Lớp băng mỏng đó không phải là tuyết, chỉ là sương đêm gặp khí lạnh đông lại mà thôi!”.

Rất cuộc, sau bảy ngày cuối năm đi lang thang ở xứ sở Bắc Âu, thứ gì tôi cũng nhìn thấy, từ hang động (tức là nhà ở) đầu tiên của người Viking đến tòa thị chính Stockholm, nơi diễn ra lễ trao giải Nobel văn chương hằng năm, chỉ trừ tuyết là không thấy.

Tôi về đến Việt Nam ít hôm, báo đài đã ồ ạt đăng tin bão tuyết đang tràn qua châu Âu, nghe phát điên!

**4** Tháng vừa rồi, tôi qua Mỹ đón Giáng sinh và Năm mới cùng gia đình, lòng cũng khắp khởi phen này ắt sẽ tận mắt chứng kiến cảnh “vũ tuyết phi phi”. Hai lần trước, tôi qua Mỹ vào mùa hè, phen này cố tình qua vào mùa đông cũng có ý đó. Rất cuộc, chẳng thấy tuyết tung gì cả. Thậm chí, số tôi vô duyên với tuyết đến mức tự an ủi: thôi, không thấy tuyết thật thì đi tham quan “tuyết nhân tạo” ở khu Snow Mountain Park thuộc thành phố Atlanta (tiểu bang Georgia) cũng đỡ tủi phần nào. Hồng ngò phóng ô tô chạy thực mạng tới nơi mới hay công viên tuyết này... hết vé.

Về tới Việt Nam chừng ba ngày, mấy đứa em ở Dallas và Atlanta gửi một lô hình về y như để trêu tức tôi: Tuyết đang rơi trắng xóa ở bên!

Thế là tôi đành ngậm ngùi quay lại với... tuyết ở quê nhà: Trường ban văn hóa văn nghệ báo *Sài Gòn Giải Phóng* là cô Bạch Tuyết, sếp trực tiếp của tôi. Nhưng tuyết này chẳng mát mẻ chút nào: Vừa thấy tôi ló mặt vô cơ quan đã chìa tay ra, mặt nghiêm nghị: “Bài tuần này đâu, ông?”. Buồn ơì là sâu!

*Sài Gòn Giải Phóng 16-1-2011*